

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 385/2025/CV - SHS
(V/v/Ref: Công bố thông tin về việc họp
ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và đường
dẫn đến toàn bộ tài liệu họp/
Information disclosure of the 2025 Annual
General Meeting of Shareholders and link to
all meeting documents)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 20th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRONIC PORTAL
OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGES

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Ha Noi Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên công ty: *Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội*

Organization name: Saigon-Hanoi Securities JSC

2. Mã chứng khoán/*Securities Code: SHS*

3. Mã thành viên/*Member code: 069*

4. Địa chỉ trụ sở chính/Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Address of head office: 1st -5th Floors, Unimex Hanoi Building, No. 41, Ngo Quyen street, Hoan Kiem district, Hanoi city, Vietnam

5. Điện thoại/*Telephone: 024.38.181888*

Fax/Fax: 024.38.181688

6. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Chí Thành – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật

Spokesman: Mr. Thanh, Nguyen Chi – CEO and Legal Representative

7. Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Address: 1st -5th Floors, Unimex Ha Noi Building, No. 41, Ngo Quyen street, Hang Bai ward, Hoan Kiem district, Hanoi, Vietnam

9. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng)/*Tel: 024.38 181.888* Fax: 024.38 181.688

10. Loại thông tin công bố: Định kỳ/*Information disclosure type: Periodicity*

11. Nội dung của thông tin công bố/*Contents of information disclosure:*

(Căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 10; Khoản 1, Điều 14; Khoản 1, Điều 22 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán)

(Pursuant to the provisions in Point a, Clause 3, Article 10; Clause 1, Article 14; Clause 1, Article 22 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance guiding information disclosure on the Stock Market)

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội công bố thông tin về việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp như sau:

Saigon - Hanoi Securities Joint Stock Company announces information about the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and link to all meeting documents as follows:

- Thời gian tổ chức: 13h30 ngày 10/04/2025/ *Time: 13:30 April 10th, 2025*
- Địa điểm tổ chức: Khách sạn PAN PACIFIC HANOI, số 01 Đường Thanh Niên, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam
- Venue: *PAN PACIFIC HOTEL, No.1 Thanh Nien road, Truc Bach ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam*

- Hình thức họp/*Meeting format: trực tiếp và trực tuyến/offline and online*
- Tài liệu họp được Công ty đăng tải trên website tại đường dẫn/*Meeting documents are posted on the Company's website at links: <https://www.shs.com.vn> ; <https://dhcd.shs.com.vn/>*

12. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/03/2025 tại đường dẫn:

The website's address of the disclosure: This information was published on the company's website on March 20th, 2025, as in the link:

<https://www.shs.com.vn/News/2025320/1012596/shs-cbtt-ve-viec-hop-dhcd-thuong-nien-nam-2025-va-duong-dan-den-toan-bo-tai-lieu-hop.aspx>

<https://www.shs.com.vn/News/2025320/1012597/shs-cbtt-ve-viec-hop-dhcd-thuong-nien-nam-2025-va-duong-dan-den-toan-bo-tai-lieu-hop.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear the full responsibility to the law.

Trân trọng/*Best regards,*

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/*Documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên /*As stated above;*
- Lưu VT, P.PC&QTRR/
Kept at Archives and Legal&Risk Management Department.

CÔNG TY CP CK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,
TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO



NGUYỄN CHÍ THÀNH

Số: 46 -2025/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: phê duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp, triệu tập họp
ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hiện hành;
- Nghị quyết số 01-2025/NQ-HĐQT ngày 13/02/2025 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về việc tổ chức phiên họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty;
- Biên bản họp HĐQT số 12.-2025/BBH-HĐQT ngày 20/3/2025;
- Tờ trình của Văn phòng HĐQT và Ban tổ chức ĐHĐCĐ TN 2025 số 17.-2025/TTr-SHS ngày 17/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 của Công ty như Chương trình nghị sự đính kèm Tờ trình số 17.-2025/TTr-SHS ngày 17/3/2025.
- Điều 2:** Thông qua Bộ tài liệu phục vụ họp, triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty như Phụ lục đính kèm Tờ trình số 17.-2025/TTr-SHS ngày 17/3/2025.
- Điều 3:** Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT toàn quyền quyết định, chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 theo kế hoạch, phương án đã được HĐQT thông qua và toàn bộ các nội dung công việc liên quan, bao gồm và không hạn chế các nội dung sau:
- Quyết định thay đổi thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ, hình thức họp, chương trình nghị sự, các nội dung và tài liệu báo cáo/trình ĐHĐCĐ thông qua (nếu xét thấy cần thiết);

- Chủ tịch HĐQT được phép giao/ủy quyền lại cho ông Nguyễn Chí Thành – Tổng giám đốc, các cán bộ lãnh đạo khác trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện một hoặc toàn bộ nội dung công việc nêu trên tùy theo mức độ quan trọng/liên quan.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025 và các đơn vị, cá nhân khác liên quan thuộc CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cbtt;
- Lưu VPHĐQT, VT.



ĐỖ QUANG VINH

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian: 13h30 ngày 10 tháng 4 năm 2025

Địa điểm điều hành/tổ chức: **Hội trường tầng 2, Khách sạn PAN PACIFIC HANOI, số 1 Đường Thanh Niên, P.Trúc Bạch, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội**

Trực tuyến: <https://dhcd.shs.com.vn/>

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
	Từ 20h00 ngày 20/3/2025 đến 13h00 ngày 10/4/2025	Cổ đông đăng nhập Hệ thống Đại hội trực tuyến để theo dõi và ủy quyền trực tuyến tham dự Đại hội tại địa chỉ website https://dhcd.shs.com.vn/	Ban Tổ chức hỗ trợ
	Từ 08h00 ngày 10/4/2025 đến khi kết thúc phiên họp	Hệ thống Đại hội trực tuyến mở cho Cổ đông đăng nhập, theo dõi và kiểm tra lại đường truyền chuẩn bị cho Phiên họp chính thức	Ban Tổ chức hỗ trợ
	13h30 ngày 10/4/2025	Đón tiếp khách mời, cổ đông tham dự trực tiếp Cổ đông Đăng ký tham dự Đại hội, nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử	Ban Tổ chức hỗ trợ
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 NGÀY 10/4/2025 CỦA ĐHCĐ SHS			
1	14:00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội	Dẫn Chương trình
2	14:05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban KTTC CĐ
3	14:10	Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch	Dẫn Chương trình
4	14:15	Giới thiệu Ban Thư ký; Giới thiệu và bầu Ban Kiểm phiếu	Chủ tọa
5	14:20	Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Nghị sự	Chủ tọa
6	14:30	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và TV HĐQT	TV HĐQT
7	14:45	Báo cáo hoạt động của TV HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán	TV HĐQT độc lập
8	15:00	Báo cáo của Tổng giám đốc	Tổng giám đốc

9	15:15	Các Tờ trình của Hội đồng quản trị	Thành viên Đoàn Chủ tịch
10	15:50	Báo cáo về việc đề cử, ứng cử TV HĐQT Công bố Danh sách Ứng cử viên bầu bổ sung TV HĐQT	TV Ban Kiểm phiếu
11	16:00	Đại hội thảo luận Bỏ Phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình Bỏ Phiếu bầu cử Thành viên HĐQT	Chủ tọa
12	16:15	Nghỉ giải lao	Dẫn Chương trình
13	16:35	Công bố Kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử	Ban Kiểm phiếu
14	16:45	Thành viên HĐQT mới được bầu bổ sung ra mắt	Chủ tọa
15	16:50	Thông qua Biên bản Đại hội	Ban Thư ký
16	17:00	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa



ĐỖ QUANG VINH

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) trân trọng kính mời tham dự phiên họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty:

- Thời gian:** 13h30 ngày 10 tháng 4 năm 2025.
- Địa điểm:** Tầng 2, Khách sạn Pan Pacific Hanoi, Số 1 Đường Thanh Niên, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội.
- Hình thức họp:** Đại hội trực tiếp kết hợp trực tuyến.
- Thành phần tham dự:** Cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán SHS chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 06/3/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Nội dung họp:** Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ được nêu tại Tài liệu họp.
- Tài liệu họp:** Được công bố trên website của Công ty và tại địa chỉ <https://dhcd.shs.com.vn> hoặc quét QR code in trong Thông báo mời họp để tải về (từ ngày 20/3/2025).
- Tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ:** Cổ đông tham dự họp và biểu quyết theo một trong các hình thức sau:
- Tham dự trực tiếp:** Giấy tờ Cổ đông mang theo khi tham dự Đại hội gồm: (1) Thông báo mời họp (Không bắt buộc); (2) Bản gốc căn cước/căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ/dữ liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác; (3) Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền); (4) Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao) với Cổ đông tổ chức.

Lưu ý: Quý Cổ đông đến tham dự trực tiếp vui lòng không hút thuốc tại địa điểm diễn ra phiên họp (theo quy định của địa điểm tổ chức).

- Tham dự trực tuyến:** Thực hiện truy cập vào hệ thống họp trực tuyến tại đường dẫn <https://dhcd.shs.com.vn> hoặc quét QR code trong Thông báo mời họp

Tên đăng nhập: (Số đăng ký sở hữu)

Mật khẩu: (Cấp ngẫu nhiên theo hệ thống)

- Ủy quyền tham dự Đại hội:**

Trường hợp cổ đông không dự họp và ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân/tổ chức khác dự họp, vui lòng gửi Giấy ủy quyền hợp lệ tới SHS theo một trong các cách thức sau:

- (1) Gửi trực tiếp/qua đường bưu điện/chuyển phát về địa chỉ nhận thư bên dưới, (2) Gửi về địa chỉ email: investor@shs.com.vn; hoặc (3) Thực hiện ủy quyền trực tiếp trên hệ thống trực tuyến <https://dhcd.shs.com.vn>;
- (4) Gửi trực tiếp đến địa điểm tổ chức trong thời gian diễn ra Đại hội.

Quý cổ đông có thể tải mẫu Giấy ủy quyền đăng tại website trên, hoặc có thể tự lập Giấy ủy quyền trong đó phải nêu rõ thông tin Bên ủy quyền, Bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền.

- Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông vui lòng liên hệ:**

Văn phòng Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tòa nhà UNIMEX Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, P.Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 38181888 (máy lẻ 310, 312) | Email: investor@shs.com.vn

Kênh Zalo OA: SHS Quan Hệ Cổ Đông

Trân trọng,



Tài liệu họp, ủy quyền trực tuyến và tham dự trực tuyến



Zalo Hỗ trợ cổ đông

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025



ĐỖ QUANG VINH

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự phiên họp thường niên năm 2025 Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Bên ủy quyền: Họ tên:

Địa chỉ:

Số CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN/GPHĐKD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại: Email:

Số lượng cổ phần SHS sở hữu:

ỦY QUYỀN TOÀN BỘ CỔ PHẦN SHS SỞ HỮU CHO MỘT TRONG CÁC ĐẠI BIỂU THAM DỰ VÀ NHẬN ỦY QUYỀN SAU:

(đánh dấu vào 01 ô vuông)

Ông Đỗ Quang Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị SHS

Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên HĐQT độc lập – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán SHS

Ông Nguyễn Chí Thành – Tổng giám đốc SHS

HOẶC ỦY QUYỀN CHO CÁ NHÂN KHÁC VỚI THÔNG TIN NHƯ SAU:

Bên nhận ủy quyền: Ông (bà):

Địa chỉ:

Số CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại: Email:

Số lượng cổ phần SHS sở hữu được ủy quyền tương ứng:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự, biểu quyết và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại phiên họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông SHS liên quan tới số cổ phần được ủy quyền theo quy định pháp luật.
- Hai bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ SHS.
- Việc ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Ngày tháng năm 2025,
BÊN ỦY QUYỀN
Ký tên (Và đóng dấu)

Quý Cổ đông gửi Giấy ủy quyền hợp lệ tới SHS theo một trong các cách thức sau:

- (1) Gửi trực tiếp/qua đường bưu điện/chuyển phát về địa chỉ nhận thư bên dưới, (2) Gửi về địa chỉ email: investor@shs.com.vn; hoặc (3) Thực hiện ủy quyền trực tiếp trên hệ thống trực tuyến <https://dhcd.shs.com.vn>; (4) Gửi trực tiếp đến địa điểm tổ chức trong thời gian diễn ra Đại hội.

Quý cổ đông có thể tải mẫu Giấy ủy quyền đăng tại website trên, hoặc có thể tự lập Giấy ủy quyền, trong đó phải nêu rõ thông tin Bên ủy quyền, Bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền.

Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ, gửi/nhận thông tin, tài liệu, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

Văn phòng Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tòa nhà UNIMEX Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 38181888 (máy lẻ 310, 312) Email: investor@shs.com.vn

Kênh Zalo OA: SHS Quan Hệ Cổ Đông

Di động/Zalo/Viber hỗ trợ khác: 038.929.8080/ 093.63.88887



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Tel: 84.24.38181888
- Email: contact@shs.com.vn
- Fax: 84.24.38181688
- Website: www.shs.com.vn

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Hà Nội, tháng 4 năm 2025

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thi hành;
- Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 06/06/2024,

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
2. Quy chế này được ban hành nhằm quy định việc tổ chức, tham dự, biểu quyết, bầu cử và thực hiện các quyền của Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các định nghĩa, từ viết tắt sử dụng trong Quy chế, bao gồm:

1. Công ty hoặc SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
2. ĐHĐCD: Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
3. HĐQT: Hội đồng Quản trị của Công ty;
4. VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
5. Đại hội, phiên họp, cuộc họp: Là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;
6. Giấy chứng nhận ĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
7. CC/CCCD: Căn cước/Căn cước công dân;
8. Ban KTTC: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

- 1.1. Đối tượng: Tất cả các Cá nhân, tổ chức có tên theo Danh sách Người sở hữu cổ phần Công ty chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng (06/03/2025) do VSDC cung cấp hoặc những người được các cá nhân, tổ chức này ủy quyền hợp lệ tham dự.
- 1.2. Các cổ đông tham dự Đại hội tự đảm bảo về toàn bộ chi phí và trang thiết bị phục vụ cho việc di chuyển, ăn ở, sinh hoạt, và những trang thiết bị, điều kiện vật chất khác phục vụ việc tham dự Đại hội.
- 1.3. Các cổ đông tự đảm bảo đủ điều kiện về năng lực pháp luật, năng lực hành vi để tham dự Đại hội và biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội.
2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông (dù điều kiện tham dự) khi tham dự Đại hội
 - 2.1. Tham dự, thảo luận và biểu quyết đầy đủ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc đăng ký tham dự.
 - 2.2. Cung cấp cho Công ty các thông tin phục vụ cuộc họp một cách đầy đủ, chính xác và là thông tin của chính Cổ đông hoặc Người được ủy quyền.
 - 2.3. Được ủy quyền cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Việc ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo quy định của Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

Các phương thức ủy quyền:

- (i) Ủy quyền bằng văn bản
 - ✓ Cổ đông lập văn bản ủy quyền theo quy định của Pháp luật dân sự hoặc tải mẫu Giấy ủy quyền từ website Công ty. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ thông tin:
 - Thông tin cổ đông ủy quyền;
 - Thông tin người được ủy quyền: tên đầy đủ của cá nhân, tổ chức, thông tin số đăng ký sở hữu (gồm CC/CCCD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Giấy phép thành lập và hoạt động/Mã số giao dịch hoặc giấy tờ pháp lý tương đương);
 - Số lượng cổ phần được ủy quyền;
 - Chữ ký, đóng dấu (nếu là tổ chức) của cổ đông ủy quyền và người được ủy quyền (trừ trường hợp ủy quyền cho thành viên HĐQT).
 - Nội dung ủy quyền.
 - ✓ Văn bản ủy quyền gửi về Công ty theo một trong các cách thức sau:
 - Gửi trực tiếp/qua đường bưu điện/chuyển phát về Hội sở chính Công ty, và/hoặc địa chỉ nhận thư được ghi trong Thông báo mời họp
 - Gửi về địa chỉ email: investor@shs.com.vn;
 - Gửi trực tiếp đến địa điểm tổ chức trong thời gian diễn ra Đại hội.
- (ii) Ủy quyền trực tuyến: Cổ đông thực hiện ủy quyền trực tiếp trên hệ thống trực tuyến <https://dhcd.shs.com.vn>. (chi tiết tại mục 2.8.h Điều này) Tuân thủ các quy định của Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa; ứng xử văn minh, lịch sự, bảo đảm an ninh trật tự.
- 2.4. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người

trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký (nếu tham dự trực tiếp) hoặc gửi ý kiến trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến (tham dự trực tuyến).

- 2.5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 2.6. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp (bao gồm cả trường hợp đã đăng ký tham dự trực tuyến nhưng sau đó tới tham dự trực tiếp):
- a) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ sau cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
- Thông báo mời họp (không bắt buộc);
 - Đối với Cá nhân: CC/CCCD/Hộ chiếu hoặc giấy tờ/dữ liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - Đối với Tổ chức: Bản sao Giấy chứng nhận DKDN/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc tài liệu tương đương; Văn bản cử và ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện phần vốn góp (nếu Người tham dự không phải Người đại diện theo Pháp luật), Giấy tờ cá nhân của Người đại diện tới tham dự đại hội như quy định đối với Cổ đông cá nhân;
 - Giấy ủy quyền họp lệ (*trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội*);
- Cổ đông sau khi đăng ký thành công, sẽ được nhận tài liệu đại hội, trong đó có Tờ Phiếu biểu quyết và Tờ Phiếu bầu cử.
- b) Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự Đại hội thông qua phương thức trực tuyến nhưng sau đó trực tiếp tới tham dự Đại hội phải thực hiện đăng ký lại với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và có quyền cho ý kiến, biểu quyết đối với các vấn đề trừ các vấn đề mà Đại hội đã biểu quyết xong. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp, hoặc trình bày lại các vấn đề đã được trình bày trước đó.
- 2.7. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến:
- a) Cổ đông/Người được ủy quyền truy cập Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến của SHS bằng cách truy cập Trang Thông tin điện tử tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty từ ngày 20/3/2025, đường dẫn <https://dhdcd.shs.com.vn> (hoặc Trang Thông tin điện tử khác do Công ty thông báo), cung cấp các thông tin nhận diện và email để nhận thông tin username và password đăng nhập Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến của SHS.
- b) Cổ đông/Người được ủy quyền mặc nhiên thừa nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký, cung cấp cho Công ty hoặc trên danh sách cổ đông do VSDC cung cấp là của chính Cổ đông/Người được ủy quyền và mặc nhiên được hiểu là đã được gửi đến cho hoặc gửi từ Cổ đông/Người được ủy quyền.
- c) Công ty sẽ gửi cho Cổ đông/Người được ủy quyền thông tin đăng nhập gồm tên đăng nhập và mật khẩu qua email Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ, và Cổ đông/Người được ủy quyền sử dụng thông tin này để truy cập vào Hệ thống ĐHĐCĐ, thực hiện các quyền biểu quyết, họp trực tuyến và các quyền khác (nếu có). Cổ đông/Người

được ủy quyền đăng nhập lần đầu tiên nên thay đổi mật khẩu và xác thực OTP theo hướng dẫn để bảo vệ tài khoản và hoàn tất các bước tuân tự theo hệ thống.

- d) Cổ đông, Người được ủy quyền cần theo dõi thường xuyên các email/sms được gửi về, để có thông tin tham dự họp và biểu quyết. Cổ đông/Người được ủy quyền chỉ được thay đổi các nội dung đã đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ một lần. Người được ủy quyền không được thay đổi thông tin liên quan đến Cổ đông ủy quyền và thông tin Người được ủy quyền đã cung cấp trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến. Trường hợp cần thay đổi thêm hoặc cần bất kỳ sự hỗ trợ nào, Cổ đông liên hệ với Công ty theo số 024.38181888, hoặc thư điện tử investor@shs.com.vn, hoặc số điện thoại và địa chỉ email khác do Công ty cung cấp.
- e) Cổ đông, Người được ủy quyền có trách nhiệm bảo mật các thông tin nhận diện, tài khoản, mật khẩu đăng nhập, mã OTP được Công ty cung cấp; và tự chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng tài khoản, kết quả biểu quyết được thực hiện từ thông tin tài khoản đã được cấp.
- f) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông đăng nhập Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến bằng cách truy cập Trang Thông tin điện tử tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty, đường dẫn <https://dhcd.shs.com.vn> (hoặc Trang Thông tin điện tử khác do Công ty thông báo), nhập username và password đã được cung cấp kể từ thời điểm Hệ thống cho phép truy cập đến trước thời gian kết thúc biểu quyết.
- g) Khi thực hiện tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, Cổ đông, Người được ủy quyền phải rà soát lại đồng thời kê khai đầy đủ các thông tin cá nhân gồm có:
- Thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân phù hợp với thông tin đã được đăng ký tại VSDC;
 - Hình thức dự họp và bỏ phiếu;
 - Phương thức nhận xác thực OTP;
 - Nghiên cứu kỹ các Điều khoản và Điều kiện và xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với Điều khoản và Điều kiện này;
 - Phạm vi ủy quyền (nếu ủy quyền);
 - Kê khai các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu nhằm đảm bảo cho Công ty nhận diện đúng Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến.
- h) Ủy quyền cho Người đại diện dự họp trực tuyến:
Thực hiện ủy quyền trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến: Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến <https://dhcd.shs.com.vn>, điền đầy đủ thông tin theo mẫu và thực hiện theo hướng dẫn của hệ thống.
- i) Cổ đông hiểu rằng, việc thực hiện họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử luôn có những rủi ro tiềm tàng do lỗi hệ thống, kỹ thuật, đường truyền, virus, do lỗi của bất kỳ bên thứ ba cung cấp dịch vụ hoặc các trường hợp bất khả kháng và chấp nhận mọi rủi ro nêu trên.

Điều 4. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
Chủ tịch HĐQT có thể chỉ định cá nhân khác thuộc Công ty tham gia hỗ trợ Chủ tọa điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ (tạo thành Đoàn Chủ tịch) và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

- a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- b) Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.
- c) Trình các hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan về những nội dung cần Đại hội cho ý kiến, thông qua.
- d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 5. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

- 1. Ban KTTC do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.
- 2. Trách nhiệm của Ban KTTC:
 - a) Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ quyền tham dự Đại hội theo quy định của pháp luật và đối chiếu giữa thông tin, tài liệu và Cổ đông/Người được ủy quyền cung cấp với thông tin tại Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Kiểm tra và bảo đảm việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến của Cổ đông hợp lệ, chính xác;
 - c) Ban KTTC phát tài liệu đại hội và các Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cho các Cổ đông;
 - d) Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

- 1. Ban Thư ký do Chủ tọa chỉ định.
- 2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
 - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch dự thảo và công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c) Tiếp nhận và tổng hợp các câu hỏi, ý kiến của cổ đông.

Điều 7. Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm 05 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội (bao gồm cả tham dự trực tiếp và tham dự trực tuyến);
- b) Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu cử, biểu quyết các vấn đề tại Đại hội;
- c) Tiến hành thu Phiếu biểu quyết, thu Phiếu bầu và kiểm phiếu;
- d) Lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (bao gồm cả tham dự trực tiếp và tham dự trực tuyến) đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Thể thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của ĐHĐCĐ đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

2. Cách thức biểu quyết:

- 2.1. Đối với cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp:

- a) Biểu quyết bằng cách **Giơ Tờ Phiếu biểu quyết (màu vàng)**: Thực hiện việc GIƠ PHIẾU để biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành”; hoặc “Không có ý kiến” đối với các vấn đề khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết bằng phương thức giơ phiếu biểu quyết, bao gồm các vấn đề sau:

- Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu; thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội và Chương trình nghị sự;
- Và các nội dung khác phát sinh theo diễn biến thực tế tại phiên họp.

- b) Biểu quyết bằng cách **Đánh dấu trên Tờ Phiếu biểu quyết (màu hồng)**: Thực hiện việc ĐÁNH DẤU vào ô tương ứng để biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành”; hoặc “Không có ý kiến” đối với các vấn đề khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu, bao gồm các vấn đề sau:

- Thông qua báo Báo cáo Kết quả kinh doanh; Báo cáo của HĐQT, Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT;
- Thông qua nội dung khác tại Đại hội.

Nếu cổ đông đánh dấu sai, thì gạch đi và đánh dấu lại vào ô vuông theo đúng ý kiến biểu quyết của mình và ký bên cạnh để xác nhận ý kiến cuối cùng.

Sau khi biểu quyết tất cả các nội dung ghi trong Phiếu biểu quyết, Cổ đông/người nhận ủy quyền ký xác nhận và ghi rõ họ tên.

c) Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu biểu quyết không phải do Ban tổ chức phát hành và/hoặc không có dấu đỏ của Công ty;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu biểu quyết bị tẩy, xoá, sửa chữa, ghi thêm ngoài nội dung đã in sẵn, trừ trường hợp điều chỉnh ý kiến biểu quyết nêu tại Điểm b trên đây;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu biểu quyết bị rách rời không còn nguyên vẹn, không có chữ ký xác nhận của cổ đông;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu biểu quyết không điền ô nào hoặc điền từ 2 ô trở lên cho mỗi nội dung cần biểu quyết nhưng không ký bên cạnh để xác nhận ý kiến cuối cùng thì nội dung biểu quyết này sẽ được tính là không hợp lệ (Đối với nội dung ghi nhận tại Tờ Phiếu biểu quyết màu hồng);
- Phiếu được gửi về Ban Kiểm phiếu sau khi đã kết thúc thời gian bỏ phiếu;
- Phiếu ghi nhận ý kiến biểu quyết đối với các nội dung/vấn đề không nằm trong Chương trình họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc các nội dung/vấn đề không được lấy ý kiến biểu quyết theo diễn biến thực tế tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Đối với cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến:

- a) Cổ đông/Người được ủy quyền biểu quyết bằng hình thức biểu quyết và bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tại Trang Thông tin điện tử do Công ty thông báo, chọn Mục “Bỏ phiếu” / “Biểu quyết” và thực hiện biểu quyết các nội dung. Việc biểu quyết và bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.
 - b) Khi thực hiện biểu quyết điện tử, cổ đông chọn một trong ba phương án là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến.
 - c) Thời gian kết thúc biểu quyết đối với từng nội dung sẽ được xác định theo chương trình họp và phụ thuộc vào diễn biến Đại hội.
 - d) Chủ tọa có quyền yêu cầu kết thúc bỏ phiếu điện tử của tất cả/từng vấn đề trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến khi Cổ đông tham dự họp đã hoàn tất bỏ phiếu hoặc thời hạn khác mà Chủ tọa thấy phù hợp.
 - e) Mỗi sự kiện biểu quyết đang diễn ra hoặc kết thúc đều được thông báo trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến để Cổ đông được biết và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu.
 - f) Trường hợp Cổ đông chưa hoàn tất bỏ phiếu do Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến bị ngắt kết nối, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã thực hiện biểu quyết. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ biểu quyết bỏ sung với các vấn đề chưa biểu quyết trong thời gian thực hiện bỏ phiếu.
3. Trường hợp Cổ đông biểu quyết theo nhiều hình thức khác nhau, và/hoặc có nhiều ý kiến khác nhau, thì kết quả biểu quyết hợp lệ mà Công ty và/hoặc hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tiếp nhận từ Cổ đông sau cùng trong thời gian thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu sẽ được ghi nhận.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi hoàn tất việc phát Tờ Phiếu biểu quyết/bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ Tờ Phiếu vào thùng phiếu và/hoặc kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử theo diễn biến thực tế do Chủ tọa ấn định;
Đối với Tờ Phiếu bầu cử: Cổ đông tham khảo cách thức sử dụng Tờ Phiếu bầu cử theo hướng dẫn tại Phụ lục I Quy chế này.
3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu phải bảo quản Tờ Phiếu, không được gạch xóa, sửa chữa trên Tờ Phiếu biểu quyết, Tờ Phiếu bầu cử.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành Biên bản kiểm phiếu.
 - 1.1 Nội dung Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bao gồm:
 - Các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
 - 1.2 Nội dung Biên bản kiểm phiếu bầu bao gồm:
 - Họ và tên ứng viên;
 - Tổng Số phiếu bầu phát ra, thu về, hợp lệ, không hợp lệ;
 - Tổng số lượng phiếu bầu cho từng ứng viên;
 - Họ, tên, chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu;
2. Công bố Biên bản kiểm phiếu: Trưởng Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm công bố toàn văn Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa.
3. Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
4. Những khiếu nại về việc kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại Đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f) Vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại Đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu khác liên quan

- 1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 2. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố toàn văn trên website công ty tại địa chỉ www.shs.com.vn cho toàn thể cổ đông được biết, công bố thông tin và gửi các Cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định pháp luật về công bố thông tin.
- 3. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Biên bản, phiếu bầu, phiếu biểu quyết và các tài liệu, văn bản khác được sử dụng và phát sinh tại Đại hội phải được lưu giữ tại Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BÀU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định hiện đang có hiệu lực tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác tại Điều lệ SHS, các Quy chế, quy định nội bộ công ty và pháp luật có liên quan;

- 1. Những người sau đây không được làm thành viên HĐQT của SHS (Điểm a khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020):
 - a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.
 - c) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
 - d) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;
 - e) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 Luật doanh nghiệp (Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều

lệ), trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên HĐQT
- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 Công ty khác;
 - d) Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty chứng khoán khác;
 - e) Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 - f) Các Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).
3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT độc lập
- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT nêu trên;
 - b) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - e) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - f) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - g) Các Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 15. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Số lượng ứng cử viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử, ứng cử được quy định cụ thể trong Điều lệ của SHS. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử đủ số lượng ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định, HĐQT đương nhiệm sẽ thực hiện đề cử bổ sung.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT theo quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 thành viên;

- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số thành viên dự kiến bầu.
3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Điều 16. Hồ sơ đề cử thành viên HĐQT

Cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử thành viên HĐQT phải gửi đến SHS các hồ sơ, tài liệu sau:

1. Thông báo đề cử, ứng cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 (03 bản) theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn;
2. Lý lịch cá nhân của ứng viên (03 bản) theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn (theo Mẫu Bản cung cấp thông tin Phụ lục III của Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố thông tin theo Nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC);
3. Bản Thông tin cá nhân (theo Mẫu số 67 – Nghị định 155/2020/NĐ-CP và theo yêu cầu trong mẫu về cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận);
4. Ảnh chân dung 4x6 chụp trong thời hạn 06 tháng gần nhất (03 ảnh);
5. Bản sao chứng thực Căn cước công dân/Căn cước (01 bản);
6. Phiếu Lý lịch tư pháp;
7. Văn bản cam kết của ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn);
8. Bản sao (có chứng thực của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng gần nhất) các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng viên theo quy định (03 bản);
9. Báo cáo công khai các lợi ích có liên quan (theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn) theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 (03 bản);
10. Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (nếu có) (03 bản);
11. Trường hợp người được bầu không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, hồ sơ còn bao gồm Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Phiếu này phải được hợp thực hóa lãnh sự. Trường hợp người nước ngoài hiện đã cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên thì phiếu lý lịch tư pháp do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp./.

Điều 17. Lựa chọn các ứng cử viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu.
2. Trên cơ sở các đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, HĐQT sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định trình Đại hội thông qua danh sách ứng viên và tiến hành bầu thành viên HĐQT.

Điều 18. Đối tượng tham gia bầu

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có quyền bầu thành viên HĐQT.

Điều 19. Phương thức bầu và người trúng cử

Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:

1. Mỗi cổ đông, người đại diện có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
2. Cổ đông, người đại diện có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên trong danh sách đã được Đại hội biểu quyết thông qua, nhưng không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông, người đại diện đó nắm giữ.
3. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quyết định của Đại hội. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn người có phiếu bầu cao hơn trúng cử.

Điều 20. Phiếu bầu Thành viên HĐQT

1. Tờ Phiếu bầu cử Thành viên HĐQT ghi nhận các thông tin sau: Tên cổ đông/Đại diện cổ đông; Mã số cổ đông; Họ và tên các ứng cử viên; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông, Tổng số phiếu bầu của cổ đông. Tên của các ứng cử viên trong Phiếu bầu sẽ được sắp xếp theo thứ tự ABC.
2. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Tờ Phiếu bầu cử theo mã số tham dự họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên Tờ Phiếu bầu cử, ký và ghi rõ họ tên.
4. Trường hợp cổ đông muốn thay đổi lựa chọn, thông tin mà Cổ đông đã ghi trên Tờ Phiếu bầu cử, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi Tờ Phiếu bầu cử khác hoặc gạch đi ghi lại và ký bên cạnh nội dung sửa chữa. Việc điều chỉnh nội dung trên Tờ Phiếu bầu cử và thay mới Tờ Phiếu bầu cử chỉ được thực hiện trước khi kết thúc việc bầu thành viên HĐQT.
5. Phiếu bầu không hợp lệ, gồm:
 - Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu bầu cử không do Ban tổ chức Đại hội phát ra và/hoặc không có dấu đỏ của SHS;

- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu bầu cử bị gạch xoá, sửa chữa mà không có chữ ký của cổ đông bên cạnh;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ phiếu bầu cử có ghi thêm ứng cử viên ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu bầu cử mà Tổng số phiếu bầu được Cổ đông sử dụng để bầu vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện đó nắm giữ;
- Phiếu được ghi nhận trên Tờ Phiếu bầu cử không được cổ đông ký và ghi họ tên đầy đủ;
- Phiếu được gửi về Ban Kiểm phiếu sau khi đã kết thúc thời gian bỏ phiếu;
- Đối với Cổ đông tham dự Đại hội Online: Cổ đông/Người được ủy quyền bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống DHDCĐ trực tuyến tại Trang Thông tin điện tử do Công ty thông báo, chọn Mục Bầu cử và thực hiện bỏ phiếu bầu cho các ứng viên. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này do HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được ĐHDCĐ thông qua tại Đại hội. Các Cổ đông, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BTC DHDCĐ thường niên năm 2025 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và các bên tham gia Đại hội chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG VINH

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN BỎ PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HĐQT
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên HĐQT trong tổng số 02 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$10.000 \text{ cổ phần} \times 1 = 10.000 \text{ Phiếu bầu.}$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia số phiếu bầu của mình (có thể chia đều) cho 02 ứng viên:

Họ tên ứng cử viên	Số lượng phiếu bầu
1. Ứng viên 1	3.000
2. Ứng viên 2	7.000
Tổng số phiếu bầu	10.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số lượng phiếu bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	10.000
Tổng số quyền đã biểu quyết	10.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Hội đồng Quản trị kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông Công ty về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng năm 2025 như sau:

A. Thông tin Công ty:

- Mô hình quản trị công ty:

- ✓ Từ 03/12/2007 – 15/5/2024: Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Tổng Giám đốc (“TGD”) (cùng với Ban TGD).
- ✓ Từ 15/5/2024 - nay: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) thuộc HĐQT, Tổng Giám đốc (cùng với Ban TGD).

- Năm 2024, HĐQT SHS có 05 (năm) thành viên (“TV”), trong đó có 01 (một) TV HĐQT độc lập. Cơ cấu HĐQT hiện tại đã cân đối và phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Các TV có kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính, chứng khoán và phù hợp cơ cấu theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính độc lập, khách quan. TV HĐQT độc lập đã hoàn thành khóa đào tạo và có chứng chỉ về quản trị công ty.
- Năm 2024, SHS ghi nhận lợi nhuận trước thuế cả năm 2024 đạt 1.239,3 tỷ đồng hoàn thành 119,7% kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra. Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản của SIIS đạt hơn 14.027,7 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 11.211,2 tỷ đồng, ROE đạt 8,8%.

B. Báo cáo Hoạt động của HĐQT

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 40 phiên họp chính thức, bao gồm: các phiên họp thường kỳ theo quý và các phiên họp bất thường/theo chuyên đề khác cho ý kiến thảo luận và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền, triệu tập tổ chức và tham gia ĐHĐCĐ phiên họp thường niên 2024, tỷ lệ tham dự đạt 100% tất cả các buổi họp.
- HĐQT đã thông qua 01 Nghị quyết (“NQ”) và 71 Quyết định (“QD”) để triển khai các NQ ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).
- Báo cáo thực hiện NQ số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ:

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện
1.	<p>Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty, bao gồm:</p> <p>(1) Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;</p> <p>(2) Phương án Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cổ phần và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;</p> <p>(3) Phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;</p> <p>(4) Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP 2024) và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Căn cứ NQ số 01-2024/NQ-DHĐCĐ của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024 và Quyết định số 48-2024/QĐ-HĐQT ngày 26/09/2024 triển khai việc phát hành theo các Phương án số (1), (2), (3). Ngày 18/3/2025, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng số 63/GCN-UBCK và các Công văn về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu số 278/UBCK-QLKD, 279/UBCK-QLKD của UBCKNN. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các Phương án đã được thông qua theo lộ trình đề hoàn tất đợt phát hành. Phương án (4) (ESOP 2024) trong năm 2024 chưa được triển khai, HĐQT xin trình thay thế bằng Phương án ESOP 2025 tại Tờ trình số 04-2025/TTr-ĐHĐCĐ.
2.	<p>Chủ trương thay đổi địa điểm Trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Công ty đang triển khai theo chủ trương ĐHĐCĐ phê duyệt và dự kiến hoàn thiện trong năm 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đang hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng của địa điểm. Công ty sẽ thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy phép khi cơ sở vật chất phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và xin ý kiến ĐHĐCĐ theo Tờ trình số 11-2025/TTr-DHĐCĐ.
3.	<p>Phương án triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua đối tác bù trừ trung tâm và chào bán sản phẩm tài chính tại SHS.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm hiện chưa được triển khai do CQQLNN chưa tổ chức thực hiện. Hoạt động Chào bán sản phẩm tài chính chưa triển khai.
4.	<p>Phương án niêm yết Trái phiếu SHS phát hành ra công chúng năm 2024.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2024, Công ty không thực hiện phát hành trái phiếu ra công chúng.

Các nội dung khác tại Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ: thay đổi mô hình cơ cấu quản lý; sửa đổi Điều lệ và các Quy chế; ký kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với các bên liên quan,... đã được Công ty triển khai theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

2. **Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với TV HĐQT và những NCLQ của TV đó; giao dịch giữa SHS với Công ty trong đó TV HĐQT là TV sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch**

- Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với TV HĐQT và những NCLQ của TV đó: SHS không có Công ty con, công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ. Do đó, không có giao dịch với các đối tượng này.
- Giao dịch giữa SHS với Công ty trong đó TV HĐQT là TV sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. *(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).*

3. **Hoạt động của TV HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của TV độc lập về hoạt động của HĐQT**

- Trong cơ cấu HĐQT, 1/5 TV HĐQT là TV độc lập (Bà Nguyễn Diệu Trinh). Tháng 6/2024, TV HĐQT độc lập được HĐQT bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch UBKT trực thuộc HĐQT – Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro của UBKT sau khi ĐHĐCĐ thông qua thay đổi mô hình cơ cấu quản lý công ty sang mô hình có UBKT trực thuộc HĐQT.
- TV HĐQT độc lập tham gia trong UBKT của Công ty và phụ trách các vấn đề về quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, với nhiệm vụ chính như rà soát, tư vấn cho HĐQT các chính sách, hạn mức rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ; đánh giá mức độ tuân thủ, chuẩn mực kế toán, hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ của toàn Công ty; báo cáo HĐQT về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác kiểm soát nội bộ đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty.
- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng TV được triệu tập họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi TV HĐQT, giữa TV HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành và TV HĐQT điều hành. Hoạt động của HĐQT năm 2024 tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản trị khác của Công ty. HĐQT thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới. HĐQT thông qua NQ phù hợp chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, giám sát việc thực hiện các NQ của ĐHĐCĐ. Đồng thời HĐQT cũng đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban TGD cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban TGD, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

4. **Hoạt động của UBKT trực thuộc HĐQT**

- **Các cuộc họp của UBKT:**

TV UBKT	Số buổi họp UBKT 2024	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Bà Nguyễn Diệu Trinh	02	100%	100%	Không
Ông Lê Đăng Khoa	02	100%	100%	Không

- **UBKT thực hiện rà soát và đánh giá báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty:** Đã thực hiện soát xét số liệu tại Báo cáo Tài chính, Báo cáo an toàn tài chính năm 2024 của Công ty.
- **UBKT đã rà soát:** Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với TVHĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của SHS và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó TV HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của SHS là TV sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Công ty không có Công ty con, Công ty do SIIS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ nên không có các giao dịch với các đối tượng này.
- **UBKT thực hiện đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của công ty:** Trong năm 2024, Ban TGD đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro đặc biệt trong hoạt động đầu tư, môi giới, dịch vụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

5. Báo cáo hoạt động của các tiểu ban khác của HĐQT

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, các tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo QĐ số 25-2022/QĐ-HĐQT ngày 27/4/2022 bao gồm Tiểu ban Chính sách phát triển; Nhân sự và lương thưởng, Quản trị hệ thống; Tài chính kế toán, Quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ; Công nghệ, Dịch vụ sản phẩm, Truyền thông, Thương hiệu. Từ giữa năm 2024, do mô hình quản lý thay đổi, HĐQT đã sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc HĐQT. HĐQT đã giải thể và miễn nhiệm nhân sự các Tiểu ban trên và đồng thời ra các QĐ thành lập, ban hành Quy chế hoạt động, kiện toàn cơ cấu nhân sự của Ủy ban chiến lược (“UBCL”), UBKT và các Bộ phận trực thuộc.
- UBCL được thành lập và hoạt động theo QĐ số 39-2024/QĐ-HĐQT ngày 23/7/2024, trong đó thành viên của UBCL là các thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập và các nhân sự khác do Chủ tịch HĐQT quyết định phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty. Trong năm 2024, UBCL đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc tham mưu cho HĐQT trong công tác giám sát, đánh giá kết quả triển khai các chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn của thị trường đảm bảo triển khai thành công và vượt kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua, cũng như tham mưu cho HĐQT trong công tác kiện toàn bộ máy theo sơ đồ tổ chức quản lý mới, định hướng chiến lược truyền thông, tái định vị thương hiệu phù hợp với mô hình và định hướng phát triển mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã thông qua.

6. Kết quả giám sát của HĐQT đối với TGD và người điều hành khác

6.1 Kết quả giám sát đối với TGD

- HĐQT chỉ đạo TGD thực hiện các NQ của ĐHĐCĐ và NQ/QĐ của HĐQT, cụ thể như: triển khai kế hoạch kinh doanh (KHKD) năm 2024; chuẩn bị KHKD năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, nghiên cứu, xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ kinh doanh mới; rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động quản trị rủi ro; triển khai các phương án tăng vốn điều lệ;....

- HĐQT đánh giá cao, ghi nhận nỗ lực của Ban TGD cùng toàn thể cán bộ nhân viên về KQKD của SHS đã đạt được trong năm 2025: Lũy kế cả năm 2024, doanh thu hoạt động đạt hơn 1.997,6 tỷ đồng, tăng 36,4% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế 1.239,3 tỷ đồng, tăng 81,1%; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1.015,6 tỷ đồng, tăng 81,6%.

6.2 Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác

HĐQT đánh giá về cơ bản đều là những cán bộ có năng lực chuyên môn cao, kiến thức được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản từ các trường Đại học chất lượng trong và ngoài nước, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và có bằng cấp chứng chỉ phù hợp với vị trí công việc được giao đảm nhiệm và đảm bảo lợi ích cao nhất của Cổ đông.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích của HĐQT và từng TV HĐQT

- Công ty trả thù lao, chi phí hoạt động, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác cho TV HĐQT, BKS/UBKT, trả lương, thưởng cho TGD và người quản lý khác theo kết quả kinh doanh và có báo cáo chi tiết tại BCTC đã được kiểm toán.
- Cơ cấu HĐQT giữ nguyên không đổi, gồm: 05 (năm) TV HĐQT.
- Cơ cấu BKS gồm 03 TV (Trưởng BKS chuyên trách) giữ nguyên không đổi đến ngày 15/5/2024. Từ 15/5/2024, Các TV BKS được bãi nhiệm.

NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
1. Ngân sách, tổng mức thù lao, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đã được ĐHĐCĐ phê duyệt:	Tối đa 1,5% Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2024 và không thấp hơn 4,57 tỷ đồng; (Theo BCTC năm 2024 đã được kiểm toán 1,5 % LNST tương đương 15,2 tỷ đồng)
2. SHS đã chi trả cho HĐQT:	7.625.126.265 đồng
3. SHS đã chi trả cho BKS:	718.397.908 đồng
4. Tổng SHS đã chi trả cho HĐQT và BKS	8.343.524.173 đồng

Chi tiết thù lao từng Thành viên HĐQT/BKS được thể hiện tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và trình ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp này.

8. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2025

HĐQT đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2025 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động và kiện toàn nhân sự phù hợp với mô hình tổ chức quản lý mới đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.
- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số, đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội về doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn nhằm kiến tạo giá trị bền vững và lâu dài cho khách hàng.
- Phát huy thế mạnh về quy mô vốn để cung cấp các sản phẩm dịch vụ vượt trội cho khách hàng, đối tác;
- Tăng cường hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro đối với hoạt động kinh doanh;

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ chặt chẽ, phù hợp với thực tế và tuân thủ pháp luật.

Các kế hoạch và định hướng này sẽ được Tổng giám đốc cụ thể hóa trong phần trình bày về kế hoạch kinh doanh 2025.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cbt;
- Lưu VT, VPHĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH

PHỤ LỤC SỐ 01

(kèm theo Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng năm 2025)

DANH SÁCH

NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN HÀNH NĂM 2024

TT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
	Nghị quyết do HĐQT SHS thông qua và ban hành năm 2024		
	01-2024/NQ-HĐQT	11/3/2024	Lập DSCĐ và tổ chức ĐHĐCĐ SHS phiên họp thường niên năm 2024
	Quyết định do HĐQT SHS thông qua và ban hành năm 2024		
1	01-2024/QĐ-HĐQT	16/01/2024	Bổ sung mục đích sử dụng vốn vay theo hạn mức tại VPBank
2	02-2024/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Khen thưởng tập thể xuất sắc năm 2023
3	03-2024/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Khen thưởng cá nhân xuất sắc năm 2023
4	04-2024/QĐ-HĐQT	02/02/2024	Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty
5	05-2024/QĐ-HĐQT	02/02/2024	Giao quyền Tổng giám đốc
6	06-2024/QĐ-HĐQT	02/02/2024	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty
7	07-2024/QĐ-HĐQT	08/03/2024	Ban hành Quy chế Quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, tổ chức thực hiện quyền của Cổ đông SHS
8	08-2024/QĐ-HĐQT	11/03/2024	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
9	09-2024/QĐ-HĐQT	13/03/2024	Chi thù lao HĐQT, BKS năm tài chính 2024
10	10-2024/QĐ-HĐQT	15/03/2024	Thay đổi Người đại diện SHS thực hiện Phương án vay vốn và nhận cấp tín dụng tại VPBank
11	11-2024/QĐ-HĐQT	15/03/2024	Xếp lương Tổng giám đốc SHS
12	12-2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Thôi chức danh kiêm nhiệm Kế toán trưởng (đối với PTGD Trần Sỹ Tiến)
13	13-2024/QĐ-HĐQT	28/3/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng SHS (Bà Phạm Thị Thanh Hào)
14	14-2024/QĐ-HĐQT	01/04/2024	Chấm dứt HĐLĐ với Phó Tổng giám đốc Trần Thị Thu Thanh
15	15-2024/QĐ-HĐQT	09/04/2024	Thành lập VP Ban Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
16	16-2024/QĐ-HĐQT	09/04/2024	Giải thể phòng Kế toán Tài chính CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
17	17-2024/QĐ-HĐQT	09/04/2024	Thành lập Phòng Tài chính Quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
18	18-2024/QĐ-HĐQT	09/04/2024	Thành lập Phòng Kế toán CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
19	19-2024/QĐ-HĐQT	10/04/2024	Thôi chức vụ Giám đốc chi nhánh TPHCM của bà Lê Quang Ngọc Thanh
20	20-2024/QĐ-HĐQT	10/04/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc CN TPHCM (ông Phạm Thanh Vũ)
21	21-2024/QĐ-HĐQT	11/04/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội

CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
KÝ

TT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
22	22-2024/QĐ-HĐQT	23/04/2024	Thay đổi Người đại diện SIIS thực hiện Phương án vay vốn và nhận cấp tín dụng tại VPB
23	23-2024/QĐ-HĐQT	23/04/2024	Thành lập Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
24	24-2024/QĐ-HĐQT	23/04/2024	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ phê chuẩn
25	25-2024/QĐ-HĐQT	23/04/2024	Phê duyệt Chương trình Nghị sự và Tài liệu ĐHĐCĐ 2024
26	26-2024/QĐ-HĐQT	26/04/2024	Chấm dứt HĐLD với Chánh Văn phòng HĐQT
27	27-2024/QĐ-HĐQT	26/04/2024	Chấm dứt HĐLD với ông Nguyễn Đức Quang - Cố vấn cao cấp SHS
28	28-2024/QĐ-HĐQT	10/05/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT
29	29-2024/QĐ-HĐQT	07/05/2024	Thông qua bổ sung nội dung và tài liệu trình ĐHĐCĐ phê chuẩn
30	30A-2024/QĐ-HĐQT	24/05/2024	Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024
31	30-2024/QĐ-HĐQT	05/06/2024	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ liên quan đến chào bán Trái phiếu ra công chúng
32	31-2024/QĐ-HĐQT	06/06/2024	Sửa đổi, ban hành Điều lệ, các Quy chế thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
33	32-2024/QĐ-HĐQT	06/06/2024	Bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán
34	33-2024/QĐ-HĐQT	06/06/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán
35	34-2024/QĐ-HĐQT	11/06/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại NHTMCP Việt Nam Thương Tín
36	34A-2024/QĐ-HĐQT	12/06/2024	Xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty
37	35-2024/QĐ-HĐQT	21/06/2024	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ năm 2024
38	36-2024/QĐ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua Hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu
39	37-2024/QĐ-HĐQT	01/07/2024	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán TP riêng lẻ
40	38-2024/QĐ-HĐQT	09/07/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
41	39-2024/QĐ-HĐQT	23/07/2024	Thành lập Ủy ban Chiến lược trực thuộc HĐQT
42	39A-2024/QĐ-HĐQT	23/07/2024	Điều chỉnh tên Ban xử lý nợ trực thuộc HĐQT
43	40-2024/QĐ-HĐQT	23/07/2024	Điều chỉnh QĐ 09-2024/QĐ-HĐQT ngày 13/3/2024 (về thù lao)
44	41-2024/QĐ-HĐQT	26/07/2024	Phê duyệt cơ cấu tổ chức SHS
45	42-2024/QĐ-HĐQT	26/07/2024	Tổ chức bộ máy của VP HĐQT
46	43-2024/QĐ-HĐQT	01/08/2024	Thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự BP KTNB
47	43A-2024/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Vay vốn hạn mức tại OCEANBANK-Hà Nội năm 2024-2025

TT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
48	44-2024/QĐ-HĐQT	21/08/2024	Xếp lương Tổng giám đốc SHS
49	45-2024/QĐ-HĐQT	21/08/2024	Phương án vay vốn theo hạn mức tại NHTMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
50	46-2024/QĐ-HĐQT	27/08/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại BIDV Hà Thành
51	47-2024/QĐ-HĐQT	20/09/2024	Thông qua việc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán
52	48-2024/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Sửa đổi, bổ sung nội dung công việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT
53	49-2024/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Thông qua Hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho CĐIII
54	50-2024/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Ban hành Quy định về chế độ báo cáo cho HĐQT SHS
55	51-2024/QĐ-HĐQT	02/10/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại Indovinabank năm 2024-2025
56	52-2024/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đầu tư
57	53-2024/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Ban hành Quy chế Đầu tư của SHS
58	54-2024/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Ban hành Quy định về phân cấp phê duyệt đầu tư của SHS
59	55-2024/QĐ-HĐQT	15/10/2024	SHS phối hợp với SHB cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán
60	56-2024/QĐ-HĐQT	15/10/2024	Hợp tác truyền thông với CLB Bóng đá Hà Nội
61	57-2024/QĐ-HĐQT	15/10/2024	Hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng nặng nề do bão lũ năm 2024
62	58-2024/QĐ-HĐQT	24/10/2024	Vay vốn hạn mức tại ACB năm 2024-2025
63	59-2024/QĐ-HĐQT	01/11/2024	Phương án vay vốn hạn mức tại TPBank năm 2024-2025
64	60-2024/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Ban hành và áp dụng Bộ Nhận diện Thương hiệu mới cho nhãn hiệu SHS
65	61-2024/QĐ-HĐQT	20/11/2024	Phương án vay vốn/nhận cấp tín dụng theo hạn mức tại HDBank
66	62-2024/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Phương án vay vốn theo hạn mức tại VPB năm 2024-2025
67	63-2024/QĐ-HĐQT	02/12/2024	Phương án vay vốn theo hạn mức tại Eximbank năm 2024-2025
68	64-2024/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Việc giao kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thuê địa điểm làm Trụ sở chính
69	65-2024/QĐ-HĐQT	17/12/2024	Ông Lưu Danh Đức xin từ chức Thành viên HĐQT
70	66-2024/QĐ-HĐQT	17/12/2024	Giải quyết chế độ, quyền lợi của TV HĐQT Công ty
71	67-2024/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trần Sỹ Tiến để chấm dứt hợp đồng lao động

PHỤ LỤC SỐ 02

(kèm theo Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng năm 2025)

Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó TV HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là NQL DN trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SHS	Thời điểm giao dịch với SHS	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua, ngày ban hành	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (Đồng)	
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Là TCCLQ của TV HĐQT SHS Lê Đăng Khoa (PTGD SHB) từ 22/3/2013; TCCLQ của CTHĐQT SHS Đỗ Quang Vinh (PCTHĐQT-PTGD SHB) từ 27/4/2022;	04/04/2024 đến 02/10/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 24-2023/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2023 (Tổng hạn mức 1.800 tỷ)	SHS vay vốn theo hạn mức tại SHB - Chi nhánh Đông Đô (SHB Đông Đô) - Vay tín dụng SHB Đông Đô: 445.000.000.000 đồng	
2			05/04/2024 đến 03/10/2024		- Trả nợ vay SHB Đông Đô: 45.193.068.493 đồng	
3			22/05/2024 đến 17/12/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 26-2023/QĐ-HĐQT ngày 02/11/2023 (Tổng hạn mức: 800 tỷ)	SHS vay vốn theo hạn mức thấu chi tại SHB - CN Đông Đô - Vay tín dụng SHB Đông Đô: 823.958.550.000 đồng	
4			20/06/2024		- Trả nợ vay SHB Đông Đô: 824.144.803.460 đồng	
5				Tiếp tục thực hiện trong năm 2024	Quyết định của HĐQT SHS số 23-2023/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2023	Phương án ký kết thỏa thuận hợp tác giữa SHS với SHB về việc cung cấp dữ liệu cho SHB; Tổng GTGD: 0 đồng
6				26/12/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 28-2023/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2023	SHS cung cấp dịch vụ tư vấn về trái phiếu cho SHB; Tổng GTGD 2024: 700.000.000 đồng
7				6/6/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 30-2024/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2024	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu ra công chúng; Tổng GTGD: 300.000.000 đ
8				2/7/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 37-2024/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2024	HĐQT thông qua phương án SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán trái phiếu riêng lẻ; Tổng GTGD: 670.000.000 đồng
9				15/10/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 55 – 2024/QĐ-HĐQT ngày 15/10/2024	HĐQT thông qua việc phối hợp với SHB cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán <i>'Dự nợ SHB giải ngân cho KH của SHS để thanh toán thiếu tiền mua chứng khoán chốt 31/12/2024 là 35.694.925.520đ</i>
10				Tháng 9/202	Quyết định của HĐQT SHS số 24-2019/QĐ-HĐQT ngày 26/07/2019	Giao dịch trái phiếu chính phủ (SHB và SHS mua bán thứ cấp) 1.203.663.950.000 đ (Tổng Giá trị trái phiếu được giao dịch) Phí giao dịch: 0 đồng
		Là TCCLQ của TV HĐQT SHS Lê Đăng				



TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SHS	Thời điểm giao dịch với SHS	Số NQ/QĐ của ĐHBCĐ/HĐQT thông qua, ngày ban hành	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (Đồng)
11	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Khoa (PTGD SHB) từ 22/3/2013; TCCLQ của CTHĐQT SHS Đỗ Quang Vinh (PCTHĐQT-PTGD SHB) từ 27/4/2022;	Tháng 6/7/9/10 năm 2024	QĐ của HĐQT SHS số 24-2019/QĐ-HĐQT ngày 26/07/2019	Giao dịch chứng chỉ tiền gửi SHB (SHB phát hành cho SHS) 12.500.000.000.000 d (Tổng Giá trị trái phiếu được giao dịch) Phí net giao dịch thu được: 15.340.909.091
12			Trong năm 2024		4 Giao dịch ký HĐ tiền gửi và tất toán HĐ tiền gửi với SHB tổng giá trị giao dịch hơn 200,6 tỷ <i>Tổng: 200.602.602.740 đồng</i> 1. SHS ký HĐ gửi tiền tại SHB: 50.000.000.000 đồng 2. Tất toán HĐ tiền gửi tại SHB 50.428.493.151 đồng 3. SHS ký HĐ gửi tiền tại SHB: 50.000.000.000 đồng 4. Tất toán HĐ tiền gửi tại SHB: 50.174.109.589 đồng
13	Ông Đỗ Vinh Quang	Ông Đỗ Vinh Quang là em trai (NCLQ) của Chủ tịch HĐQT SHS (NNB SHS) Đỗ Quang Vinh và là Phó Chủ tịch HĐQT - Phó TGĐ CTCP Tập đoàn T&T (NCLQ của Cổ đông lớn)	12/12/2024	Quyết định của HĐQT SHS số 64-2024/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2024	SHS giao kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thuê địa điểm làm Trụ sở chính Công ty với ông Đỗ Vinh Quang - NCLQ của CTHĐQT SHS Tạm ứng: 20.000.000.000 đồng
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Tổ chức có liên quan: của Ông Đỗ Quang Hiến đến ngày 26/04/2022; của ông Đỗ Quang Vinh từ ngày 27/04/2022; của Ông Lê Đăng Khoa từ 22/03/2013 và Ông Lưu Danh Đức từ ngày 27/04/2022.	Trong năm 2022	- Quyết định số 08-2021/QĐ-HĐQT ngày 03/06/2021; - Quyết định số 29-2021/QĐ-HĐQT ngày 23/11/2021; - Quyết định số 34-2021/QĐ-HĐQT ngày 16/12/2021; - Quyết định số 19-2022/QĐ-HĐQT ngày 20/04/2022	Giao dịch vay và trả nợ vay với SHB (bên liên quan) theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán: Tổng Giá trị giao dịch: 12.499.980.000.000 đồng (1) Tổng phát sinh SHS nhận tiền vay: 5.381.490.000.000 đồng. (2) Tổng phát sinh SHS trả nợ vay: 7.118.490.000.000 đồng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ủy ban Kiểm toán và thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán báo cáo hoạt động năm 2024 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2025 trước Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) với các nội dung sau:

I. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán

Theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024, ĐHĐCĐ đã thông qua việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý có Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) trực thuộc Hội đồng Quản trị (“HDQT”).

Ngày 06/06/2024, HĐQT đã bổ nhiệm 02 Thành viên (“TV”) UBKT. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các Thành viên UBKT như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Thù lao chi trả (gồm thù lao cho chức danh TV HĐQT, TV UBKT và thuế TNCN) (đồng)
1	Bà Nguyễn Diệu Trinh	TV HĐQT độc lập giữ chức vụ Chủ tịch UBKT	06/06/2024	1.624.444.448
2	Ông Lê Đăng Khoa	TV HĐQT không điều hành giữ chức vụ TV UBKT	06/06/2024	886.666.667

II. Các cuộc họp của UBKT và các kết luận, kiến nghị của UBKT

Trong năm 2024, UBKT đã tổ chức 02 cuộc họp theo hình thức họp trực tiếp, các thành viên tham dự đầy đủ cuộc họp số 01 theo BBH số 01-2024/BBH-UBKT ngày 25/09/2024 về Kế hoạch hoạt động của UBKT và cuộc họp số 02 theo BBH số 02-2024/BBH-UBKT ngày 27/12/2024 về Tổng kết hoạt động 2024 và định hướng kế hoạch 2025, với tỷ lệ biểu quyết các cuộc họp là 100%.

III. Kết quả kiểm tra và thực hiện giám sát

Được thành lập vào nửa cuối năm 2024 nhưng UBKT đã phát huy được vai trò và thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động, cụ thể:

1. Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính

- Căn cứ danh sách đơn vị kiểm toán được ĐHDCĐ thông qua, UBKT đã kiến nghị để HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; giám sát AASC trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm toán đúng theo phạm vi, nội dung phương pháp và thời gian kiểm toán đúng theo Hợp đồng dịch vụ đã ký ;
- Kết quả thẩm định báo cáo tài chính: đã thực hiện rà soát và không phát hiện sai sót trọng yếu trong nghiệp vụ kế toán, Báo cáo tài chính năm 2024 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán và các quy định pháp luật hiện hành (*chi tiết kết quả thẩm định trình bày tại Phụ lục 01 của báo cáo này*).

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động

Dưới sự định hướng và giám sát sát sao của HĐQT hoạt động năm 2024, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHDCĐ thông qua cả về doanh thu (108,3%) và lợi nhuận (119,7%). Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tìm kiếm và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cũng như đáp ứng kịp thời các quy định hoạt động nghiệp vụ, về quản trị của pháp luật.

3. Kết quả giám sát tình hình tài chính

Tỷ lệ an toàn tài chính: Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính theo Quy định của Pháp luật, năm 2024, tỷ lệ an toàn tài chính đạt 717,4%.

4. Kết quả giám sát giao dịch với bên có liên quan

Năm 2024, Công ty không có Công ty con hoặc Công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ nên không có các giao dịch với các đối tượng này. Công ty đã trình ĐHDCĐ thường niên 2024 thông qua chủ trương giao dịch với bên có liên quan và trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về việc thực hiện giao dịch.

5. Kết quả giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty

Công ty đã thực hiện rà soát, cập nhật và ban hành đầy đủ các quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro phù hợp với quy định của pháp luật và nguyên tắc quản trị của Công ty. Hệ thống tài liệu này được truyền thông tới toàn bộ người lao động của Công ty để nắm bắt và thực hiện. Các hoạt động kiểm soát đều được diễn tại các cấp theo đúng quy định và được đánh giá định kỳ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT

- HĐQT đều tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ đánh giá cập nhật tình hình kinh doanh, tài chính của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức các cuộc họp theo từng nội dung cụ thể. Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty; nội dung cuộc họp được báo cáo, thảo luận và biểu quyết thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT;

- Từ các cuộc họp, HĐQT đã đưa ra được định hướng liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty mang tính chất chiến lược; các quyết sách nhằm triển khai hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- Các Thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp và thực hiện đúng vai trò trách nhiệm theo phân công nhiệm vụ, có ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động định hướng của Công ty;
- HĐQT thường xuyên thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (“TGD”) và những người điều hành khác thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công, định hướng; thực hiện phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

7. Kết quả giám sát đối với TGD và người điều hành khác của công ty

- Trong năm 2024, có sự thay đổi nhân sự trong Ban Tổng giám đốc như sau:

TT	Ban Điều hành	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng giám đốc	25/03/2024	Dương nhiệm
2	Ông Vũ Đức Tiến	Tổng giám đốc	15/09/2014	25/03/2024
3	Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng giám đốc	16/04/2014	27/12/2024
4	Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng giám đốc	01/08/2018	01/04/2024

- TGD và người điều hành khác của công ty đã thực hiện các hoạt động thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm và nỗ lực cao nhất, giúp cho Công ty không những chỉ hoàn thành mà còn vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- Trong quá trình điều hành, TGD đã báo cáo đầy đủ, kịp thời, phối hợp tích cực và xin phê duyệt HĐQT/Chủ tịch HĐQT theo đúng quy định về chế độ báo cáo, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ đề ra theo Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Trong năm 2024, TGD quan tâm, chú trọng công tác KSNB và QTRR đặc biệt trong hoạt động đầu tư, môi giới và dịch vụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro cho Công ty;
- Trong năm 2024, hoạt động của TGD và những người điều hành khác đều phù hợp với quy định của công ty. Ủy ban Kiểm toán chưa phát hiện dấu hiệu bất thường trong quản trị điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý Công ty.

8. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, TGD và các cổ đông

- Trong năm 2024, UBKT đã yêu cầu TGD cung cấp tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra giám sát, thực hiện nhiều cuộc trao đổi trực tiếp với TGD, Người quản lý của Công ty và đều nhận được sự phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho UBKT trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ và có những kiến nghị phù hợp cho HĐQT chỉ đạo và quyết định. UBKT đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD và cán bộ nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát;
- Thành viên UBKT đã tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, thường xuyên trao đổi trực tiếp với các Thành viên HĐQT khác cũng như với Chủ tịch HĐQT về tình

hình và kết quả giám sát các hoạt động của Công ty cùng kiến nghị các giải pháp (nếu cần) cho HĐQT trong phạm vi chức năng nhiệm vụ;

- Trong năm, UBKT không nhận được kiến nghị nào của Cổ đông.

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của UBKT

Trên cơ sở định hướng của HĐQT được ĐHDCĐ phê duyệt, định hướng và kế hoạch của UBKT như sau:

- Chi đạo Bộ phận KTNB giám sát tính độc lập, khách quan của Kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Thẩm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, báo cáo tài chính soát xét bán niên 2025;
- Tư vấn, kiến nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán đảm bảo công khai minh bạch;
- Lên kế hoạch và phối hợp với các Tiểu ban/Bộ phận của HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và tuân thủ pháp luật của Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành chính sách và khẩu vị rủi ro; Giám sát quá trình thực hiện, phát hiện và đề xuất điều chỉnh nếu cần;
- Giám sát giao dịch của SHS với các bên có liên quan, thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định đảm bảo quyền và lợi ích của Cổ đông;
- Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban TGD, Người quản lý và các Phòng ban của Công ty;
- Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham dự đầy đủ các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác Kiểm soát;
- Các hoạt động khác phát sinh trên cơ sở hoạt động thực tế của Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của UBKT và Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán năm 2025. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH



NGUYỄN DIỆU TRINH

PHỤ LỤC SỐ 01

Bộ phận KTNB đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

UBKT thống nhất với số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, báo cáo kết quả kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ 1/1/2024 đến 31/12/2024, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2024 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trên cơ sở đó, UBKT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (báo cáo số 030325.021/BCTC.KT2) số liệu cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2024 (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2023	Tăng (giảm) 2024/2023	% 2024/2023
I	Tổng cộng tài sản	14.027.689.764.553	11.457.207.540.011	2.570.482.224.542	122,4
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	680.759.314.148	851.889.363.555	(171.130.049.407)	79,9
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	8.144.359.839.930	5.032.173.035.088	3.112.186.804.842	161,9
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)				
4	Các khoản cho vay	4.186.915.656.373	3.835.138.903.480	351.776.752.893	109,2
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	612.635.941.500	660.595.904.800	(47.959.963.300)	92,7
6	Các khoản phải thu	275.448.793.675	103.125.243.995	172.323.549.680	267,1
7	Trả trước cho người bán	1.242.070.000	1.750.718.531	(508.648.531)	71,0
8	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	498.761.210.182	1.378.240.211.577	(879.479.001.395)	36,2
9	Các khoản phải thu khác		45.006.580.297	(45.006.580.297)	0,0
10	Dự phòng suy giảm các khoản phải thu	(506.988.446.900)	(530.005.389.746)	23.016.942.846	95,7
11	Tài sản ngắn hạn khác	41.938.740.314	7.520.460.402	34.418.279.912	557,7
12	Tài sản cố định	29.871.928.911	10.087.224.075	19.784.704.836	296,1
13	Chi phí xây dựng dở dang	2.679.303.760	10.660.476.000	(7.981.172.240)	25,1
14	Tài sản dài hạn khác	60.065.412.660	51.024.807.957	9.040.604.703	117,7
II	Tổng cộng nguồn vốn	14.027.689.764.553	11.457.207.540.011	2.570.482.224.542	122,4

66
ÔNG
CỔ PH
NG H
AI G
HÀ N
SIEM

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2023	Tăng (giảm) 2024/2023	% 2024/2023
1	Nợ ngắn hạn	2.725.781.171.831	1.120.505.210.757	1.605.275.961.074	243,3
2	Nợ dài hạn	90.743.382.337	73.191.584.636	17.551.797.701	124,0
3	Vốn chủ sở hữu	11.211.165.210.385	10.263.510.744.618	947.654.465.767	109,2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024 (ĐỒNG)	NĂM 2023 (ĐỒNG)	Tăng (giảm) 2024/2023	2024/2023 (%)
1	Doanh thu hoạt động	1.991.305.549.188	1.460.069.441.257	531.236.107.931	136,4
2	Chi phí hoạt động KD	566.042.768.853	606.441.083.579	(40.398.314.726)	93,3
3	Doanh thu hoạt động tài chính	3.600.855.932	4.715.313.949	(1.114.458.017)	76,4
4	Chi phí hoạt động tài chính	63.188.301.632	58.742.468.822	4.445.832.810	107,6
5	Chi phí quản lý Công ty Chứng khoán	129.127.044.887	115.526.401.141	13.600.643.746	111,8
6	Kết quả hoạt động	1.236.548.289.748	684.074.801.664	552.473.488.084	180,8
7	Thu nhập khác và chi phí khác	2.742.462.207	98.697.011	2.643.765.196	2.778,7
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239.290.751.955	684.173.498.675	555.117.253.280	181,1
9	Chi phí thuế TNDN	223.676.322.888	124.880.101.105	98.796.221.783	179,1
10	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.015.614.429.067	559.293.397.570	456.321.031.497	181,6
11	Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	1.249	688	561	181,5

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN

(Thực hiện so với KHKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024)

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2023	KH 2024	TH năm 2024	% HTKH	2024/2023 (%)
1	Tổng doanh thu	VNĐ	1.464.883.477.740	1.844.700.000.000	1.997.648.879.426	108,3	136,4
2	Tổng chi phí	VNĐ	780.709.979.065	809.400.000.000	758.358.127.471	93,7	97,1
3	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	684.074.801.664	1.035.300.000.000	1.239.290.751.955	119,7	181,2
4	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	559.293.397.570		1.015.614.429.067		181,6
5	Lợi nhuận sau thuế/DT (ROS)	%	38,2		50,8		133,2
6	Lợi nhuận sau thuế/ITS (ROA)	%	4,9		7,2		148,4

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2023	KH 2024	TH năm 2024	% HTKH	2024/2023 (%)
7	Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	%	5,5		9,1		166,2
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	688		1.249		181,5

Nhận xét

- Tổng doanh thu:** Thực hiện năm 2024 đạt 1.997,6 tỷ đồng bằng 108,3% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 136,4% so với thực hiện năm 2023. Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 đạt được vượt mức kế hoạch đặt ra từ đầu năm và có sự tăng trưởng so với năm 2023.
- Tổng chi phí:** Thực hiện năm 2024 là 758,4 tỷ đồng bằng 93,7% kế hoạch năm 2024 và bằng 97,1% so với năm 2023. Tổng chi phí phát sinh năm 2024 không bị vượt quá so với kế hoạch và thấp hơn tổng chi phí năm 2023.
- Về lợi nhuận:** Năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 1.239,3 tỷ đồng bằng 119,7% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 181,2% so với thực hiện năm 2023, lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 1.015,6 tỷ đồng bằng 181,6% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu tăng trong khi chi phí giảm.
- Tỷ lệ an toàn tài chính:** Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính theo Quy định của Pháp luật. Năm 2024, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đạt 717,4%.



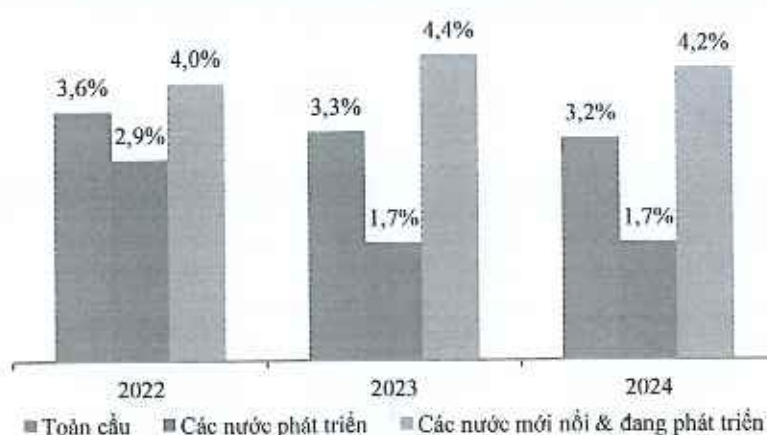
BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024
VÀ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

PHẦN MỘT: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024

I. TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2024

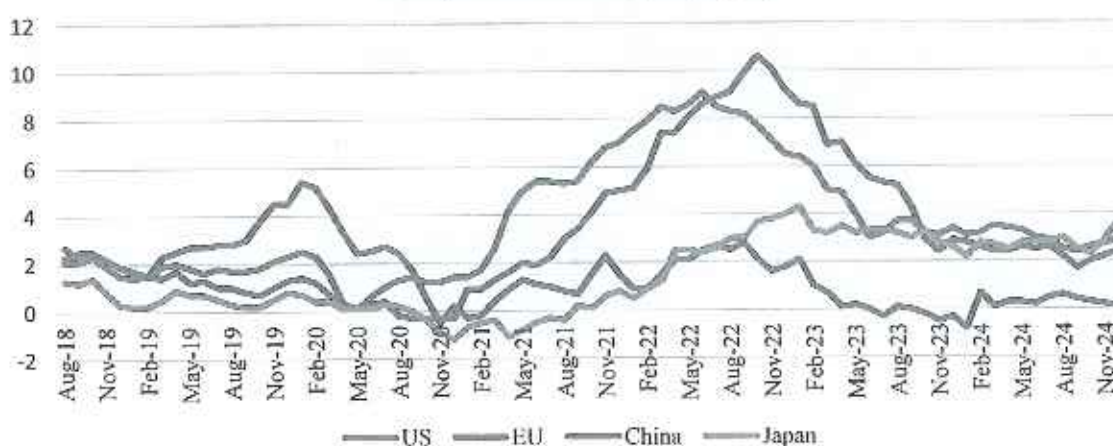
- **Bất ổn địa chính trị thế giới gia tăng:** Những căng thẳng tại khu vực Trung Đông gia tăng về mức độ và mở rộng phạm vi trong năm 2024 khi chiến tranh Israel – Hamas kéo thêm nhiều bên tham gia, sự sụp đổ của chính quyền Syria sau thời gian dài nắm quyền. Trong khi đó xung đột Nga – Ucraina đã kéo dài sang năm thứ 3 và chưa có dấu hiệu chấm dứt.
- **Kinh tế thế giới tăng trưởng không đồng đều:** Theo IMF, GDP toàn cầu tăng trưởng 3,2% trong năm 2024, thấp hơn 0,1% so với năm 2023 và cao hơn dự báo thời điểm đầu năm (3,1%). Trái với nhiều lo ngại, kinh tế Mỹ vẫn duy trì được đà tăng trưởng khá tốt 2,8%, so với mức 2,9% (2023). Trung Quốc nhờ các biện pháp kích thích mạnh tay nên đã suy giảm tăng trưởng thấp hơn so với dự báo (+4,8% so với +4,6%). Trong khi đó khối sử dụng đồng Euro tiếp tục rơi vào trạng thái trì trệ khi nền kinh tế đầu tàu là Đức tăng trưởng âm năm thứ 2 liên tiếp. Nhật Bản dù có năm tăng trưởng dương (0,1%) nhưng mức độ tăng trưởng thấp hơn năm 2023 và không đạt kỳ vọng.

Tăng trưởng GDP



- **Lạm phát hạ nhiệt:** Xu hướng giá cả trên toàn cầu giảm định hình rõ nét về gần mức mục tiêu của các NHTW qua đó tạo điều kiện cho việc hạ lãi suất, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong năm 2024, ECB đã có 4 lần hạ lãi suất (-1,35%), FED có 3 lần hạ lãi suất (-1%).

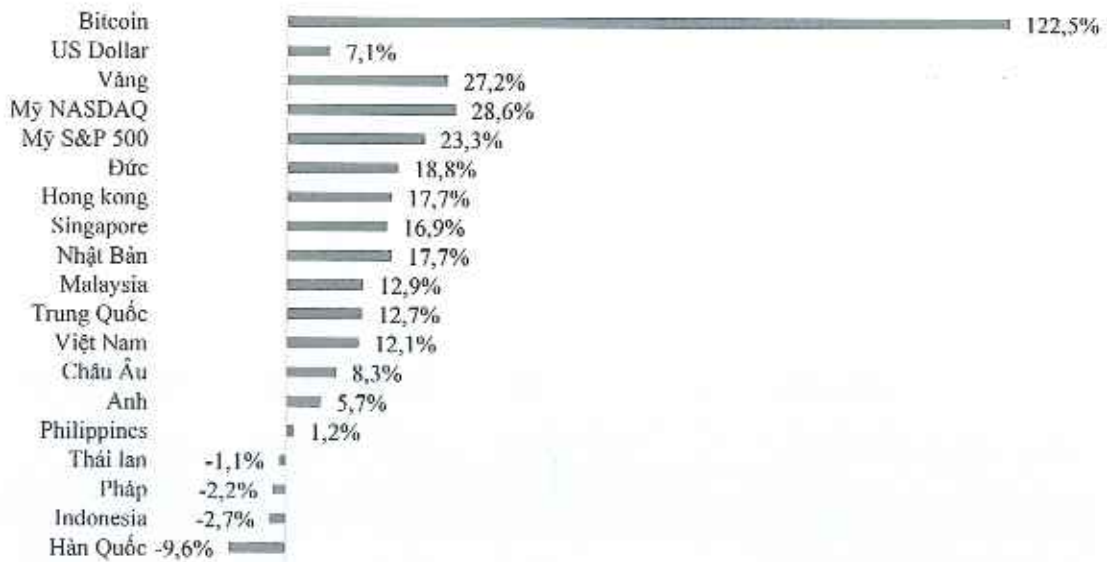
Lạm phát toàn cầu hạ nhiệt (%)



- **Thị trường tài chính quốc tế năm 2024:** Chứng kiến sự tăng giá mạnh của chỉ số chứng khoán tại nhiều nước đặc biệt tại Mỹ nhờ nền kinh tế tăng trưởng tích cực, lãi suất giảm và

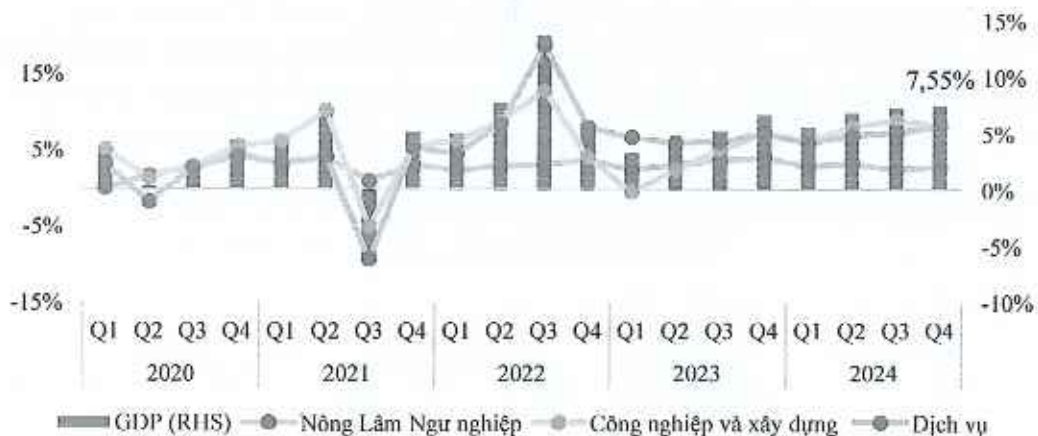
con số cổ phiếu công nghệ. Những căng thẳng địa chính trị, lãi suất giảm và xu hướng đa dạng hóa dự trữ là nhân tố giúp cho giá vàng, tiền số cũng có năm tăng giá trong đó giá vàng có trên 30 lần thiết lập kỷ lục mới.

Tăng trưởng chứng khoán, ngoại tệ, vàng, tiền số 2024



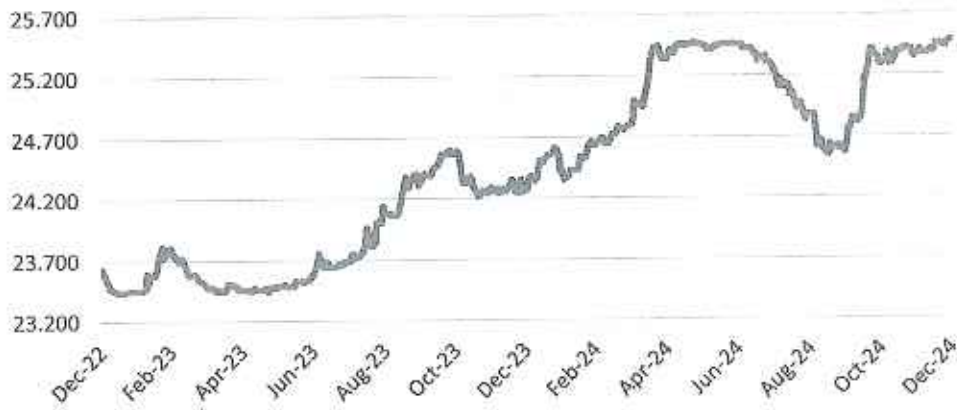
Kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh: Mặc dù chịu tác động bởi bão Yagi nhưng kinh tế tăng trưởng ở mức cao trong 6 tháng cuối năm giúp GDP cả năm 2024 tăng 7,09%, trong đó công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, cao nhất kể từ 2020. Vốn FDI thực hiện khoảng 25,35 tỷ USD, tăng trưởng +9,36% cùng kỳ năm ngoái. Giá cả ổn định khi CPI bình quân 2024 tăng 3,63% so với 2023, vẫn đạt mục tiêu <4% mà Quốc hội đề ra. Xuất khẩu hàng hóa lập kỷ lục mới, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kim ngạch đến từ các doanh nghiệp nội địa tăng 19,8%, so với doanh nghiệp FDI tăng 12,3%.

Tăng trưởng GDP (YoY)



Giải ngân vốn đầu tư công chậm, giá vàng biến động mạnh, tỷ giá tăng. Tính tới cuối năm 2024, vốn giải ngân ước đạt 72,9% kế hoạch năm, thấp hơn tỷ lệ 73,34% của năm 2023. Trước biến động của giá vàng thế giới, giá vàng trong nước tăng 13,8% năm 2024 và có thời điểm vàng miếng SJC vượt 90 triệu đồng/lượng, chênh lệch tăng cao khiến NHNN phải đấu thầu vàng, bán vàng bình ổn qua 4 NHTM nhà nước, thanh tra hoạt động kinh doanh vàng. Bên cạnh đó tỷ giá cũng diễn biến bất lợi khi VND mất giá 5% so với USD và giao dịch tại mức kỷ lục 25.485 đồng mặc dù trong năm 2024 NHNN phải hút tiền và bán USD để can thiệp.

Diễn biến tỷ giá USD/VND



Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2024

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng GDP (%)	7,02	2,91	2,58	8,02	5,05	7,09
Tăng CPI bình quân (%)	2,79	3,23	1,84	3,15	3,25	3,63
Tăng trưởng tín dụng (%)	13,6	12,13	12,97	14,5	13,7	15,08
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	23.155	23.131	23.145	23.612	23.866	24.335
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	80	92	105	84	100	
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so GDP (%)	2,62	-1,99	-3,76	2,34	-0,14	1,8

Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research

- **TTCK Việt Nam tích lũy trong năm 2024.** Sau đợt điều chỉnh mạnh và phục hồi vào cuối năm 2023, thị trường tăng trong quý 1 và sau đó diễn biến tích lũy trong vùng rộng từ 1.166 điểm đến 1.306 điểm. Kết thúc năm 2024, chỉ số VN-Index tăng 12,1% so với cuối năm 2023, đóng cửa tại 1.266,78 điểm. HNX-Index đóng cửa tại 227,43 điểm, giảm 1,6% và Upcom-Index là 95,06 điểm, tăng 9,2%. Nhóm VN-30 có mức tăng cao hơn VN-Index, đạt 18,9% với nhiều mã tăng mạnh như GVR (+43,2%), FPT (+82,5%), TCB (+55%) MWG (+42,5%).

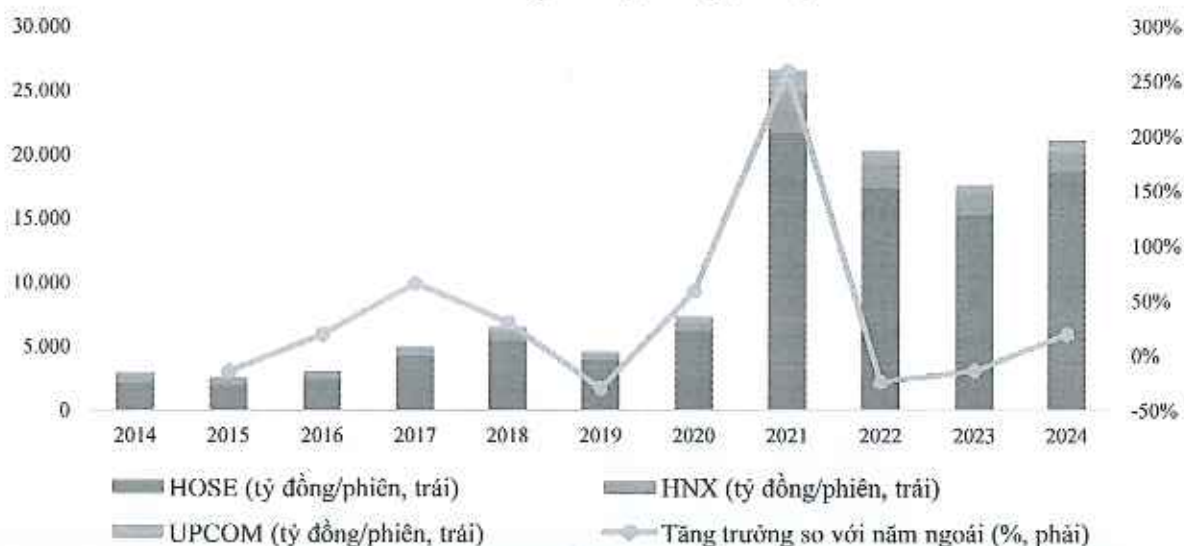
Diễn biến chỉ số chứng khoán Việt Nam 2024



- Thanh khoản toàn thị trường năm 2024 đạt bình quân 20.985 tỷ đồng/phần, tăng 19% so với

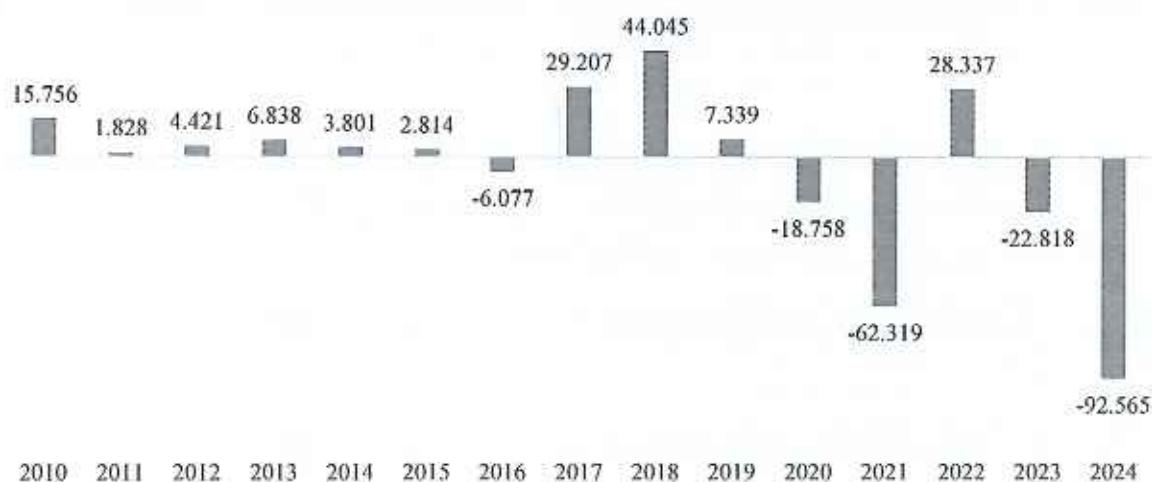
cùng kỳ năm 2023.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



- Những kỳ vọng đầu năm về việc KRX đưa vào triển khai trong năm 2024 chưa được thực hiện và Việt Nam đã lỡ cơ hội nâng hạng thị trường chứng khoán lên thị trường mới nổi loại 2 của FTSE. Trong năm 2024 mặc dù Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 68 hiệu lực thi hành từ 02/11/2024 nhằm gỡ vướng quy định Prefunding của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Chịu tác động chung của sự dịch chuyển dòng vốn ngoại trên toàn cầu và biến động tỷ giá bất lợi, dòng tiền ngoại tại thị trường Việt Nam tiếp tục tiêu cực khi bán ròng kỷ lục lên tới 92.565 tỷ đồng, gấp 4 lần cả năm 2023.

Giá trị mua bán ròng NĐTNN (tỷ đồng)



- Hoạt động niêm yết diễn ra âm ảm, cả năm 2024 chỉ có 3 doanh nghiệp niêm yết mới trên HIOSE và 2 doanh nghiệp mới tại HNX. Công tác cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước cũng rất chậm khi chỉ có 5 doanh nghiệp thoái vốn nhà nước với giá trị 145 tỷ đồng, 3 doanh nghiệp do các tập đoàn tổng công ty thoái vốn với giá trị 40,9 tỷ đồng.
- Trên thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp, theo VMBA giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2024 là 443,5 nghìn tỷ đồng, tăng 30,8% so với 2023 trong đó phát hành riêng lẻ là 410,5 nghìn tỷ đồng (+38,3%) và phát hành ra công chúng là 32,9 nghìn tỷ đồng (-11%). Giá trị trái phiếu mua lại trước hạn là gần 200 nghìn tỷ đồng (-20%).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá chung

Kết quả kinh doanh năm 2024 so với kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	%TH so với KH năm 2024
I	Tổng doanh thu	1.844,7	1.997,6	108,3%
II	Tổng chi phí	809,4	758,3	93,7%
III	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.035,3	1.239,3	119,7%

Kết quả kinh doanh năm 2024 so với thực hiện năm 2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024/ Năm 2023
1	Tổng tài sản	14.027,7	11.457,2	122,4%
2	Tổng vốn chủ sở hữu	11.211,2	10.263,5	109,2%
3	Doanh thu hoạt động	1.991,3	1.460	136,4%
	<i>Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn</i>	<i>1.194,7</i>	<i>618,4</i>	<i>193,2%</i>
	<i>Lãi từ các khoản cho vay và phải thu</i>	<i>497,7</i>	<i>547,1</i>	<i>91,0%</i>
	<i>Doanh thu môi giới chứng khoán</i>	<i>237,9</i>	<i>222,4</i>	<i>107,0%</i>
	<i>Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK</i>	<i>8,7</i>	<i>37,7</i>	<i>23,1%</i>
	<i>Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK</i>	<i>10,5</i>	<i>2,2</i>	<i>477,3%</i>
	<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	<i>13,5</i>	<i>15,5</i>	<i>87,1%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	<i>25,5</i>	<i>16,3</i>	<i>156,4%</i>
	<i>Thu nhập hoạt động khác</i>	<i>2,5</i>	<i>0,4</i>	<i>625,0%</i>
4	Chi phí hoạt động	566,0	606,4	93,3%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	3,6	4,7	76,6%
6	Chi phí tài chính	63,2	58,7	107,7%
7	Chi phí quản lý	129,1	115,5	111,8%
8	Kết quả hoạt động	1.236,6	684,1	180,8%
9	Kết quả hoạt động khác	2,7	0,1	2.700,0%
10	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239,3	684,2	181,1%
11	Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.015,6	559,3	181,6%

- Tổng kết năm 2024, SHS ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.997,6 tỷ đồng, tương ứng 108,3% kế hoạch năm. Tổng chi phí là 758,3 tỷ đồng, tương ứng 93,7% kế hoạch năm trong đó chi phí kinh doanh là 629,3 tỷ đồng, chi phí quản lý là 129,1 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của SHS đạt 1.239,3 tỷ đồng, tương ứng 119,7% kế hoạch.
- Trong cơ cấu doanh thu, hoạt động Môi giới (gồm cả lưu ký) đạt 251,4 tỷ đồng, chiếm 12,6%. Lãi từ cho vay và phải thu đạt 497,7 tỷ, chiếm 25% tổng doanh thu. Hoạt động Đầu tư ghi nhận 1.194,7 tỷ đồng, chiếm 60% tổng doanh thu. Hoạt động Tư vấn tài chính & bảo lãnh phát hành là 34,2 tỷ đồng chiếm 1,7% tổng doanh thu, tư vấn đầu tư và khác là 13,1 tỷ đồng, chiếm 0,7%.
- Đối chiếu với các mục tiêu phương hướng hành động đề ra từ đầu năm, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:
 - ✓ Kết quả kinh doanh hoàn thành 119,7% kế hoạch ĐHCĐ đặt ra;
 - ✓ Hoạt động kinh doanh trái phiếu duy trì kết quả tích cực. Thị phần môi giới trái phiếu chính phủ của SHS duy trì trong nhóm có thị phần trên 10% tại HNX năm 2024;
 - ✓ Dẩy mạnh các giải pháp để nâng cấp trải nghiệm khách hàng đối với các dịch vụ thông qua cải tiến quy trình thủ tục, tăng cường thêm các tính năng tự động trên các nền tảng giao dịch, ra mắt một số sản phẩm mới như T-Plus, SH69.
 - ✓ Hạ tầng CNTT tiếp tục được củng cố, tăng cường khả năng bảo mật nhằm duy trì hệ thống vận hành ổn định, an toàn. Công ty hoàn thành thử nghiệm hệ thống giao dịch cơ sở sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của dự án KRX của HIOSE. Đồng thời một số dự án công nghệ đang được triển khai để phục vụ cho hoạt động phát triển kinh doanh trong thời gian tới cũng như phục vụ công tác quản trị nội bộ, nâng cao hiệu suất công việc.
 - ✓ Hoàn thành việc xây dựng Bộ Nhận diện thương hiệu mới và đã ra mắt vào dịp sinh nhật Công ty 15/11/2024;
 - ✓ Công ty đạt TOP 10 Báo cáo quản trị Công ty 2024 - nhóm vốn hóa lớn; Giải thưởng Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2024 & Doanh nghiệp quan tâm chăm sóc nhân viên tốt nhất do HR Asia trao tặng; Giải thưởng Dịch vụ Môi giới Tài chính tiêu biểu tại Việt Nam 2024 do Vietnam Wealth Advisor Summit trao tặng; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hà Nội.

2. Đánh giá các hoạt động nghiệp vụ của SHS

2.1. Hoạt động đầu tư

- Năm 2024, nhờ chiến lược giải ngân vốn đầu tư vào các cổ phiếu cơ bản, có tiềm năng tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh và nắm bắt cơ hội thị trường hiện thực hóa lợi nhuận đối với các chứng khoán đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng, hoạt động đầu tư của Công ty ghi nhận 1.194,7 tỷ đồng doanh thu, hoàn thành 127% kế hoạch, tăng 93,2% so với năm 2023.
- Cơ cấu danh mục đầu tư được phân bổ đa dạng để phân tán rủi ro, ngoài cổ phiếu còn có trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ. Các trái phiếu mà SIIS đầu tư đều được đánh giá kỹ về hoạt động kinh doanh, năng lực tài chính và khả năng thanh toán nợ trong đó trái phiếu của ngân hàng chiếm 81%, trái phiếu doanh nghiệp khác chiếm 19%.
- Công tác quản trị hoạt động đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy trình và các bước đầu tư với các báo cáo giấy tờ được chuẩn hóa. Quy trình đầu tư và hệ thống công nghệ dữ liệu được cải thiện, bảo đảm hoàn thiện công việc.

- Công ty thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư.

2.2. Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính

- Trong năm 2024, áp lực cạnh tranh giữa các CTCK vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt khi lãi suất dịch vụ tài chính cũng được nhiều công ty cắt giảm cùng phí môi giới, doanh thu hoạt động Môi giới của Công ty (gồm cả lưu ký) ghi nhận 251,4 tỷ đồng, tăng 5,7% so với 2023.
- Hoạt động dịch vụ tài chính ghi nhận 497,7 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2023.
- Doanh thu tổng hợp hoạt động môi giới & dịch vụ tài chính của SIIS ghi nhận 749,1 tỷ đồng, giảm 4,6% so với năm 2023.
- Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ thông qua cải tiến công nghệ, bổ sung các tính năng hữu ích trên các nền tảng giao dịch, tự động hóa một số quy trình nghiệp vụ theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng nhưng vẫn đảm bảo công tác quản trị rủi ro trong hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính. Công ty cũng cho ra mắt thêm các sản phẩm mới như T-Plus, SH69 với các ưu đãi về cả phí và lãi suất vay.

2.3. Hoạt động Tư vấn

- Năm 2024 thị trường trái phiếu có diễn biến tích cực hơn năm 2023 tuy nhiên các hoạt động niêm yết, phát hành, thoái vốn, cổ phần hóa vẫn khá âm ảm tác động tiêu cực tới hoạt động cung cấp các dịch vụ tư vấn của SHS. Doanh thu tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành ghi nhận 34,2 tỷ đồng, giảm 36,7% so với năm 2023.
- Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu cho các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp với giá trị tổng mệnh giá tăng 50% so với năm 2023 đồng thời tư vấn dịch vụ đăng ký, lưu ký trái phiếu tại VSDC và đăng ký giao dịch/đăng ký niêm yết trái phiếu trên IINX.
- Ở hoạt động tư vấn niêm yết, Công ty đã tư vấn IPO và niêm yết thành công 1 trong 3 mã cổ phiếu mới trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán RYG). Tại thời điểm cuối năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng tư vấn với một số tập đoàn tuy nhiên các công việc sẽ được thực hiện và ghi nhận trong năm 2025.
- Ngoài ra, Công ty cũng tiếp tục hoàn thành các phân đoạn trong thương vụ tư vấn DB Insurance nhận chuyển nhượng cổ phần TCT CP Bảo hiểm Hàng không (VNI) và TCT CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BHI) với tổng giá trị giao dịch lên đến 2.900 tỷ đồng.
- Công ty tiếp tục duy trì mạng lưới khách hàng tư vấn là các tập đoàn, tổng công ty lớn, định chế tài chính, ngân hàng thương mại.
- Bên cạnh các sản phẩm tư vấn truyền thống, SHS tiếp tục nghiên cứu tư vấn phát hành trái phiếu có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh tín dụng quốc tế, phát hành trái phiếu xanh đồng thời tích cực kết nối các nhà đầu tư bên mua và bên bán để có thể cung cấp dịch vụ tư vấn M&A trong tương lai.

2.4. Hoạt động quản lý nguồn vốn

- Năm 2024, Công ty đã cân đối về nguồn vốn, đảm bảo tốt khả năng thanh toán, đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng. Các khoản vay tín dụng ngân hàng đều là tín chấp không có tài sản đảm bảo, quan hệ tín dụng được mở rộng thêm với các ngân hàng Vietcombank, Techcombank, Vietbank, ACB.

- Hoạt động nguồn vốn được tổ chức khoa học, hợp lý, công tác quản trị được chú trọng nên hiệu quả sử dụng vốn đạt mức cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của toàn Công ty.

2.5. Các hoạt động khác

- Công ty trong năm 2024, Công ty duy trì hệ thống core chứng khoán cơ sở và phái sinh hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng các yêu cầu thay đổi, nâng cấp phần mềm sắp tới của 2 Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX và VSDC. Công ty hoàn thành dự án cung cấp phần mềm đặt lệnh trực tiếp không qua các kênh hiện có dành cho khách hàng tổ chức.
- Về nhân sự, tại thời điểm cuối năm 2024, toàn Công ty có 312 cán bộ nhân viên, trong đó 299 cán bộ nhân viên đã ký hợp đồng lao động chính thức, 13 cán bộ nhân viên đang trong thời gian thử việc.
- Công tác quan hệ lao động (quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật...) và chế độ cho người lao động (lương, BHXH) được thực hiện tốt, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Các nhân viên có đóng góp tích cực được khen thưởng động viên kịp thời.
- Trong năm 2024, công tác kiểm soát đối với các nghiệp vụ có tính rủi ro cao được thực hiện sát sao, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình, quy định. Các sai sót đều được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời, đúng quy định. Công tác kiểm tra định kỳ tại các phòng ban, chi nhánh được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, kịp thời.
- Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin đảm bảo đúng quy định, đầy đủ và kịp thời.

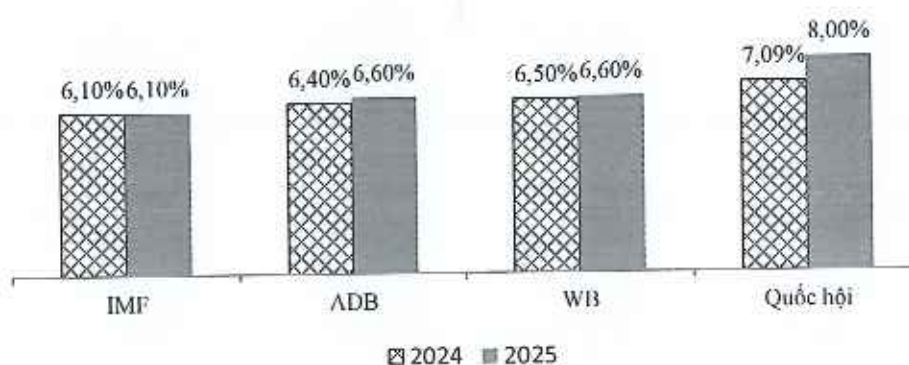
PHẦN HAI: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN NĂM 2025

1. Nhận định chung năm 2025

- Kinh tế thế giới ổn định nhưng tiềm ẩn các rủi ro khó lường. Hầu hết các tổ chức quốc tế đều không quá lạc quan về tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 khi đều dự báo tốc độ tăng tương đương hoặc cao hơn một chút so với năm 2024. Tuy nhiên việc ông Donald Trump trở thành Tổng thống Mỹ và Đảng Cộng hòa chiếm đa số tại cả 2 viện của Quốc hội Mỹ khiến cho bối cảnh thế giới trở nên bất định và khó đoán. Chính sách tăng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu dự báo sẽ khiến cho giá cả tại Mỹ tăng lên và khiến cho FED do dự hơn trong các quyết định về lãi suất, đe dọa tác động tiêu cực tới triển vọng tăng trưởng của quốc gia này. Đồng thời với đó điều này đang tạo ra phản ứng áp thuế trả đũa từ phía các đối tác thương mại quan trọng đặc biệt từ Trung Quốc khiến cho rủi ro chiến tranh thương mại như năm 2018 quay trở lại. Những yếu tố này đang và sẽ có những ảnh hưởng tới tăng trưởng, giá cả nhiều loại hàng hóa toàn cầu, sự thay đổi chính sách và chuyển hướng của các dòng vốn trên toàn cầu.
- Kinh tế Việt Nam khả quan. Động lực tăng trưởng trong năm 2025 sẽ đến từ chính sách đẩy mạnh đầu tư công và sự phục hồi của cầu nội địa bên cạnh đó là ngành công nghiệp chế tạo tiếp tục tận dụng làn sóng dịch chuyển đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Năm 2025 là năm cuối của kế hoạch trung hạn 2021-2025 và Chính phủ đặt kế hoạch đầu tư công kỷ lục với giá trị 791.000 tỷ đồng, tăng 44% so với thực hiện của năm 2024. Cùng với đó tăng trưởng tín dụng cũng được đặt mục tiêu khoảng 16% để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư. Tuy vậy, rủi ro đối với kinh tế Việt Nam gồm: 1/Đà tăng trưởng kinh tế thế giới không như kỳ vọng; 2/Rủi ro bị áp thuế với hàng hóa xuất khẩu khi Việt Nam hiện đang nằm trong Top các quốc gia về giá trị thặng dư thương mại với Mỹ; 3/Lãi suất tại Mỹ giảm chậm có thể tiếp tục gây áp lực đối với tỷ giá trong nước.

Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam



2. Số liệu kế hoạch kinh doanh năm 2025

Với quan điểm thị trường chứng khoán trong năm 2025 dự báo sẽ có những biến động mạnh, Ban Điều hành SHS xin đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu như sau:

Giả định về thị trường

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
VN-Index (điểm)	1.266,78	1.394 – 1.420
GTGD bình quân/phiên (tỷ đồng)	20.985	23.100 – 25.200

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% Kế hoạch so với thực hiện năm 2024
I	Tổng doanh thu	1,997.6	2,519.8	126.1%
II	Tổng chi phí	758.3	919.2	121.2%
III	Lợi nhuận trước thuế	1,239.3	1,600.6	129.2%

3. Mục tiêu bộ phận

Bộ phận	Mục tiêu năm 2025
Tổ chức quản trị	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoàn thiện mô hình tổ chức mới trên cơ sở gắn với các thông lệ tốt trên thị trường và phát huy được tối đa hiệu quả các công cụ quản trị, kiện toàn chức năng nhiệm vụ của các bộ phận tương ứng với mô hình mới; ▪ Đẩy mạnh tuyển dụng, xây dựng các chính sách về nhân sự đảm bảo giữ chân và thu hút được nhân sự chất lượng cao; ▪ Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm cung cấp các kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu công việc; ▪ Xây dựng môi trường làm việc năng động, hiện đại, tiện nghi, phát huy được sự sáng tạo của CBNV. Hoàn thành việc chuyển trụ sở sang địa điểm mới;
Quản lý Tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm 2025, SHS chuyển mình mạnh mẽ từ nền tảng cung cấp dịch vụ giao dịch truyền thống sang nền tảng quản lý tài khoản chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với nhiều sản phẩm đa dạng phù hợp với các tệp khách hàng cao cấp riêng biệt. ▪ Công ty đã và đang xây dựng nền tảng vững chắc để cung cấp sản phẩm quản lý tài khoản tới tất cả các nhà đầu tư vào năm 2026 tới đây. Các sản phẩm của Công ty sẽ được xây dựng đa dạng và linh hoạt, bảo đảm đáp ứng mọi khâu vị và nhu cầu đầu tư của Khách hàng trên cơ sở đầu tư theo định lượng.
CNTT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đảm bảo các hệ thống vận hành an toàn và bảo mật, sẵn sàng Golive hệ thống KRX đúng hạn cùng kế hoạch của cơ quan quản lý; ▪ Nâng cấp phần mềm, đáp ứng ngay các nhu cầu hạ tầng, công nghệ phục vụ các mảng kinh doanh của Công ty; ▪ Xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình quản trị hệ thống công nghệ đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài;
Tư vấn Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xây dựng hệ thống chuyên gia tư vấn đầu tư chất lượng cao đem lại giá trị lâu dài cho khách hàng sử dụng dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư; ▪ Xây dựng hệ thống giao dịch điện tử phù hợp nhất qua web trading/app trading với nhiều tính năng phù hợp cho các khách hàng tự giao dịch, các khách hàng cần chuyên gia tư vấn đầu tư hỗ trợ trong quá trình giao dịch;

Bộ phận	Mục tiêu năm 2025
Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Duy trì sự ổn định của sản phẩm; Đa dạng hóa hình thức cung cấp dịch vụ; Phát triển các sản phẩm mới theo hướng linh hoạt, cạnh tranh với thị trường; ▪ Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty;
Nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đảm bảo thanh khoản của toàn Công ty; ▪ Đảm bảo an toàn và tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn; ▪ Đáp ứng tối đa nhu cầu vốn của các đơn vị kinh doanh; ▪ Mở rộng quan hệ tín dụng với các định chế tài chính lớn, uy tín; ▪ Hoàn thành tăng vốn điều lệ;
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm kiếm và xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả, quản trị danh mục linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường; ▪ Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị phù hợp với khả năng của SHS;
Tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm kiếm khách hàng thuộc các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng tốt trong trung và dài hạn; Thiết lập hệ thống đối tác là các nhà đầu tư lớn, các quỹ đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện tư vấn M&A, IPO; ▪ Tập trung thực hiện tư vấn phát hành trái phiếu xanh, trái phiếu phát triển bền vững, trái phiếu xã hội cho các khách hàng tổ chức; ▪ Xây dựng quy trình tư vấn các nghiệp vụ chuyên sâu phù hợp với tình hình mới. Dẩy mạnh đào tạo nghiệp vụ để nâng cao chất lượng tư vấn;
Kinh doanh Sản phẩm tài chính	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính, mở rộng kênh phân phối; ▪ Đa dạng hóa khách hàng; ▪ Tận dụng các cơ hội đầu tư vào các sản phẩm tài chính có lợi suất cố định;
Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty sẽ cung cấp các sản phẩm phân tích chuyên nghiệp, hiệu quả phục vụ cho các khách hàng có thể tự ra quyết định đầu tư một cách hợp lý bên cạnh việc hỗ trợ các chuyên gia tư vấn đầu tư dựa vào đó để tư vấn cho các khách hàng có nhu cầu. ▪ Công ty triển khai các báo cáo phân tích, đánh giá quản lý tài sản, phân bổ tài sản một cách chuyên nghiệp, hợp lý trong điều kiện môi trường đầu tư tại Việt Nam để làm tài liệu tham khảo cho các khách hàng trong quá trình ra quyết định phân bổ tài sản, lựa chọn từng loại tài sản nào để ra quyết định đầu tư hợp lý nhất.

4. Giải pháp triển khai

4.1. Hoạt động Tư vấn đầu tư và Dịch vụ tài chính

- Áp dụng các chính sách phù hợp, cạnh tranh để thu hút được đội ngũ nhân sự Tư vấn đầu tư (TVĐT) chất lượng cao, tạo động lực và tăng hiệu quả công việc của nhân sự TVĐT. Dẩy mạnh hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn khách hàng theo hướng chuyên nghiệp.
- Thúc đẩy phát triển mạng lưới hiện có đặc biệt tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh, mở rộng phát triển thêm khách hàng tại các địa phương khác có tiềm năng.

- Ứng dụng các giải pháp số hóa trong hoạt động để tăng khả năng phục vụ khách hàng, giảm sai sót trong các nghiệp vụ.
- Duy trì sự ổn định của nguồn vốn phục vụ khách hàng, tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Phát triển các sản phẩm mới để phục vụ các đối tượng khách hàng khác nhau với các điều kiện linh hoạt, cạnh tranh. Chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, đơn giản hóa thủ tục sản phẩm. Chuẩn bị đủ các điều kiện để có thể phát hành chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrant) khi tình hình thị trường thuận lợi.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống CNTT để tăng cường tính ổn định của hệ thống giao dịch, bổ sung các tiện ích nâng cao trên các nền tảng giao dịch SHWeb, Mobile trading.

4.2. Hoạt động đầu tư

- Tận dụng các cơ hội trên thị trường niêm yết với quan điểm thận trọng, bảo toàn vốn. Tăng cường ứng dụng các giải pháp số hóa trong hoạt động để giúp phát hiện cơ hội, cảnh báo sớm và phòng ngừa rủi ro.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị bằng nghiệp vụ M&A, PE, tham gia làm cổ đông chiến lược, đấu giá các DNNN sẽ IPO hoặc nhà nước thoái vốn. Tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành trong các lĩnh vực tiềm năng trong trung và dài hạn.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự thông qua tăng cường đào tạo về các nội dung liên quan đầu tư như phân tích kỹ thuật, thẩm định, định giá bất động sản, kế toán kiểm toán doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh....

4.3. Hoạt động Tư vấn & Bảo lãnh phát hành

- Đối với mảng trái phiếu, duy trì quan hệ với các khách hàng hiện có (định chế tài chính, ngân hàng, tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn trái phiếu thường xuyên), đồng thời tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới để cung cấp các dịch vụ.
- Đa dạng hóa đối tượng khách hàng ở những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tiềm năng khác nhau. Mở rộng quan hệ với các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Phát triển các sản phẩm tư vấn mới như đại lý trái phiếu, phát hành trái phiếu xanh quốc tế, trái phiếu xã hội...
- Đẩy mạnh khai thác các dịch vụ tư vấn truyền thống như cổ phần hóa, thoái vốn, chào bán cổ phần, niêm yết, phát hành, bảo lãnh với các khách hàng hiện có, đặc biệt từ các DNNN và doanh nghiệp tư nhân nền tảng tốt.
- Tăng cường hoạt động CA (corporate access) để tư vấn chuyên sâu như tái cấu trúc, huy động vốn, M&A.
- Tiếp tục khai thác các dịch vụ tư vấn khác như tổ chức đại hội đồng cổ đông, tư vấn định giá cổ phiếu, tư vấn quan hệ nhà đầu tư... Trong quá trình cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng, tìm kiếm các doanh nghiệp có ngành nghề cơ bản ổn định, chiến lược kinh doanh khả thi và dòng tiền bền vững để đề xuất thực hiện các thương vụ M&A.
- Thiết lập bộ phận CA, IR để tăng cường mối quan hệ với các khách hàng, doanh nghiệp, đối tác, nhà đầu tư từ đó triển khai các dịch vụ ngân hàng đầu tư.
- Đào tạo và tuyển dụng đội ngũ nhân sự chất lượng đáp ứng các nghiệp vụ yêu cầu cao.
- Tập trung, đẩy mạnh các giải pháp đồng bộ để khai thác khách hàng trên địa bàn Tp.HCM, Đà Nẵng.

4.4. Hoạt động Kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định

- Duy trì các khách hàng cũ, mở rộng mạng lưới khách hàng mới là các Ngân hàng, Công ty SHS

quản lý quỹ về mở tài khoản giao dịch tại SHS.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trái phiếu trên thị trường.
- Rà soát quy trình nghiệp vụ, cập nhật bổ sung các loại báo cáo, biểu mẫu, bản chào, cơ sở dữ liệu...
- Triển khai xây dựng hệ thống phần mềm để ứng dụng vào hoạt động.
- Tiếp tục tăng cường hoạt động đào tạo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, tinh gọn, năng động, bài bản.

4.5. Hoạt động quản lý và kinh doanh nguồn vốn

- Mở rộng quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng thương mại, xây dựng các phương án huy động vốn nếu cần thiết để đảm bảo quy mô vốn cho các hoạt động kinh doanh.
- Triển khai tăng vốn điều lệ của SHS để nâng cao năng lực tài chính của công ty.
- Bám sát các diễn biến trên thị trường, dự báo các kịch bản để chủ động về nguồn vốn, đảm bảo an toàn về thanh khoản của toàn Công ty.
- Thực hiện các biện pháp để quản trị rủi ro và tăng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo sự phù hợp về cơ cấu vốn.
- Nghiên cứu xây dựng các sản phẩm mới để cung cấp cho nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, các quy định của UBCKNN và Điều lệ Công ty.

4.6. Các hoạt động khác

- Tiếp tục duy trì vận hành ổn định hệ thống, đáp ứng các yêu cầu vận hành hệ thống KRX đúng kế hoạch của các cơ quan chức năng, đảm bảo an toàn, bảo mật.
- Hoàn thành các dự án CNTT để nâng cao trải nghiệm khách hàng trên các nền tảng giao dịch hiện tại (MTS, WTS), xây dựng nền tảng hạ tầng sẵn sàng cho việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới, tăng cường năng lực quản lý khách hàng, quản trị nội bộ, hiệu suất công việc.
- Hoàn thiện mô hình tổ chức công ty theo hướng hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển và tương xứng với vị thế của Công ty.
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Công ty thông qua việc xây dựng và triển khai hệ thống BSC – KPI (Thẻ điểm cân bằng – Các chỉ tiêu hiệu suất công việc) trong công tác Quản trị chiến lược và Quản trị hiệu suất, thực hiện kế hoạch của công ty cũng như tới từng Khối/Phòng/Ban đơn vị và cá nhân nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của công ty trong các giai đoạn tiếp theo.
- Đẩy mạnh cả chất và lượng của hoạt động phân tích hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm xử lý thông tin, đào tạo, tư vấn kịp thời cho hoạt động của toàn công ty đồng thời phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng để phục vụ cho nhu cầu phát triển của công ty gồm cả nhân sự lãnh đạo cấp trung và cao cấp để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng làm việc cho nhân viên và kỹ năng quản lý dành cho lãnh đạo cấp trung thông qua hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo thuê ngoài.
- Chuyển địa điểm Hội sở, nâng cấp cơ sở vật chất của các Chi nhánh để đáp ứng được nhu cầu phát triển, tạo ra diện mạo mới của SHS và môi trường làm việc tốt cho người lao động.
- Triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu của SHS, Marketing trên nhiều nền tảng phù hợp để thu hút khách hàng mới, tăng cường sự nhận biết và thúc đẩy khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ của SHS, có các chính sách chăm sóc và tri ân các khách hàng.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, đáp ứng các yêu cầu của công tác quản trị cũng như các quy định của UBCKNN.
- Kiểm soát thường xuyên để đảm bảo các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản của Công ty được soạn thảo, ban hành, ký kết đúng pháp luật. Thực hiện tốt hoạt động báo cáo, công bố thông tin đúng theo các quy định.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết hoạt động năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

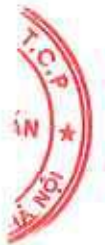
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CHÍ THÀNH



TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) hiện hành;
- Báo cáo tài chính 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 đã được công bố thông tin theo quy định, gồm một số nội dung sau:

- Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- Báo cáo Tình hình Tài chính;
- Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo Tình hình Tài chính;
- Báo cáo Kết quả Hoạt động;
- Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

-CBTT, SGDCK, UBCKNN;

-Lưu VT, VP HĐQT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH

TỜ TRÌNH

(V/v: Trích lập các quỹ và Phân phối lợi nhuận năm 2024)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật hiện hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hiện hành;
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty tại Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua Phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024: $(1)=(1.1)+(1.2)$ 1.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện: 1.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện:	1.015.614.429.067 945.407.238.265 70.207.190.802
2	Trích lập các quỹ năm 2024: $(2)=(2.1)+(2.2)$ 2.1. Quỹ khen thưởng: 2.2. Quỹ phúc lợi:	40.000.000.000 10.000.000.000 30.000.000.000
3	Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối còn lại năm 2024 sau khi trích lập các Quỹ: $(3)=(1.1)-(2)$	905.407.238.265
4	Chia cổ tức bằng tiền mặt Tỷ lệ: 10%/Cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)	813.156.748.000
5	Lợi nhuận chưa phân phối giữ lại năm 2024 $(5)=(1)-(2)-(4)$	162.457.681.067

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức bằng tiền mặt, ban hành văn bản và thực hiện thủ tục hành chính, pháp lý đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT, SGDC&K, UBCKNN;
- Lưu VT, VPHDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Kế hoạch Kinh doanh năm 2025)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) hiện hành,
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% KH năm 2025 /TH năm 2024
Tổng Doanh thu	1.997,6	2.519,8	126,1%
Tổng Chi phí	758,3	919,2	121,2%
Lợi nhuận trước thuế	1.239,3	1.600,6	129,2%

(Chi tiết tại Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng giám đốc).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT, SGDCK, UBCKNN;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ QUANG VINH

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHS)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”/“SHS”) hiện hành,

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của SHS năm 2025 (ESOP 2025), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Việc phát hành (“PH”) cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty có ý nghĩa quan trọng, ghi nhận những nỗ lực của các cấp cán bộ/nhân viên đối với Công ty đồng thời cũng mong muốn ghi nhận được lực lượng lao động tinh hoa, chủ chốt của Công ty. Nguồn nhân lực có chất lượng cao, gắn bó với Công ty là động lực để Công ty hoàn thành các mục tiêu, chiến lược phát triển trong tương lai.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY (ESOP 2025)

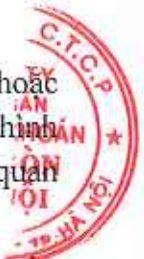
1. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
2. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
3. Loại tiền:	Việt Nam Đồng
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu.
5. Mệnh giá cổ phiếu PH:	10.000 đồng/cổ phần
6. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến PH theo mệnh giá:	50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng.
7. Đối tượng PH:	Người lao động (“NLD”) trong Công ty Tiêu chuẩn, danh sách NLD được tham gia chương trình,



	nguyên tắc xác định và thực hiện phân bổ số cổ phiếu phát hành ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt sau khi được ĐHĐCĐ Công ty thông qua Phương án phát hành cổ phiếu ESOP này.
8. Phương thức PH:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD trong Công ty
9. Nguyên tắc xác định giá chào bán:	Căn cứ vào chiến lược phát triển Công ty cũng như khuyến khích, tạo động lực và tăng hiệu quả làm việc nên HĐQT Công ty đề xuất phát hành cho NLD của Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
10. Chuyển nhượng quyền:	NLD không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP cho người khác
11. Xử lý cổ phiếu lẻ hoặc không phân phối hết sau đợt PH (nếu có):	+ Cổ phiếu lẻ: Giao cho HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện phân phối cổ phiếu cho NLD. + Cổ phiếu không phân phối hết: Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu không được NLD SHS có tên trong Danh sách được mua cổ phiếu do HĐQT thông qua đăng ký mua hết (nếu có), ĐHĐCĐ phân công và giao cho HĐQT phân phối lại cho NLD trong Công ty để đảm bảo phát hành đủ số cổ phiếu dự kiến PH
12. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán:	Sau khi hoàn tất việc PII, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
13. Thời gian dự kiến PH:	Trong năm 2025 và/hoặc sau khi SHS hoàn thành việc báo cáo UBCKNN về việc PII cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD.
14. Thời gian dự kiến hoàn thành:	Dự kiến trong năm 2025 hoặc cho đến khi SHS hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.
15. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
16. Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu PH thêm:	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định của Pháp luật. ĐHĐCĐ phân công và giao cho HĐQT quyết định việc đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm theo quy định của pháp luật.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG XEM XÉT, THÔNG QUA

- 3.1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của SHS như trên;
- 3.2. Thông qua việc cập nhật nội dung thay đổi mức vốn điều lệ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- 3.3. Phân công và giao nhiệm vụ cho HĐQT chủ động thực hiện các công việc sau:
 - Phê duyệt tiêu chuẩn và danh sách NLD được tham gia chương trình Esop 2025, nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng đối tượng và thời gian thực hiện;
 - Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn;
 - Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD của SHS đã được ĐHĐCĐ thông qua; Xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ và các thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của Cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), nhằm triển khai hiệu quả chương trình phát hành phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động kinh doanh của SHS, các quy định của Pháp luật, điều lệ SHS và quyền lợi của cổ đông Công ty;
 - Phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các hoạt động kinh doanh cụ thể hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ phiên họp gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
 - Quyết định thời điểm chốt danh sách và tiến độ phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thời điểm niêm yết và lưu ký bổ sung cổ phiếu;
 - Quyết định phương án cổ phiếu chưa được phân phối hết (nếu có);
 - Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn: thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho NLD của SHS đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như trên;

-Cbtt;

-Lưu VPHDQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH

Số: 05-2025/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”/“SHS”) hiện hành,

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (“HDQT”) được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định,

Trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán, HDQT trình Đại hội đồng Cổ đông **Phương án lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập** thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2025 và các Báo cáo khác mà pháp luật hoặc Cơ quan Quản lý Nhà nước (“CQQLNN”) quy định, hướng dẫn, yêu cầu phải thực hiện kiểm toán, soát xét để phục vụ hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHS, như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của SHS về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán.

II. Danh sách lựa chọn:

Dựa trên các tiêu chí đã đề ra tại mục I, HDQT đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

III. Đề xuất Đại hội đồng Cổ đông thông qua:

1. Phê duyệt Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập nêu trên;
2. Giao cho HĐQT thay mặt Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị nêu trên để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2025 và các Báo cáo khác mà pháp luật hoặc CQQLNN quy định, hướng dẫn, yêu cầu phải thực hiện kiểm toán, soát xét để phục vụ hoạt động của SHS.
3. Phương án xử lý trong trường hợp các đơn vị kiểm toán nêu trên không thể thực hiện công tác kiểm toán theo quy định pháp luật hoặc CQQLNN hoặc SHS không đạt được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng kiểm toán:

Nhằm đảm bảo hoạt động kiểm toán độc lập tại SIIS vẫn được thực hiện, không bị gián đoạn, Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn các nội dung sau:

- 3.1. Ủy quyền cho HĐQT SHS quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập khác trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán SIIS để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2025 và các Báo cáo khác mà pháp luật hoặc CQQLNN quy định, hướng dẫn, yêu cầu phải thực hiện kiểm toán, soát xét để phục vụ hoạt động của SHS theo quy định pháp luật.
- 3.2. Đơn vị kiểm toán do HĐQT lựa chọn phải đáp ứng các Tiêu chí ở mục I Tờ trình này.
- 3.3. HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCD tại phiên họp gần nhất về việc thực hiện nội dung ủy quyền nêu trên (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- CBTT, SGĐCK, UBCKNN;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ QUANG VINH

Số: 06-2025/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng,
thỏa thuận, giao dịch với các Bên liên quan)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) hiện hành,

Nhằm thực thi quy định pháp luật và theo hướng dẫn của Cơ quan Quản lý nhà nước về việc đảm bảo minh bạch thông tin, tăng cường hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị (“HDQT”) báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên (hoặc tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ) hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị hợp đồng, giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng, giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên (hoặc tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ) so với Vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất và các giao dịch, hợp đồng khác thuộc thẩm quyền thông qua, quyết định của ĐHĐCĐ đối với các đối tượng là Bên liên quan, cụ thể như sau:
 - a. **Đối tượng ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch với Công ty bao gồm:**
 - (i) Các cá nhân, tổ chức là “Bên có liên quan”, “Người có liên quan” theo quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết, thực hiện hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch.
 - (ii) Các cá nhân, tổ chức là “Bên có liên quan”, “Người có liên quan” (theo quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết, thực hiện hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch) của các đối tượng tại mục (i) trên đây.
 - b. **Nội dung chủ yếu của các hợp đồng, giao dịch bao gồm:** cung cấp dịch vụ, nhận cung cấp dịch vụ, mua bán chứng khoán, giao dịch vay, cho vay, bảo đảm, hợp tác, mua bán, sử dụng, cung cấp, thuê, cho thuê và các giao dịch khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- c. **Giá trị cụ thể của từng hợp đồng, giao dịch:** thực hiện tùy từng thời điểm và từng hoạt động cụ thể, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ có liên quan của Công ty.
- d. **Thời gian ký kết, thực hiện:** các hợp đồng, giao dịch được ký kết, thực hiện trước và trong khoảng thời gian kể từ ngày Tờ trình này được ĐHĐCĐ thông qua đến phiên họp thường niên kỳ tiếp theo của Đại hội đồng cổ đông.
- e. **Nguyên tắc thực hiện các hợp đồng, giao dịch:** Các điều kiện và điều khoản Hợp đồng không trái với quy định hiện hành của Công ty và pháp luật, được thực hiện theo mẫu biểu của Công ty từng thời kỳ hoặc theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi cho Công ty.
2. Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định từng hợp đồng, giao dịch cụ thể và triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, Điều lệ và các quy định nội bộ có liên quan của Công ty. HĐQT chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nội dung ủy quyền này tại phiên họp thường niên kỳ tiếp theo của ĐHĐCĐ Công ty.
3. Tùy theo mức độ quan trọng và phù hợp với tình hình thực tế, HĐQT được phép giao/ủy quyền cho Tổng giám đốc, cán bộ lãnh đạo khác trong Công ty thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc liên quan và công bố thông tin, trên nguyên tắc tuân thủ các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, Điều lệ, quy định nội bộ Công ty, và pháp luật, đảm bảo mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và Cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT, SGDCCK, UBCKNN;
- Lưu VT, VP HĐQT.


**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG VINH

TỜ TRÌNH

(V/v: Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp
và lợi ích khác cho HĐQT năm tài chính 2025)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) hiện hành,

1. Báo cáo v.v sử dụng Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm tài chính 2024:

Hội đồng quản trị (“HDQT”) Công ty báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về việc sử dụng Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác năm Tài chính 2024 cho HĐQT và Ban Kiểm soát (“BKS”) SHS như sau:

Về số lượng nhân sự và thời điểm chi trả:

- Từ 01/01/2024-15/5/2024: Công ty chi trả thù lao cho 08 (tám) thành viên: 05 (năm) thành viên HĐQT, 03 (ba) thành viên BKS (gồm Trưởng BKS chuyên trách).
- Từ 15/5/2024: Công ty chi trả thù lao cho 05 (năm) thành viên HĐQT,
(do Công ty thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý không còn BKS, cơ cấu quản lý công ty chỉ bao gồm 05 (năm) Thành viên HĐQT và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT).

Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT, BKS năm TC 2024 được ĐHĐCĐ phê duyệt: Tối đa 1,5% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (không thấp hơn 4,57 tỷ đồng)

- SHS đã chi trả cho HĐQT trong năm 2024: 7.625.126.265 đồng
- SIIS đã chi trả cho BKS trong năm 2024: 718.397.908 đồng
- Tổng SHS đã chi trả cho HĐQT và BKS trong năm 2024:** 8.343.524.173 đồng

2. **Kế hoạch Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT năm tài chính 2025:**

- Căn cứ cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và mô hình quản lý mới được DHCĐ phê chuẩn tại phiên họp thường niên năm 2024;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty;
- Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2025,

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn:

Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT (không bao gồm các đơn vị, bộ phận trực thuộc HĐQT) năm Tài chính 2025 là: **tối đa 1% lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và không quá 10 tỷ đồng**. Mức phân bổ cụ thể cho từng Thành viên sẽ giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT, SGĐCK, UBCKNN;
- Lưu VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH

Số: 08-2025/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ, các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Trong năm 2024, theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ("Công ty"/"SHS") phiên họp thường niên năm 2024 và Quyết định số 31-2024/QĐ-HĐQT ngày 06/6/2024 của Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Công ty đã tiến hành sửa đổi một (01) lần các văn bản sau thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua:

1. Điều lệ Công ty.
2. Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Các văn bản trên có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 06/06/2024 và là bản duy nhất, đã được công bố thông tin toàn văn theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm được ĐHĐCĐ giao phó, HĐQT, các Tiểu ban thuộc HĐQT, Văn phòng HĐQT và Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro đã tiếp tục triển khai rà soát, soạn thảo, xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Điều lệ SHS và các Quy chế nội bộ Công ty thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua.

Đối chiếu với các quy định mới được ban hành của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Điều lệ của SHS và các Quy chế thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung một số điều khoản với mục tiêu:

- Phù hợp với các quy định của Luật, thực tế hoạt động của doanh nghiệp;
- Bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Công ty, Nhà Đầu tư, đối tác của Công ty;
- Nâng cao trách nhiệm Công ty, tăng cường tính minh bạch, tính tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và quản trị rủi ro trong tất cả hoạt động quản trị, điều hành và nghiệp vụ;



- Xây dựng hoàn thiện Điều lệ và hệ thống Quy chế nội bộ của SHS chuẩn mực phù hợp pháp luật, nội dung thống nhất, phù hợp với thực tế hoạt động, tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển ổn định, bền vững, minh bạch của Công ty, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển của SHS trong hệ thống tài chính, thị trường chứng khoán.

Vi vậy, kính trình ĐHDCĐ xem xét chấp thuận các kiến nghị của HĐQT như sau:

1. Thông qua toàn văn các văn bản sau để thay thế cho các văn bản tương ứng hiện hành:

- a. Dự thảo Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và Bảng trình bày một số nội dung trọng yếu được sửa đổi, bổ sung và kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ (Phụ lục đính kèm);
- b. Dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (Phụ lục đính kèm);
- c. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Phụ lục đính kèm);
- d. Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (Phụ lục đính kèm).

Bảng Phụ lục Dự thảo các văn bản nêu trên đã và đang được đăng tải tại website Công ty <https://dhcd.shs.com.vn/> và trong Bộ Tài liệu Đại hội.

2. Phê chuẩn việc giao và ủy quyền Hội đồng Quản trị thực hiện công việc sau:

- Thực hiện việc soạn thảo, cập nhật, chỉnh lý, sửa đổi nội dung của các quy định liên quan, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm, làm rõ các nội dung cần thiết,... tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử và các văn bản nội bộ có liên quan khác hiện hành của Công ty nếu xét thấy cần thiết, để phục vụ cho hoạt động Công ty theo chủ trương đã được ĐHDCĐ thông qua và/hoặc trong trường hợp bắt buộc phải điều chỉnh nội dung khi quy định Pháp luật và/hoặc các văn bản hướng dẫn, quy định của các Cơ quan Nhà nước có sự thay đổi, sửa đổi, thay thế.
- Ban hành toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử và các văn bản nội bộ có liên quan khác (nếu có) sau khi đã chỉnh lý, sửa đổi nội dung. Toàn văn các văn bản đã được ban hành sẽ được công bố thông tin, báo cáo cho toàn thể Cổ đông, Nhà Đầu tư, CQQLNN theo quy định của Pháp luật
- Việc soạn thảo, cập nhật, chỉnh lý, sửa đổi nội dung và ban hành các văn bản nêu trên phải được thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định Pháp luật và các văn bản quy định nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT; SGDCK; UBCKNN;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ QUANG VINH



Số: 09-2025/TTr-DHDCD

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Triển khai chào bán/phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”/“SHS”) hiện hành,

Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) của Công ty tại phiên họp thường niên năm 2023, 2024 đã nhất trí thông qua các nội dung liên quan tới việc Công ty thực hiện chào bán/phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm.

Thực hiện chủ trương đã được DHDCD thông qua, Công ty đã xây dựng quy trình nội bộ liên quan tới các hoạt động nêu trên nhưng chưa triển khai việc phát hành/chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm. Trên thực tế do điều kiện thị trường thời gian qua chưa phù hợp để triển khai các sản phẩm mang tính đòn bẩy cao như chứng quyền, định hướng hoạt động của SHS là tập trung hiệu quả trong công tác quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Cổ đông và Nhà Đầu tư trong giai đoạn thị trường biến động mạnh mẽ, Công ty chưa tổ chức triển khai các hoạt động nêu trên.

Tuy nhiên, để có thêm cơ sở pháp lý cho việc triển khai hoạt động này trong năm 2025 khi thị trường ổn định và có nhiều cơ hội kinh doanh rõ nét, Hội đồng quản trị (“HDQT”) báo cáo và tiếp tục kinh trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung liên quan tới chứng quyền như sau:

1. Thông qua chủ trương thực hiện việc phát hành, chào bán, niêm yết và tạo lập giao dịch chứng quyền có bảo đảm tại Công ty, cụ thể như sau:
 - a. Quyền của người sở hữu chứng quyền: Thực hiện theo quy định của Điều lệ hiện hành của Công ty và pháp luật.
 - b. Hạn mức phát hành, chào bán chứng quyền: Tổng giá trị chứng quyền của tất cả các đợt phát hành, chào bán chứng quyền của Công ty (đã chào bán và đăng ký chào bán, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn) tối đa là 15% vốn khả dụng của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm phát hành hoặc chào bán, và trong mọi trường hợp, không vượt quá mức giới hạn tối đa theo quy định của pháp luật liên quan.
 - c. Nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công ty bị



mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản: Người sở hữu chứng quyền được xem là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty. Quyền, lợi ích của người sở hữu chứng quyền khi xảy ra các trường hợp nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật liên quan.

- d. Phương án Bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của SHS đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp công ty bị mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập như sau:
- (i) Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, Công ty đảm bảo sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:
- + Tài sản phòng rủi ro cho Chứng quyền trên tài khoản tự doanh;
 - + Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm;
 - + Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);
 - + Công ty sẽ áp dụng các biện pháp bảo đảm khác (nếu có) theo quy định pháp luật để đảm bảo thanh toán và thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu.
- (ii) Trường hợp SHS bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- (iii) Trường hợp SHS bị hợp nhất, sáp nhập, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.
- e. Thực hiện niêm yết chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành/chào bán sau khi hoàn tất việc chào bán chứng quyền theo quy định Pháp luật.
- f. Thực hiện hoạt động tạo lập giao dịch đối với chứng quyền có bảo đảm sau khi hoàn tất việc chào bán và niêm yết chứng quyền theo quy định Pháp luật.
2. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định các nội dung liên quan tới phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm, cụ thể như sau:
- a. Quyết định thời điểm thực hiện phát hành, chào bán, niêm yết, tạo lập giao dịch chứng quyền có bảo đảm tại Công ty và hoàn tất thực hiện tất cả các thủ tục, ký, ban hành các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để triển khai việc phát hành, chào bán, niêm yết, tạo lập giao dịch chứng quyền có bảo đảm tại Công ty phù hợp với quy định pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHS đối với các nội dung liên quan tới chào bán/phát hành/Niem yết/Tạo lập giao dịch chứng quyền theo quy định pháp luật (nếu cần thiết);
- c. Quyết định nội dung chi tiết về đợt chào bán/phát hành, bao gồm:
- (i) Kiểu chứng quyền, loại chứng quyền và phương thức thực hiện chứng quyền;
- (ii) Chứng khoán cơ sở được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền;

- (iii) Giá trị của đợt chào bán, giá chào bán, số lượng chứng quyền đăng ký chào bán/phát hành;
 - (iv) Giá thực hiện (chỉ số thực hiện), giá đăng ký chào bán, tỷ lệ chuyển đổi, hệ số nhân (trường hợp chứng quyền dựa trên chỉ số chứng khoán);
 - (v) Thời hạn của chứng quyền, ngày niêm yết dự kiến;
 - (vi) Các nội dung khác liên quan đến chứng quyền và/hoặc đợt chào bán/phát hành.
- d. Tổ chức thực hiện kinh doanh chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật và đảm bảo an toàn, hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- e. Trường hợp xét thấy cần thiết, HĐQT được phép ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc đối với một phần hoặc toàn bộ nội dung được ủy quyền nêu trên.
- f. HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tình hình triển khai các hoạt động liên quan tới chứng quyền theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp thường niên tiếp theo của ĐHĐCĐ.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như trên;

-CBTT; SGDCK; UBCKNN;

-Lưu VT, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH




Số: 10-2025/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm và chào bán sản phẩm tài chính)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”/“SHS”) hiện hành,

Phương án thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm và Chào bán sản phẩm tài chính đã được Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua tại phiên họp thường niên năm 2024.

Hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm hiện chưa được triển khai do Cơ quan Quản lý Nhà nước (“CQQLNN”) chưa tổ chức thực hiện. Ngay khi phía cơ quan có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện hoạt động này, Công ty sẽ đăng ký, tổ chức triển khai nghiệp vụ theo quy định pháp luật.

Hoạt động Chào bán sản phẩm tài chính chưa triển khai do điều kiện thị trường năm 2024 chưa thuận lợi.

Tuy nhiên, để có thêm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động này trong năm 2025 khi điều kiện thị trường ổn định, có nhiều cơ hội rõ nét và đã được CQQLNN hướng dẫn, tổ chức thực hiện trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) tiếp tục kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án:

1. Cho phép SHS triển khai bổ sung các hoạt động kinh doanh sau đây:
 - (i) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm;
 - (ii) Chào bán Sản phẩm tài chính đối với các sản phẩm tài chính phù hợp quy định Pháp luật, hướng dẫn của CQQLNN và quy định của Công ty.
2. Giao cho HĐQT quyết định, thông qua phương án cụ thể để thực hiện các hoạt động

nêu tại Mục 1 trên đây.

3. Giao cho Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc đăng ký, triển khai các hoạt động nêu tại Mục 1 trên đây trên cơ sở phương án cụ thể đã được HĐQT quyết định, thông qua với các CQQLNN có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc xây dựng, hoàn thiện và cung cấp các tài liệu, văn bản, hồ sơ và thực hiện các công việc khác có liên quan, như:
 - (i) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm;
 - (ii) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Chào bán Sản phẩm tài chính;
 - (iii) Các văn bản khác theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở GDCK và các Cơ quan quản lý khác có liên quan.
4. Ủy quyền cho HĐQT ban hành bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm và Chào bán Sản phẩm tài chính tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty (nếu cần) để đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với yêu cầu của các Cơ quan quản lý.
5. HĐQT được phép ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các nội dung công việc nêu tại Mục 2 và Mục 4 nêu trên trong phạm vi thẩm quyền cho phép.
6. HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các công việc theo phân công, ủy quyền với ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên gần nhất của ĐHĐCĐ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như trên;

-CBTT, SGDCK, UBCKNN;

-Lưu VT, VPHĐQT.



ĐỖ QUANG VINH

Số: 11-2025/TTr-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính Công ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 132/QĐ-UBCK ngày 06/3/2013 của UBCKNN hướng dẫn về Trụ sở làm việc, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các quy định liên quan khác;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”/“Công ty”) hiện hành;
- Báo cáo của Tổng giám đốc về hiện trạng sử dụng Tòa nhà Công ty đặt làm Trụ sở chính, thực tế hoạt động kinh doanh, vận hành của Công ty và quy mô nhân sự và cơ sở vật chất, hạ tầng ngày càng phát triển,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“DHĐCĐ”) xem xét thông qua việc tiếp tục triển khai kế hoạch thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị DHĐCĐ chấp thuận, thông qua như sau:

1. Chấp thuận chủ trương thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính của Công ty.

- Địa chỉ hiện nay: Tầng 1-5 Tòa nhà UNIMEX Hà Nội, số 41 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa chỉ thay đổi: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:

- Toàn quyền quyết định các nội dung thuộc Phương án thay đổi Trụ sở chính của Công ty theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của SIIS và báo cáo DHĐCĐ phiên họp gần nhất về việc thực hiện.
- Quyết định địa chỉ chính thức và đầy đủ của Trụ sở chính Công ty căn cứ vào Hồ sơ pháp lý của công trình sau khi hoàn thiện và nhu cầu sử dụng thực tế của Công ty.
- Chủ động điều chỉnh, sửa đổi nội dung tại Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi địa chỉ Trụ sở chính.
- Triển khai các thủ tục xin chấp thuận, báo cáo, công bố thông tin, thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục liên

quan khác.

- e. Thay mặt ĐHDCD chủ động phân công công việc, ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ khác trong Công ty triển khai Phương án thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính của Công ty (nếu xét thấy cần thiết và tùy theo mức độ liên quan/quan trọng của công việc) (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc sửa chữa, xây mới, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất, máy móc, văn phòng phẩm, công nghệ, hạ tầng, thiết kế, trang trí nội, ngoại thất, bảo hiểm và phòng cháy chữa cháy, tổ chức khai trương, khánh thành...).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như trên;

-CBTT, SGDCCK, UBCKNN;

-Lưu VT, VPHDQT.



ĐỖ QUANG VINH

Số: 12-2025/TTr-DHDCD

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”/“SHS”) hiện hành;
- Đơn xin từ chức Thành viên Hội đồng quản trị của ông Lưu Danh Đức;
- Thông báo số ~~386~~-2025/CV-SHS ngày 20/3/2025 của HĐQT Công ty về việc Đề cử, ứng cử, bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027,

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT thay thế trong nhiệm kỳ 2022 – 2027 của HĐQT, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT của ông Lưu Danh Đức kể từ ngày 10/04/2025.
2. Để đảm bảo số lượng Thành viên HĐQT là 05 người theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và triển khai hiệu quả nhiệm vụ của HĐQT, Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên 2025 tiến hành bầu bổ sung Thành viên HĐQT của Công ty như sau:
 - Số lượng Thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: 01 thành viên
 - Yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với Thành viên HĐQT được bầu bổ sung: Ứng cử viên được bầu bổ sung phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, nội dung được trình bày cụ thể tại Thông báo số ~~386~~-2025/CV-SHS ngày 20/3/2025 của HĐQT Công ty về việc ứng cử, đề cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.
 - Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được thay thế (nhiệm kỳ HĐQT 2022 – 2027).
3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT:
 - Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định tại Thông báo số ~~386~~-2025/CV-SHS ngày 20/3/2025 của HĐQT Công ty.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần bầu, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm Ứng cử viên hoặc cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Thông tin ứng viên thành viên HĐQT được bầu bổ sung được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: www.shs.com.vn

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT; SGDCK, UBCKNN;
- Lưu VT, VP HĐQT.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Tel: 84.24.38181888
- Email: contact@shs.com.vn
- Fax: 84.24.38181688
- Website: www.shs.com.vn

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2025 theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty)

Hà Nội, tháng 4 năm 2025



MỤC LỤC

I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1.	Giải thích thuật ngữ.....	1
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4.	Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5.	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 6.	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7.	Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8.	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9.	Chuyển nhượng cổ phần.....	7
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 11.	Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12.	Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 13.	Đại hội đồng Cổ đông	10
Điều 14.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15.	Quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16.	Thay đổi các quyền.....	13
Điều 17.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19.	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20.	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	17
Điều 21.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20

Điều 24.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	22
Điều 26.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 27.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	25
Điều 28.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 29.	Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 30.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 32.	Người phụ trách quản trị Công ty.....	29
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 34.	Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện Người điều hành Công ty.....	30
Điều 35.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	31
Điều 36.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc.....	32
IX.	ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
Điều 37.	Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	32
Điều 38.	Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	32
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	33
Điều 40.	Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	34
Điều 41.	Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	34
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43.	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan.....	35
Điều 44.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 45.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 46.	Công nhân viên và công đoàn.....	37
XIII.	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
Điều 47.	Trích lập các quỹ.....	37
Điều 48.	Phân phối lợi nhuận.....	37
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 49.	Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 50.	Năm tài chính.....	38

Điều 51. Hệ thống kế toán.....	38
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	39
Điều 54. Trách nhiệm công bố thông tin.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 55. Kiểm toán.....	39
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	40
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp.....	40
XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY.....	40
Điều 57. Tổ chức lại Công ty.....	40
Điều 58. Giải thể Công ty.....	40
Điều 59. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 60. Thanh lý.....	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 62. Điều lệ công ty.....	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 63. Ngày hiệu lực.....	42
PHỤ LỤC.....	43
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY.....	43

DỰ THẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 10/04/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty* hoặc *SHS* là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm là Cán bộ quản lý (được ghi rõ trong quyết định bổ nhiệm là “Cán bộ quản lý”) và phù hợp với quy định pháp luật liên quan;
 - h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
 - k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - n) *Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán* là giấy phép số 66/GP-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày và các giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty từng thời kỳ;
 - o) *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành* là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Sai Gon – Ha Noi Securities Joint Stock Company
 - c) Tên Công ty viết tắt: **SHS**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
 - b) Điện thoại: (84.24) 38 181 888
 - c) Fax: (84.24) 38 181 688
 - d) E-mail: contact@shs.com.vn
 - e) Website: www.shs.com.vn
4. Mạng lưới hoạt động:
 - a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 - b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có) là những đơn vị phụ thuộc của Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 58 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật đại diện của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo

đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam.
6. Người đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam và đủ năng lực hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
7. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
8. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 6 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty, hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
9. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty; hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
10. Trường hợp Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc sau khi được cho thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc hoặc bị miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.
11. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng tại Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
 - a) Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật;
 - b) Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam;
 - c) Mang lại lợi ích cho các Cổ đông, Người lao động và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.
2. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành của Công ty:¹
 - a) Tuân thủ các quy định pháp luật của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - b) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định pháp luật của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - d) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - e) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty:²
 - a) Ban hành đầy đủ các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, quy tắc đạo đức hành nghề;
 - b) Công ty, nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân;
 - c) Trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty;
 - d) Ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
 - e) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - i. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - ii. Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;

¹ Điều 3 Thông tư 121/2020/TT-BTC

² Điều 4 Thông tư 121/2020/TT-BTC

- iii. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
- iv. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
- v. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
- vi. Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
 - f) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - g) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;
 - h) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
 - i) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
 - j) Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
 - k) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh ngành nghề, sản phẩm dịch vụ phù hợp với quy định tại Điều lệ, giấy phép, quy định pháp luật, các ngành nghề đã đăng ký, thông báo thay đổi với cơ quan quản lý và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trong trường hợp pháp luật có yêu cầu. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a) Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:
 - (i) Môi giới chứng khoán;
 - (ii) Tự doanh chứng khoán: giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh và đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính theo quy định pháp luật từng thời kỳ;
 - (iii) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - (iv) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - b) Các dịch vụ kinh doanh chứng khoán:
 - (i) Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;
 - (ii) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng

trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán;

- (iii) Tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- (iv) Kinh doanh chứng khoán phái sinh, gồm: môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và các hoạt động khác liên quan;
- (v) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trong ngày;
- (vi) Hoạt động tạo lập thị trường;
- (vii) Phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền (chào bán, niêm yết, tạo lập thị trường cho chứng quyền và giao dịch nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền, môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền,...). Người sở hữu chứng quyền thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định pháp luật có liên quan, bao gồm:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán; quyền và nghĩa vụ khác do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có liên quan;
 - Quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với Công ty theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện theo nội dung của chứng quyền;
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
 - Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định pháp luật;
 - Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
 - Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- (viii) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định pháp luật từng thời kỳ.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty được nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này.
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 813.156.748 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:
 - a) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49 (bốn mươi chín) % Vốn Điều lệ của Công ty;
 - b) Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên trang thông tin điện tử của Công ty và các phương thức khác theo quy định pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành trên cơ sở phù hợp nhu cầu hoạt động thực tiễn và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, điều khoản phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi

liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
3. Tổng giám đốc (Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:³
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ khi Điều lệ này, điều khoản phát hành và pháp luật có quy định khác;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

³ Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán

- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:⁴
- a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.⁵

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông⁶

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:⁷
 - a) Vi phạm pháp luật;

⁴ Khoản 2, 3 Điều 115, Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp

⁵ Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

⁶ Điều 119 Luật Doanh nghiệp

⁷ Điều lệ mẫu

- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. Đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm c, d Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.⁸
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.⁹
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:¹⁰
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải đảm bảo về thể thức và nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Văn bản yêu cầu được lập thành văn bản có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Thời hạn triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:¹¹
 - a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập còn lại như quy định

⁸ Khoản 1,2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 7 Thông tư 121/2020/TT-BTC

⁹ Điểm c Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán, Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/ND-CP

¹⁰ Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

¹¹ Khoản 2, 3, 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

tại điểm b khoản 3 Điều này (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 30 Điều lệ này) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

- b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:¹²
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại cổ phần đã bán của mỗi loại theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động Hội đồng Quản trị;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:¹³
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

¹² Điều 138 Luật Doanh nghiệp

¹³ Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Báo cáo của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông¹⁴

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức nêu tại Khoản 2 Điều này.
2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

¹⁴ Điều 144 Luật Doanh nghiệp

- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quyền¹⁵

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 19 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông¹⁶

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

¹⁵ Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

¹⁶ Khoản 5 Điều 140, Điều 141, 142, 143 Luật Doanh nghiệp, Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 12 Thông tư 96/2020/TT-BTC

- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm phương thức gửi qua đường bưu điện/thư điện tử/số điện thoại/phương thức khác do Hội đồng Quản trị quyết định từng thời kỳ), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông¹⁷

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi Chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông¹⁸

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ

¹⁷ Điều 145 Luật Doanh nghiệp

¹⁸ Điều 146 Luật Doanh nghiệp

đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua¹⁹

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 Điều lệ này:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này, khoản 8 Điều 21 và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông²⁰

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo cách thức tương tự cách thức nêu tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng

¹⁹ Điều 148 Luật Doanh nghiệp

²⁰ Điều 149 Luật Doanh nghiệp

vấn đề lấy ý kiến;

- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g) Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông²¹

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời

²¹ Điều 150, 152 Luật Doanh nghiệp

điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

- b) Các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- c) Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông²²

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức tại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị²³

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;

²² Điều 151 Luật Doanh nghiệp

²³ Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
- c) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
 Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
- 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 thành viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 thành viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 thành viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 thành viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử dù số thành viên dự kiến bầu.
- 3. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử thấp hơn số lượng mà cổ đông có quyền đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
- 4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:²⁴
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - e) Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

²⁴ Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 275 Nghị định 155, khoản 1 Điều 8 Thông tư 121/2020/TT-BTC

- f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải có các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại Khoản 5 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau:²⁵
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01 (một) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.²⁶

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị²⁷

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
Đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và không điều hành, số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị:
 - a) Đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành (Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác

²⁵ Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp

²⁶ Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

²⁷ Điều 154, 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán, Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

định theo phương thức làm tròn xuống). Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị;

- b) Đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
- 4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị²⁸

- 1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
 - a) Quyền hạn của Hội đồng Quản trị:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định việc chào bán trái phiếu của Công ty (trừ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 43 Điều lệ này;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ của Công ty;
 - Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

²⁸ Điều 153, 159 Luật Doanh nghiệp, Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.
 - Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - Các khoản đầu tư tài sản cố định không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm hoặc các khoản đầu tư tài sản cố định vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật;
 - Thông qua việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;
 - Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
- b) Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị:
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
 - Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
 - Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các

- giao dịch với bên liên quan;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này vì lợi ích của Công ty, Cổ đông;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Trích lập và sử dụng các quỹ, chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt/chấp thuận;
- Trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị²⁹

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

²⁹ Điều 163 Luật Doanh nghiệp

trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị³⁰

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu trong số các thành viên Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - g) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó;
 - h) Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền;
 - i) Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
 - j) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - k) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi

³⁰ Điều 156 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

noi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị³¹

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
7. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng Quản trị quy định từng thời kỳ và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường

³¹ Điều 157 Luật Doanh nghiệp

hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, phương tiện khác theo quy định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Biểu quyết:
- a) Trừ quy định tại điểm b, khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một Phiếu biểu quyết.
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích, lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - c) Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 43 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
13. Công khai lợi ích:
- Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.
- Thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự

hợp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị³²

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.
Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro. Số lượng, cơ cấu thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định từng thời kỳ.
2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty³³

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

³² Điều 160 Luật Doanh nghiệp

³³ Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Người điều hành của Công ty gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị quy định, bổ nhiệm tùy từng thời kỳ. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng và tiêu chuẩn của Người điều hành phù hợp với tình hình quản lý, điều hành trên thực tiễn. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 34. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện Người điều hành Công ty³⁴

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty; Không được là

³⁴ Điều 162, 163 Luật Doanh nghiệp, Điều 74 Luật Chứng khoán; Điều 10 Thông tư 121-2020/TT-BTC

- người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - d) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - e) Không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - f) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán;
 - g) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ.
3. Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán; không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ.
 4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
 5. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 6. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc³⁵

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;

³⁵ Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 36. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc³⁶

1. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
 - a) Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
 - b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - c) Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.
2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Thông tư 121/2020/TT-BTC.
3. Nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư 121/2020/TT-BTC.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán³⁷

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán³⁸

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán từng thời kỳ do Hội đồng Quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các

³⁶ Điều 12 Thông tư 121/2020/TT-BTC

³⁷ Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

³⁸ Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán³⁹

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ của Công ty. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
8. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
9. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
10. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
11. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
12. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
13. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và quy định của pháp luật có liên quan.

³⁹ Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.
3. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên⁴⁰

1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

⁴⁰ Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi⁴¹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan⁴²

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a) Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
3. Trong trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch

⁴¹ Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

⁴² Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và không thuộc các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của

mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
5. Điều lệ Công ty được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Trích lập các quỹ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định hàng năm sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập & hoạt động kinh doanh chứng khoán và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 54. Trách nhiệm công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Tổ chức lại Công ty

Việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi loại hình Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 60. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu/chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI mục, 63 điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 10/4/2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐỖ QUANG VINH

NGUYỄN CHÍ THÀNH

PHỤ LỤC
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY
VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1) Chi tiết vốn Điều lệ của Công ty từ ngày thành lập đến nay:

TT	THÁNG	VỐN ĐIỀU LỆ (đồng)	GHI CHÚ
1	11/2007	350.000.000.000	Thành lập Công ty
2	05/2009	410.629.960.000	Phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ từ quỹ thặng dư vốn
3	04/2010	1.000.000.000.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng
4	05/2018	1.053.956.740.000	Phát hành cổ phần hoán đổi cổ phần SHBS để nhận sáp nhập Công ty CP Chứng khoán SHB
5	05/2019	2.072.682.010.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng
6	10/2021	3.252.650.270.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên
7	06/2022	6.505.300.540.000	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
8	08/2022	8.131.567.480.000	Phát hành cổ phiếu SHS để trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

2) Thông tin về Cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông sáng lập tại ngày thành lập Công ty:

TT	TÊN	GIẤY CNDKKD, NGÀY CẤP, NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TRỊ GIÁ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	0103020950, 09/12/2008, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 18 đường Hàng Chuối, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	5.250.000	52.500.000.000	15
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	0103026080, 29/7/2008, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 77, đường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.500.000	35.000.000.000	10
3	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (VCM)	0106000574, 09/02/2006, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226 đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội	3.500.000	35.000.000.000	10
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (VINARUCO)	0403000336, 18/12/2007, Sở KH&ĐT Hải Dương	Số 165 đường Bạch Đằng, p. Trần Phú, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	3.500.000	35.000.000.000	10
5	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VGR)	4106000341, 16/03/2007, Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 236 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP HCM	1.750.000	17.500.000.000	05
6	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	044981, 11/04/2007 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 17 Đường Phù Đổng Thiên Vương, P. Ngô Thị Nhậm, Hai Bà Trung, Hà Nội	1.750.000	17.500.000.000	05
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp An Sinh	0103021662, 11/01/2008 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 122 Hoàng Ngân, P. Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.750.000	17.500.000.000	05

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
BẢN KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG YẾU CỦA ĐIỀU LỆ
(Kèm theo Tờ trình số 08-2025/TTr-DHĐCĐ)

STT		Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
Nhóm Quy định chung			
1.		<p>[Điều 9]</p> <p>1. Liệt kê các trường hợp, các hình thức thay đổi (tăng/giảm) vốn điều lệ</p> <p>2. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ, Công ty phải công bố Vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật; sửa đổi Phụ lục của Điều lệ này phù hợp với mức vốn Điều lệ mới. Việc sửa đổi Phụ lục do thay đổi mức vốn Điều lệ do Hội đồng Quản trị thực hiện mà không cần thông qua Đại hội đồng Cổ đông.</p>	<p>1. Luật Doanh nghiệp chỉ có quy định liệt kê các trường hợp giảm vốn điều lệ; còn việc tăng vốn mặc định được hiểu là thông qua việc chào bán/phát hành theo quy định chuyên ngành chứng khoán.</p> <p>⇒ Đề xuất chỉ giữ lại quy định nguyên tắc: Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trong nghị quyết tăng vốn thường sẽ có nội dung ủy quyền này.</p> <p>⇒ Đề xuất lược bỏ</p>
2.	Chào bán cổ phần	[Điều 15]	<p>Về tiêu chí phân loại, chào bán của công ty đại chúng chỉ có 2 dạng là riêng lẻ hoặc ra công chúng, hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu của công ty đại chúng cũng là chào bán ra công chúng. Vì vậy, ghi nhận 3 hình thức như Điều lệ SHS hiện hành không thực sự hợp lý.</p> <p>Ngoài ra, nội dung này không bắt buộc trong Điều lệ mẫu</p> <p>⇒ Đề xuất lược bỏ</p>
3.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	[Điều 20]	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ quy định về mô hình cơ cấu quản trị, kiểm soát theo nội dung quy định Điều 137 Luật Doanh nghiệp. - Cơ cấu tổ chức không cần quy định tại Điều lệ vì thuộc thẩm quyền của HĐQT và có thể thay đổi.

STT	Điều lệ 2024		Đề xuất sửa đổi
Nhóm quy định về Hội đồng quản trị (HDQT)			
4.	Thẩm quyền của HDQT	<p>[Khoản 2d Điều 37]</p> <p>Thẩm định, đánh giá và quyết định các vấn đề, nội dung liên quan tới việc phát hành Trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi khác của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phát hành cổ phiếu thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HDQT có thể có quyền này nếu được uỷ quyền trong từng lần phát hành. - Việc phát hành các chứng chỉ chứng khoán khác hiện chưa có quy định cụ thể, việc quy định trước như này cũng có thể gây trái luật. <p>⇒ Đề xuất điều chỉnh nội dung như sau: Thông qua việc chào bán trái phiếu (trừ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) của Công ty trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.</p>
5.		<p>[Khoản 2i Điều 37]</p> <p>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị và các cán bộ quản lý khác của Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật;</p> <p>Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>Đề xuất bổ sung: và các chức danh khác theo quy định nội bộ của công ty nhưng không thuộc các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.</p>
6.	Các Tiểu ban HDQT	[Điều 45]	<p>Cơ cấu tổ chức và chức năng của các Tiểu ban/đơn vị trực thuộc do HDQT toàn quyền quyết định theo nhu cầu thực tế, do đó đề xuất Điều lệ chỉ quy định nguyên tắc.</p>

STT	Điều lệ 2024		Đề xuất sửa đổi
7.	Nhóm quy định khác		
8.	Phân phối lợi nhuận	<p>[Điều 63]</p> <p>1. Sử dụng vốn</p> <p>a) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.</p> <p>2. Trích lập các Quỹ</p> <p>Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định hàng năm sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.</p> <p>3. Cổ tức</p> <p>a) Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan.</p> <p>b) Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>c) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty.</p>	<ol style="list-style-type: none"> Lược bớt các quy định trùng lặp (các nội dung bôi đỏ) Khoản 1 và Khoản 4 không thuộc phạm vi Phân phối lợi nhuận, đề xuất lược bỏ và kết cấu vào Điều khác. Khoản 3c về chi trả cổ tức: Nếu đã dẫn chiếu đến Điều 135, 136 Luật Doanh nghiệp thì không cần phải ghi lại vào Điều lệ về điều kiện để được chi trả cổ tức nữa, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Khoản 3d, e: Các quy định về trình tự thủ tục chi trả cổ tức thực hiện theo quy định VSDC, không cần quy định cụ thể trong Điều lệ, tránh trường hợp VSDC thay đổi quy chế nghiệp vụ dẫn tới Điều lệ phải sửa đổi. Khoản 3f: khi trả cổ tức bằng cổ phiếu, đương nhiên phải thực hiện chào bán thêm cổ phiếu theo quy định pháp luật, đề xuất lược bớt nội dung này. Khoản 3g: các điều kiện để chi trả cổ tức bị trùng lặp với điểm 3c nên đề nghị lược bỏ nội dung trùng lặp Khoản 3h: đề nghị sửa quy định ngắn gọn và lược bỏ trùng lặp như sau: Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.

STT	Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
	<p>Công ty ổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; - Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; - Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. <p>d) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p> <p>Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; - Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; - Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; - Thời điểm và phương thức trả cổ tức; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. 	<ol style="list-style-type: none"> 8. Khoản 3k: Đề nghị xem xét lại khái niệm Ngày khóa sổ kinh doanh 9. Khoản 3j: trùng lặp nội dung Khoản 3d 10. Khoản 3l: xóa nội dung thanh toán cổ phần được mua lại

STT	Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
	<p>e) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.</p> <p>f) Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p> <p>g) Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp lỗ trước đó (nếu có). - Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. - Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. <p>h) Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng Cổ đông quyết định.</p>	

STT	Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
	<p>Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. - Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. <p>Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. - Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. <p>Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>i) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông.</p>	

STT	Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
	<p>Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>j) Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, lập và gửi Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Quản lý nhà nước.</p> <p>k) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p> <p>l) Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức: Trường hợp <u>việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách</u></p>	

STT		Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
		nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại. 4. Xử lý lỗ trong kinh doanh Trường hợp Công ty bị lỗ, lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi và theo quy định pháp luật. 5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
9.	Người đại diện theo pháp luật	Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là TGD	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền lựa chọn và quyết định Thời điểm hiệu lực áp dụng, Thời điểm thực hiện việc đăng ký thêm Người Đại diện theo Pháp luật cho Công ty và thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan tới vấn đề Người đại diện theo Pháp luật của Công ty tại Điều lệ Công ty theo nội dung cụ thể như sau: 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội. 2. Phạm vi và thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được quy định như sau: 2.1 Tổng Giám đốc thực hiện chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong mọi hoạt động của Công ty (bao gồm cả chức năng làm đại diện của Công ty làm việc với Ủy ban Chứng khoán, thực hiện cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo và công bố thông tin) và mặc nhiên chấm dứt tư cách đại diện theo Pháp luật của Công ty khi Tổng Giám đốc thuộc một trong các trường hợp sau: i. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi,

STT		Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
			<ul style="list-style-type: none"> ii. Bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc tại Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán, iii. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc bị tạm giam, hoặc đang chấp hành hình phạt tù, hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc, iv. Chết hoặc mất tích, v. Theo quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty, vi. Các trường hợp khác dẫn tới việc Tổng Giám đốc không được, không thể tiếp tục là Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Pháp luật và/hoặc quy định, hướng dẫn, yêu cầu của CQQLNN có thẩm quyền. <p>2.2 Khi Tổng Giám đốc chấm dứt tư cách Đại diện theo Pháp luật của Công ty trong các trường hợp quy định tại Điều 2.1 Khoản này, Chủ tịch Hội đồng quản trị mặc nhiên thực hiện chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong mọi hoạt động của Công ty (bao gồm cả chức năng làm đại diện của Công ty trong việc cung cấp và làm việc với Ủy ban Chứng khoán).</p> <ul style="list-style-type: none"> 3. Mỗi Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm độc lập với Người Đại diện theo Pháp luật còn lại của Công ty về các công việc mà mình thực hiện với tư cách Đại diện theo Pháp luật của Công ty. 4. Ngoài các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ này, Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật. 5. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại

STT		Điều lệ 2024	Đề xuất sửa đổi
			<p>diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 5 Điều này mà Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</p> <p>7. Nếu Công ty chỉ còn một Người đại diện theo pháp luật và Người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc thuộc vào một trong các trường hợp khác làm chấm dứt tư cách Đại diện theo Pháp luật như đối với Tổng Giám đốc được quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2 của Điều này thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm Người đại diện theo Pháp luật của công ty.</p> <p>8. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tố tụng khác có quyền chỉ định cá nhân là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng tại Tòa án theo đúng quy định pháp luật.</p>

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-DHDCĐ ngày 10/4/2025
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2025

MUC LUC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty

CHƯƠNG II - CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông

Điều 5. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

Điều 6. Quyền của Cổ đông

Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông

Điều 8. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCD bất thường

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của ĐHĐCD

Điều 11. Cổ đông đề nghị làm việc trực tiếp với HĐQT, TGD

Điều 12. Cung cấp thông tin cho Cổ đông

CHƯƠNG III - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCD thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCD

Điều 14. Trình tự thủ tục ĐHĐCD thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 15. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCD, thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 16. Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp ĐHĐCD

CHƯƠNG IV - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

Điều 18. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT

Điều 19. Thủ lao và lợi ích của thành viên HĐQT

Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

Điều 21. Ủy ban Kiểm toán

Điều 22. Các Tiểu ban/Bộ phận/Đơn vị thuộc HĐQT

Điều 23. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty

CHƯƠNG VI - TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 24. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD

CHƯƠNG VII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ BAN TGD

Điều 26. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa

HDQT và TGD	10
Điều 27. Báo cáo của TGD với HDQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HDQT với TGD	10
Điều 28. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo, báo cáo, cung cấp thông tin cho HDQT	11
Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HDQT, các Đơn vị thuộc HDQT, các Thành viên HDQT và Ban TGD	11
CHƯƠNG VIII - ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HDQT, BAN TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	12
Điều 30. Đánh giá hoạt động đối với Thành viên HDQT, Ban TGD và người điều hành khác	12
Điều 31. Khen thưởng	12
Điều 32. Xử lý vi phạm và kỷ luật	12
CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG	13
Điều 33. Điều khoản thi hành	13

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025

của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ("**Quy chế**") là những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cụ thể hóa các vấn đề về quản trị nội bộ Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên HĐQT ("**HĐQT**"), Thành viên Ban Tổng Giám đốc ("**TGD**"), và cán bộ quản lý trong Công ty; đồng thời quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty để giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại không đáng có cho Công ty, tăng cường hiệu quả điều hành và việc kiểm soát quản trị nội bộ Công ty được công khai và minh bạch.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung sau:

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), HĐQT, TGD;
- Trình tự, thủ tục về triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT;
- Hoạt động của HĐQT; trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT;
- Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;
- Thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT;
- Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ủy ban Kiểm toán và TGD;
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, TGD và Người điều hành doanh nghiệp khác;
- Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các Thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Ban TGD và những người liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Cổ đông, Công ty, Người quản lý Công ty, Người điều hành Công ty, cán bộ nhân viên

Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ.

2. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty, hoặc có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán;
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty (hay còn được gọi là Danh sách cổ đông hoặc Danh sách Người sở hữu chứng khoán) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 5. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

1. Mọi Cổ đông đều được đối xử công bằng.
2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty: theo quy định pháp luật và được ghi nhận tại Điều 6 Điều lệ Công ty.
3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.
4. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác.
5. Cổ đông là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc là cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền của Cổ đông

Theo quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông

Theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Điều lệ Công ty, Cổ đông thực hiện theo trình tự như sau:
 - a) Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu, kiến nghị bằng văn bản gửi đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông hoặc bộ phận Văn thư Trụ sở chính Công ty, theo phương thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua email theo thông tin liên hệ Công ty cung cấp trên website.
 - b) Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình gửi yêu cầu cho thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (TCTLKBTKVN) và của thành viên lưu ký.
 - c) Cổ đông chưa lưu ký cổ phần thì liên hệ đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông của Công ty để được hỗ trợ hoặc/và gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản theo quy định của Công ty và của TCTLKBTKVN đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông của Công ty.
2. Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty, Cổ đông/nhóm Cổ đông thực hiện theo trình tự như sau:
 - a) Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông hoặc bộ phận Văn thư Trụ sở chính Công ty theo phương thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua email theo thông tin liên hệ Công ty cung cấp trên website.
 - b) Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký và dấu (nếu là tổ chức) của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông;
 - c) Chủ tịch HĐQT xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho Cổ đông bằng văn bản;
 - d) Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu Cổ đông có yêu cầu.

Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thực hiện quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ (theo điểm a Khoản 2 Điều 11 Điều lệ) theo trình tự như sau:

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông hoặc bộ phận Văn thư Trụ sở chính Công ty theo phương thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua email theo thông tin liên hệ Công ty cung cấp trên website.

2. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ nêu trên phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, chữ ký và dấu (nếu là tổ chức) của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông.
Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ hợp pháp về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
3. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông, HĐQT sẽ có văn bản trả lời chính thức cho Cổ đông/nhóm Cổ đông về yêu cầu triệu tập.
4. Trường hợp Cổ đông/nhóm Cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì Chủ tịch HĐQT và TGD có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách Cổ đông có quyền dự họp.
5. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là người mua hàng.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của ĐHĐCĐ

Cổ đông/nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị đề xuất bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ (điểm c Khoản 2 Điều 11 Điều lệ) theo trình tự như sau:

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến Văn phòng HĐQT - Bộ phận Quan hệ Cổ đông hoặc bộ phận Văn thư Trụ sở chính Công ty theo phương thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua email theo thông tin liên hệ Công ty cung cấp trên website ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
Cổ đông/nhóm Cổ đông kiến nghị bổ sung chương trình họp có trách nhiệm cung cấp cho Chủ tịch HĐQT các tài liệu cần thiết để bổ sung vào tài liệu họp.
2. Yêu cầu, kiến nghị phải nêu rõ thông tin về tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, chữ ký của Cổ đông/nhóm Cổ đông.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ tiếp nhận và xử lý yêu cầu trên của Cổ đông/nhóm Cổ đông; sẽ thông báo đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông về kiến nghị của họ được chấp thuận hay bị từ chối nêu rõ cơ sở, căn cứ từ chối.
4. Trường hợp chấp thuận kiến nghị, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình họp ĐHĐCĐ.
Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
5. Trường hợp không chấp thuận kiến nghị, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông biết lý do không chấp thuận kiến nghị chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ.

Điều 11. Cổ đông đề nghị làm việc trực tiếp với HĐQT, TGD

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với HĐQT, TGD để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, hay bất kỳ nội dung nào phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc TGD để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch HĐQT hoặc TGD quyết định làm việc với Cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho Cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
3. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập Biên bản làm việc và lưu vào hồ sơ Công ty.
4. Căn cứ tình hình Công ty và các yêu cầu của Cổ đông, HĐQT quyết định việc tổ chức và cách thức gặp gỡ, trao đổi với các Cổ đông của Công ty.

Điều 12. Cung cấp thông tin cho Cổ đông

1. Thông tin của Công ty được cung cấp cho Cổ đông thông qua các kênh sau:
 - Trang Thông tin điện tử (Website) chính thức của Công ty;
 - Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;
 - Thông cáo báo chí của Công ty;
 - Phát ngôn của Chủ tịch HĐQT, TGD, Người được ủy quyền công bố thông tin;
 - Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho tất cả các Cổ đông hoặc công chúng.
2. Công ty tạo điều kiện để Cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
3. Trang Thông tin điện tử (Website), báo cáo và công bố thông tin của Công ty được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó ngôn ngữ Tiếng Việt được coi là ngôn ngữ chính và ưu tiên áp dụng trong trường hợp có nội dung chưa rõ, mâu thuẫn, hoặc tranh chấp cần làm rõ.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Tuân thủ theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ, thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: theo quy định tại Điều 17 Điều lệ.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ.

4. Thông báo triệu tập DHDCD: theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ.
5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ:
 - a) Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung ĐHĐCĐ: theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ.
 - b) Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp: theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 17 Điều lệ.
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp DHDCD: theo quy định tại Điều 15 Điều lệ.
7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
8. Điều kiện tiên hành: theo quy định tại Điều 18 Điều lệ.
9. Thử thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ: theo quy định tại Điều 19 Điều lệ.
10. Cách thức bỏ phiếu: Cổ đông thực hiện việc biểu quyết theo hướng dẫn/quy định tại Quy chế làm việc tại phiên họp DHDCD.
11. Cách thức kiểm phiếu: theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ và theo hướng dẫn/quy định tại Quy chế làm việc tại phiên họp ĐHĐCĐ.
12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:
 - a) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu.
 - Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban Kiểm phiếu;
 - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - Tổng số cổ đông tham gia bầu/biểu quyết;
 - Số Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử hợp lệ, Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử không hợp lệ và tỷ lệ tương ứng;
 - Số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến của từng vấn đề thông qua tại Đại hội; số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
 - Chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của đại diện cổ đông.
 - b) Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp DHDCD sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.
14. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 23 Điều lệ.
15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: theo quy định tại Điều 22 Điều lệ.
16. Công bố Nghị quyết DHDCD: theo quy định tại Điều 22 Điều lệ và các quy định pháp luật về công bố thông tin.

Điều 14. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: theo quy định tại Điều 21 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ, thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Công ty được phép áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự, phát biểu ý kiến tại cuộc ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật có liên quan.
2. Công ty xây dựng Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Quy chế bao gồm các nội dung cơ bản sau:
 - a) Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - d) Điều kiện tiến hành;
 - e) Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến;
 - f) Cách thức bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử;
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - j) Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 16. Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp ĐHĐCĐ là tiếng Việt.
2. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp ĐHĐCĐ thì cổ đông là người nước ngoài có quyền dẫn theo phiên dịch khi tham dự Đại hội, tuy nhiên phải thông báo trước cho Ban Tổ chức Đại hội được biết khi đăng ký tham dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

Theo quy định tại Điều 26 Điều lệ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 18. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 25, Khoản 4, 5 Điều 24 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Dề cử, ứng cử thành viên HĐQT: Theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 24 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: Theo quy định tại Điều 30 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: Theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19. Thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT

Thù lao và lợi ích của Thành viên HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường: Theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Thông báo họp HĐQT (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định): Theo quy định tại Khoản 6, 7 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Theo quy định tại Khoản 8 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Cách thức biểu quyết: Theo quy định tại Khoản 9, 10, 11, 12 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT: Theo quy định tại Khoản 14 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT: Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
8. Lập biên bản họp HĐQT: Theo quy định tại Điều 18 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật có liên quan.
9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT: Theo quy định tại Điều 19 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật có liên quan.
10. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT: Theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Ủy ban Kiểm toán

1. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:
Theo quy định tại Điều 39 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán:
 - a) Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: theo quy định tại Điều 38 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
 - b) Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán: theo quy định tại Điều 37 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán: theo quy định tại Điều 40, 41 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Các Tiểu ban/Bộ phận/Đơn vị thuộc HĐQT

Theo quy định tại Điều 31 Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty

Người phụ trách Quản trị Công ty được lựa chọn và bổ nhiệm, hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 32 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 24. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD

Theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD: Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 34 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Miễn nhiệm TGD: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 34 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với TGD:
Việc bổ nhiệm TGD theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Điều lệ.
Việc ký hợp đồng lao động với TGD theo quy định tại tiết (viii) điểm a Khoản 2 Điều 26 Điều lệ, Nội quy Lao động, quy chế quản lý nhân sự của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với TGD: theo quy định tại tiết (viii) điểm a Khoản 2 Điều 26 Điều lệ, Nội quy Lao động, quy chế quản lý nhân sự của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD: theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
6. Tiền lương và lợi ích khác của TGD: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG
GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và TGD

1. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định mời Thành viên Ban TGD tham dự cuộc họp HĐQT nếu thấy cần thiết. TGD được quyền tham dự cuộc họp HĐQT và phải có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban TGD, TGD có thể mời một số Thành viên HĐQT và Thành viên của các Tiểu ban/Bộ phận/Đơn vị trực thuộc HĐQT tham dự họp.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT/ TGD có thể đề nghị/yêu cầu HĐQT/Ban TGD tham dự cuộc họp giữa một số hoặc tất cả các thành phần bao gồm HĐQT và TGD.
4. Thông báo mời họp trong trường hợp nêu tại Khoản 1,2 và 3 Điều này tuân thủ theo trình tự, thủ tục triệu tập họp cuộc họp của HĐQT/ Ban TGD quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
5. Thông báo mời họp của HĐQT và Ban TGD phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày trước ngày họp.
6. Biên bản họp phải được chuyển cho tất cả các thành viên tham dự họp trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
7. Tất cả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến TGD trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 27. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với TGD

1. TGD có trách nhiệm báo cáo với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc báo cáo phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Báo cáo phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, đầy đủ, kịp thời, phản ánh đúng thực trạng tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và các vấn đề quan trọng liên quan tới Công ty.
 - b) Các báo cáo được lập theo biểu mẫu thống nhất của Công ty (nếu có) hoặc theo yêu cầu cụ thể của HĐQT.
 - c) Báo cáo phải được trình bày rõ ràng, đầy đủ các nội dung được yêu cầu, kèm theo các phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết (nếu có), kèm theo các tài liệu, thông tin cần thiết để làm cơ sở chứng minh cho các nội dung trọng yếu trong báo cáo và các tài liệu, thông tin liên quan khác được yêu cầu.
 - d) Tuân thủ phương thức lập, gửi báo cáo, thời hạn báo cáo theo quy định và yêu cầu của HĐQT.
2. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT về nội dung và tính chính xác của các báo cáo.
3. HĐQT có quyền yêu cầu bổ sung thông tin hoặc giải trình về các nội dung báo cáo khi cần

thiết.

4. HĐQT ban hành quy định, đưa ra các yêu cầu, chỉ thị cụ thể về hoạt động báo cáo của TGD đối với HĐQT.
5. HĐQT có quyền kiểm điểm, kiến nghị, yêu cầu điều chỉnh việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề được HĐQT ủy quyền của TGD để đảm bảo đúng định hướng và hướng tới hiệu quả, lợi ích cao nhất cho Công ty.

Điều 28. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo, báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT

1. Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT: các vấn đề cần báo cáo, cung cấp thông tin định kỳ, bất thường thuộc trách nhiệm TGD phải thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và yêu cầu của HĐQT.
2. Cách thức thông báo, báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT: theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và yêu cầu của HĐQT.
3. HĐQT ban hành quy định, đưa ra các yêu cầu, chỉ thị cụ thể về hoạt động thông báo, báo cáo, cung cấp thông tin của TGD đối với HĐQT.

Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, các Đơn vị thuộc HĐQT, các Thành viên HĐQT và Ban TGD

1. Nguyên tắc phối hợp chung:

- Tuân thủ pháp luật và Điều lệ, các quy định nội bộ khác của Công ty;
 - Tôn trọng thẩm quyền của từng đơn vị;
 - Phối hợp hiệu quả, tránh tình trạng chồng chéo chức năng hoặc bỏ sót trách nhiệm trong hoạt động quản lý, điều hành và giám sát.
 - HĐQT, các đơn vị thuộc HĐQT, các Thành viên HĐQT và Ban TGD có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo thực hiện hiệu quả, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của các bên theo quy định nội bộ của Công ty và quy định Pháp luật.
2. HĐQT tạo điều kiện để Ban TGD thực hiện tốt chức năng của mình. Ban TGD tạo điều kiện cần thiết để các Đơn vị thuộc HĐQT, các Thành viên HĐQT thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.
 3. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Ban TGD, các Đơn vị thuộc HĐQT, các Thành viên HĐQT có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với Thành viên Ban TGD để giải quyết kịp thời.
 4. TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.
 5. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, nếu Ban TGD phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch HĐQT biết để cùng giải quyết.
 6. Các kiến nghị, đề xuất từ Ban TGD/TGD tới các Đơn vị thuộc HĐQT, các Thành viên HĐQT, HĐQT phải được đơn vị/lãnh đạo tiếp nhận xem xét, xử lý, phản hồi kịp thời, đầy

đủ theo phạm vi thẩm quyền, chức năng của lãnh đạo/đơn vị tiếp nhận.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 30. Đánh giá hoạt động đối với Thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác

Hàng năm căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty.

Điều 31. Khen thưởng

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có thẩm quyền xem xét khen thưởng người được bổ nhiệm theo thủ tục pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, Nội quy Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
2. Hình thức khen thưởng:
 - Bằng khen;
 - Bằng tiền;
 - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty;
 - Hình thức khác.
3. Nguồn khen thưởng: Được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

Điều 32. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty. Thành viên HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn yếu kém sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:
 - Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;
 - Lạm dụng quyền hành, việc ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;
 - Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Các trường hợp khác theo quy định.
3. Các cách thức kỷ luật

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm;
 - Các hình thức khác theo quy định pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
4. Ngoài ra, các Thành viên bị xử lý kỷ luật phải hoàn trả lại cho Công ty khoản lợi ích mà Thành viên đó hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật. Thành viên bị kỷ luật phải bồi thường thiệt hại cho khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm IX Chương, 33 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2025.
2. Quy chế này được lập thành 01 bản và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do ĐHĐCĐ quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DỖ QUANG VINH

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-DHĐCĐ ngày 10/4/2025 của
Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	1
CHƯƠNG II	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
Điều 3.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT	1
Điều 4.	Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT	2
Điều 5.	Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT	2
Điều 6.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT	2
Điều 7.	Chủ tịch HĐQT	3
Điều 8.	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT	3
Điều 9.	Báo cáo, công bố về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT	3
CHƯƠNG III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 10.	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	3
Điều 11.	Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc thông qua, phê duyệt các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT	4
Điều 12.	Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường	4
Điều 13.	Các Tiểu ban, đơn vị thuộc HĐQT	4
Điều 14.	Ủy ban Kiểm toán	5
CHƯƠNG IV	CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 15.	Cuộc họp của HĐQT	5
Điều 16.	Ủy quyền tham gia họp, biểu quyết và cho ý kiến	5
Điều 17.	Trao đổi thông tin, liên lạc	5
Điều 18.	Phương thức họp, thông qua Nghị quyết/Quyết định của HĐQT	5
Điều 19.	Biên bản họp HĐQT	7
CHƯƠNG V	BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	8
Điều 20.	Trình báo cáo hằng năm	8
Điều 21.	Thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT	8
Điều 22.	Công khai các lợi ích có liên quan	8
CHƯƠNG VI	MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 23.	Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	8
Điều 24.	Mối quan hệ với Ban Điều hành	9
Điều 25.	Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	9
CHƯƠNG VII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	9
Điều 26.	Điều khoản thi hành	9

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025 của
Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HDQT”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HDQT và các thành viên HDQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HDQT, các thành viên HDQT và các cá nhân, đơn vị trực thuộc HDQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HDQT

- HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HDQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”), trước pháp luật về các Nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự phát triển của Công ty.
- HDQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc (“TGD”) hoặc cá nhân phù hợp tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Thành viên HDQT

- Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 26 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- Thành viên HDQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ, các quy định pháp luật có liên quan và các nghĩa vụ sau:
 - Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HDQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HDQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - Báo cáo HDQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HDQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HDQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm

- gắn nhất trước thời điểm giao dịch;
- c) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan.
 - đ) Thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành có thêm các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGĐ, Phó TGĐ, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.
3. Việc yêu cầu cung cấp thông tin phải được lập thành văn bản, gửi trực tiếp hoặc gửi email tới người/phụ trách đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin, đồng gửi cho Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp thông tin yêu cầu cung cấp là thông tin thuộc sự quản lý của TGĐ và/hoặc các Đơn vị thuộc quyền quản lý của TGD, yêu cầu cung cấp thông tin phải gửi tới Ủy ban Kiểm toán và TGĐ Công ty để Ủy ban Kiểm toán giám sát thực hiện và TGĐ chỉ đạo thực hiện.
4. Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu cụ thể các thông tin cần được cung cấp, phương thức cung cấp và gửi tới người/đơn vị tiếp nhận yêu cầu trước thời điểm yêu cầu cung cấp thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc. Trường hợp gửi qua email thì email của người gửi và người/phụ trách đơn vị tiếp nhận phải là các địa chỉ đã được đăng ký tại Công ty.
5. Người/đơn vị tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác đúng thời hạn và phương thức được yêu cầu. Trường hợp không thể cung cấp thông tin đúng thời hạn yêu cầu hoặc từ chối cung cấp một phần/toàn bộ thông tin, Người/đơn vị tiếp nhận yêu cầu phải phản hồi người yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, nêu rõ lý do không thể thực hiện đúng yêu cầu và phương án xử lý.
6. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, trừ các thông tin đã được công bố, công khai đại chúng.

Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT

Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 24 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện và đương nhiên không còn là Thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.
3. HĐQT phải thông báo trường hợp Thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
2. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của HĐQT từng thời kỳ.

Điều 8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Cách thức ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ, Thẻ lệ ứng cử, đề cử, bầu cử do Công ty thông báo và theo các quy định pháp luật liên quan.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu nêu tại Khoản 6 Điều 24 Điều lệ.
3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan, được ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 9. Báo cáo, công bố về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật về báo cáo, công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT Công ty có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty, quy định nội bộ của Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp Nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc thông qua, phê duyệt các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

HĐQT, Thành viên HĐQT có trách nhiệm đảm bảo tính trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, tuân thủ theo quy định của Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật liên quan trong việc xem xét, thông qua, phê duyệt các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Điều 12. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT thực thi trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 13 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 13. Các Tiểu ban, đơn vị thuộc HĐQT

1. HĐQT có trách nhiệm thành lập các đơn vị trực thuộc (kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro) theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
2. Ngoài ra, HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, ... theo yêu cầu thực tiễn từng thời kỳ.
3. HĐQT toàn quyền quyết định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các đơn vị trực thuộc HĐQT, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Tùy từng thời điểm, trên cơ sở phù hợp nhu cầu hoạt động của Công ty, của HĐQT và phù hợp với Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, HĐQT quyết định phân công, phân bổ nhân sự cụ thể cho từng đơn vị.
5. Mỗi Tiểu ban đảm bảo tối thiểu 01 người bao gồm thành viên của HĐQT và có thể mời thêm thành viên bên ngoài trên cơ sở phù hợp với nhu cầu, khả năng thực tế của Công ty, Điều lệ, các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Hoạt động của Tiểu ban phải bảo đảm tính trách nhiệm, chính trực, tự giác và phải tuân thủ theo quy định, yêu cầu của HĐQT, Điều lệ, các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
7. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên của Tiểu ban tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban hoặc theo phương thức khác được quy định tại quy chế/quy định về tổ chức, hoạt động của Tiểu ban.
8. Việc thực thi quyết định của các đơn vị trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
9. Các thành viên phụ trách các Tiểu ban có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật thông tin, diễn biến tình hình công ty thuộc phạm vi chuyên môn hoạt động của Tiểu ban trên cơ sở các hồ sơ, dữ liệu và các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, Ban TGD, Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Các nội dung tổng hợp, cập nhật của thành viên phụ trách các Tiểu ban cần được gửi, báo cáo tới các Thành viên HĐQT được biết để cùng có biện pháp xử lý, định hướng và hỗ trợ cho Ban TGD tìm ra phương án giải quyết phù hợp, đặc biệt trong những thời điểm thị trường biến động lớn và nền kinh tế có nhiều chính sách tác động.

Điều 14. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT.
2. Thành phần và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Chương IX Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT được tổ chức theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp tổ chức họp thông qua phương thức trực tuyến thì cuộc họp được xem là kết thúc vào ngày Thành viên HĐQT cuối cùng cho ý kiến biểu quyết đối với toàn bộ các vấn đề, nội dung được biểu quyết tại cuộc họp. Tuy nhiên, thời hạn cho ý kiến biểu quyết do Chủ tịch HĐQT quyết định và được thể hiện tại Thông báo mời họp. Các Thành viên HĐQT cho ý kiến biểu quyết sau thời hạn nêu trên sẽ được xem là không có ý kiến biểu quyết đối với vấn đề mà các Thành viên đó chưa cho ý kiến biểu quyết.

Điều 16. Ủy quyền tham gia họp, biểu quyết và cho ý kiến

1. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định của Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.
2. Văn bản ủy quyền phải được gửi tới Văn phòng HĐQT Công ty trước khi cuộc họp bắt đầu.
3. Việc ủy quyền có hiệu lực sau khi được các Thành viên HĐQT khác đồng ý. Việc lấy ý kiến đồng ý của các Thành viên HĐQT có thể được thực hiện thông qua email, trực tiếp tại cuộc họp HĐQT. Trường hợp Thành viên HĐQT đã đồng ý với việc ủy quyền thì việc đồng ý sẽ có giá trị, hiệu lực tới khi kết thúc thời hạn ủy quyền hoặc tới khi Thành viên HĐQT thay đổi ý kiến và không đồng ý với việc ủy quyền.

Điều 17. Trao đổi thông tin, liên lạc

Việc trao đổi các thông tin, gửi ý kiến phản hồi liên quan tới việc tổ chức họp HĐQT, lấy ý kiến các Thành viên HĐQT có thể được thực hiện thông qua email của các Thành viên HĐQT đã đăng ký với Công ty.

Điều 18. Phương thức họp, thông qua Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Tuỳ theo tình hình thực tế, Chủ tịch HĐQT có quyền lựa chọn phương thức để họp, thông qua nghị quyết/quyết định của HĐQT theo các hình thức sau:

1. **Hình thức họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:** trình tự tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan. Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. **Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
 - a) Chủ tịch HĐQT phải gửi Phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày đến hạn gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty, theo đường bưu điện, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
 - b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên thành viên HĐQT;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- c) Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT/người đại diện theo ủy quyền;
 - Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu và phải được gửi – nhận thông qua các địa chỉ fax, thư điện tử của Thành viên HĐQT đã được đăng ký tại Công ty và địa chỉ nhận của Công ty được Người tổ chức lấy ý kiến thông báo;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Mỗi Thành viên HĐQT được gửi 01 Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và được xác định là tương ứng với 01 Phiếu biểu quyết. Chủ tịch HĐQT trực tiếp hoặc yêu cầu Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.
- e) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;
 - Số thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách thành viên HĐQT tham gia biểu quyết kèm ý kiến biểu quyết tương ứng;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và/hoặc người kiểm phiếu;
 - Người kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn

07 ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến theo các phương thức tương tự gửi Phiếu lấy ý kiến.

- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản nếu được đa số số phiếu biểu quyết hợp lệ tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp. Nghị quyết được gửi cho tất cả các thành viên tham dự họp trong vòng 07 (bảy) ngày.

3. Hình thức họp trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến:

- Hình thức họp trực tuyến là hình thức tổ chức họp được thực hiện trên Hệ thống họp trực tuyến (là trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc công nghệ, phương tiện điện tử khác do Công ty cung cấp, tạo lập để các thành viên HĐQT đăng ký tham dự, đăng nhập bằng tài khoản nhận diện, biểu quyết, bầu, họp và thực hiện các quyền khác). Thành viên HĐQT có thể theo dõi Cuộc họp HĐQT tại các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông tin hoặc thiết bị công nghệ phù hợp khác.
- HĐQT có quyền xây dựng Quy chế triệu tập, tổ chức họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến dựa trên các quy định nguyên tắc về việc triệu tập, tổ chức họp HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật liên quan.
- Chủ tịch HĐQT/Người triệu tập họp có trách nhiệm tổ chức họp theo Quy chế triệu tập, tổ chức họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến đã được HĐQT ban hành.
- Nghị quyết được thông qua theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp trực tiếp.

Điều 19. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa văn bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong văn bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
2. Biên bản họp HĐQT phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ và tên các thành viên HĐQT dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT/người được ủy quyền tham dự họp;
- j) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (trừ điểm j) tại khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
- Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT.
- Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.
5. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp, nghị quyết/quyết định của HĐQT cho các thành viên trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHDCĐ báo cáo sau:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- Báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán.

Điều 21. Thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích có liên quan

Thành viên HĐQT phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, Chủ tịch HĐQT có thể giao/phân công một/một số thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính về một vấn đề/lĩnh vực hay công việc nhất định. Thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp với các thành viên HĐQT khác, đầu mối xử lý và báo cáo công việc với Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến chưa thống nhất thì thành viên được giao chịu trách nhiệm chính phải báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công, chuyển giao lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan đầy đủ. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

Điều 25. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc xử lý, khắc phục các vấn đề tồn đọng, các vi phạm bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm VII Chương, 26 Điều do ĐHDCĐ Công ty ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 10/04/2025.
2. HĐQT, Ban TGD và các đơn vị, cá nhân có liên quan, cùng toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do ĐHDCĐ quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ QUANG VINH

- Tel: 84.24.38181888
- Fax: 84.24.38181688
- Email: contact@shs.com.vn
- Website: www.shs.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

*(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025 của
Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2025

CC
CJN
A
H
/ 24

MỤC LỤC

Điều 1.	Dối tượng, phạm vi áp dụng	1
Điều 2.	Các định nghĩa	1
Điều 3.	Tổ chức Đại hội trực tuyến, biểu quyết và bỏ phiếu điện tử	2
Điều 4.	Cách thức đăng ký, đăng nhập, tham dự họp ĐHĐCĐ	3
Điều 5.	Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp	4
Điều 6.	Xác định điều kiện tiến hành họp Đại hội trực tuyến	4
Điều 7.	Trình tự, thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử	5
Điều 8.	Thảo luận tại Đại hội	5
Điều 9.	Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại Đại hội trực tuyến	5
Điều 10.	Gửi ý kiến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử khác	6
Điều 11.	Xác định kết quả biểu quyết	6
Điều 12.	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ	7
Điều 13.	Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/Người được ủy quyền khi tham gia ĐHĐCĐ	7
Điều 14.	Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa	8
Điều 15.	Trách nhiệm của Thư ký cuộc họp	8
Điều 16.	Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu	9
Điều 17.	Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông	9
Điều 18.	Điều khoản thi hành	9

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN
VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Ban hành theo Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025

của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

- Quy chế này được ban hành nhằm quy định việc tổ chức, tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền của Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội bằng hình thức họp, biểu quyết theo phương thức trực tuyến, hoặc phương thức điện tử khác.
- Các quy định liên quan đến việc tổ chức cuộc họp của ĐHĐCĐ Công ty không quy định chi tiết tại Quy chế này, sẽ áp dụng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- Quy chế này áp dụng đối với tất cả các Cổ đông của Công ty, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc tổ chức các cuộc họp của ĐHĐCĐ.

Điều 2. Các định nghĩa

Các định nghĩa, từ viết tắt sử dụng trong Quy chế, bao gồm:

- “*Công ty*” hoặc “*SHS*”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
- Cổ đông*: là người sở hữu cổ phần SHS, có tên trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc là người được ủy quyền hợp lệ.
- DHĐCĐ*: Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- HDQT*: Hội đồng quản trị của Công ty.
- VSDC*: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- Đại hội*: Là phiên họp của ĐHĐCĐ của Công ty.
- Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến*: Là trang thông tin điện tử, phần mềm, ứng dụng hoặc công nghệ, phương tiện điện tử khác do Công ty cung cấp, tạo lập để Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự, biểu quyết, bầu cử, họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện các quyền khác (nếu có); được Công ty thông báo tại Thông báo mời họp.
- Đại hội trực tiếp* là hình thức tổ chức cuộc họp trực tiếp tại một địa điểm xác định được

thông báo trên Thông báo mời họp. Với hình thức này, các Cổ đông chỉ thực hiện tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của Cổ đông tại địa điểm tổ chức cuộc họp hoặc gửi ý kiến thảo luận, biểu quyết tới các địa chỉ (trực tiếp, điện tử) mà Công ty quy định tại Thông báo mời họp.

9. *Đại hội trực tuyến*: Là cuộc họp được thực hiện trên Hệ thống ĐHDCĐ trực tuyến do Công ty cung cấp tại từng thời điểm, sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của Đại hội, thảo luận, và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Cổ đông tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi Đại hội, cho ý kiến thảo luận và biểu quyết cũng như thực hiện các quyền khác của Cổ đông tại cuộc họp từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc thiết bị công nghệ khác phù hợp.
10. *Bỏ phiếu trực tiếp*: là việc cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại Đại hội trực tiếp.
11. *Bỏ phiếu điện tử*: Là việc Cổ đông thực hiện biểu quyết trên Hệ thống ĐHDCĐ trực tuyến theo quy định của Quy chế này hoặc gửi phiếu biểu quyết, bầu cử từ địa chỉ điện tử của Cổ đông đã đăng ký trên Danh sách cổ đông của Công ty (do VSDC quản lý và cung cấp) tới địa chỉ điện tử được Công ty quy định tại Thông báo mời họp.
12. *Người được ủy quyền*: Là người được Cổ đông ủy quyền tham dự họp và thực hiện các quyền của Cổ đông tại cuộc họp ĐHDCĐ phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế này.
13. *Phương tiện điện tử*: là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử, hoặc công nghệ tương tự.
14. *Tài khoản truy cập*: bao gồm tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được SHS cấp duy nhất cho từng cổ đông.
15. *Tham dự ĐHDCĐ trực tuyến* là việc cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.
16. *OTP*: Là mật khẩu xác thực 01 lần, được cung cấp đến Cổ đông qua email/tin nhắn trên điện thoại di động khi Cổ đông thực hiện đăng ký/dăng nhập Hệ thống ĐHDCĐ trực tuyến. Cổ đông cần nhập OTP cho các bước đăng ký, đăng nhập, thay đổi mật khẩu, các thay đổi đăng ký (nếu có), khi biểu quyết, bầu cử để xác thực và thể hiện sự chấp thuận của Cổ đông khi thao tác trên Hệ thống ĐHDCĐ trực tuyến.

Các từ ngữ, thuật ngữ khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật.

Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến, biểu quyết và bỏ phiếu điện tử

1. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT quyết định việc triệu tập họp ĐHDCĐ theo hình thức

Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội trực tiếp theo Quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức hoặc có kết hợp hình thức Đại hội trực tuyến, Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ do HĐQT quyết định thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức họp trực tuyến.
3. Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm gửi, công bố, đăng tải các nội dung hướng dẫn tham gia Đại hội trực tuyến tới các Cổ đông thông qua Thông báo mời họp và/hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Hình thức cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến, cho ý kiến thảo luận, biểu quyết và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu tại Đại hội trực tiếp.
5. HĐQT có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn, tổ chức thực hiện các công việc cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu hợp lý của Cổ đông.
6. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị ảnh hưởng gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức Đại hội tại địa điểm chính bị gián đoạn thì Ban Tổ chức Đại hội phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - Đảm bảo an toàn thông tin Tài khoản truy cập vào hệ thống.
 - Dữ liệu điện tử của chương trình đại hội trực tuyến phải được lưu giữ theo quy định Pháp luật, quy chế, quy định nội bộ của Công ty và trích xuất được từ hệ thống.

Điều 4. Cách thức đăng ký, đăng nhập, tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông tham dự Đại hội bằng cách truy cập Trang Thông tin điện tử tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty, đường dẫn <https://dhcd.shs.com.vn>; hoặc Trang Thông tin điện tử khác, phần mềm, tiện ích, ứng dụng, công cụ điện tử khác do Công ty thông báo kể từ thời điểm Hệ thống cho phép truy cập để đăng ký/dăng nhập và/hoặc tham dự/ủy quyền tham dự và thực hiện các quyền khác của Cổ đông tại cuộc họp trong thời gian tổ chức cuộc họp;
2. Khi truy cập Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông thực hiện theo các bước hướng dẫn của hệ thống, khai báo và kiểm tra lại các thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân phù hợp với thông tin đã được đăng ký tại VSDC;

Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông cần nghiên cứu kỹ các quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện được hiển thị và/hoặc chỉ dẫn bởi Hệ thống ĐHĐCĐ, sau đó xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với Bản Điều khoản và Điều kiện này để tiếp tục thực hiện các

thao tác, công việc tiếp theo.

3. Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông cần kê khai các thông tin cần thiết theo yêu cầu (nếu có) nhằm đảm bảo cho Công ty nhận diện đúng Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến.
4. Tên đăng nhập và Mật khẩu đăng nhập sẽ được Công ty gửi cho Cổ đông thông qua một hoặc toàn bộ các phương thức bao gồm: Thông báo mời họp, Email, Tin nhắn điện thoại căn cứ theo địa chỉ liên hệ, địa chỉ email và số điện thoại của cổ đông được VSDC cung cấp trong Danh sách cổ đông sở hữu cổ phần SHS được chốt tại Ngày Đăng ký cuối cùng hoặc do Cổ đông cung cấp cho Công ty.
5. Cổ đông sau khi nhận được thông tin đăng nhập (Tên đăng nhập và Mật khẩu) sẽ sử dụng thông tin đăng nhập này để hoàn tất việc kích hoạt và sử dụng tài khoản, ủy quyền, tham dự, theo dõi tiến trình ĐHĐCĐ theo hướng dẫn trong Thông báo mời họp (Thư mời) và tuân tực theo các thao tác thực hiện trên Hệ thống.
6. Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông sau khi kích hoạt Tài khoản thành công có thể thực hiện việc thay đổi mật khẩu, các quyền ủy quyền, họp, cho ý kiến, biểu quyết, bầu cử và các quyền khác (nếu có).
7. Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông cần theo dõi thường xuyên các email/sms được gửi về, để có thông tin về Đại hội, cách thức tham dự họp và biểu quyết.
8. Trường hợp cần thay đổi, điều chỉnh hoặc cần bất kỳ sự hỗ trợ nào, Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông liên hệ với Công ty. Công ty đảm bảo cung cấp và duy trì nhiều kênh liên lạc và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

Điều 5. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp

1. Việc ủy quyền tham dự cuộc họp của Đại hội thông qua Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ khác có liên quan của Công ty và Pháp luật hiện hành.
2. Các Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông cần cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết theo thông báo, hướng dẫn và quy định của Công ty và quy định Pháp luật để thực hiện ủy quyền, làm cơ sở để SHS ghi nhận việc ủy quyền, cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác để thay mặt Cổ đông tham dự thông qua Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 6. Xác định điều kiện tiến hành họp Đại hội trực tuyến

Cổ đông/Người được ủy quyền được coi là tham dự Đại hội trực tuyến hợp lệ, đầy đủ khi thực hiện theo một trong các hình thức sau:

1. Tham dự họp trực tuyến: cổ đông được xác nhận là Tham dự họp Đại hội trực tuyến khi đã đăng nhập trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, đường dẫn <https://dhcd.shs.com.vn> (hoặc

Trang Thông tin điện tử khác do Công ty thông báo), có xác thực OTP, theo tên đăng nhập và mật khẩu hoặc phương thức nhận diện khác được Hệ thống Đại hội trực tuyến cấp.

Trường hợp Cổ đông đã đăng nhập nhưng không thực hiện biểu quyết, bầu cử, bỏ phiếu, Cổ đông vẫn được tính là đã tham dự họp.

2. Cách thức tham gia trực tuyến khác theo Thông báo mời họp và hướng dẫn của Công ty.

Điều 7. Trình tự, thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

1. Việc triệu tập, lập Danh sách cổ đông, gửi Thông báo mời họp và tài liệu kèm theo, tổ chức và tiến hành cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ của Công ty và quy định Pháp luật.
2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.
3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật ảnh hưởng việc tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, Cổ đông liên hệ ngay với SHS theo hướng dẫn được thông báo tại Thông báo mời họp hoặc do Ban Tổ chức Đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.
4. Công ty sẽ bố trí đầy đủ các thiết bị truyền hình, thu phát sóng, để truyền tải nội dung của cuộc họp đến Cổ đông trên Hệ thống ĐHĐCĐ. Trường hợp Hệ thống ĐHĐCĐ bị gián đoạn, Chủ tọa sẽ tóm tắt lại nội dung bị gián đoạn để Cổ đông tham dự nắm được thông tin. Đồng thời, Công ty cũng sẽ bố trí các thiết bị dự phòng, để Cổ đông có thể theo dõi liên tục Đại hội Hệ thống sẽ được mở và bắt đầu ghi nhận việc Cổ đông đăng nhập tham dự họp Đại hội trực tuyến trước thời điểm khai mạc theo cách thức vận hành của Hệ thống Đại hội trực tuyến hoặc một thời gian cụ thể do HĐQT/Trường BTC Đại hội quyết định và thông báo cho Cổ đông biết và thực hiện.
5. Cổ đông tham khảo Tài liệu họp đã được cung cấp trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc công bố thông tin theo quy định trên website Công ty.

Điều 8. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình họp đã được thông qua. Nội dung thảo luận không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân và không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông có ý kiến phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi trên các công cụ, tiện ích tương ứng của Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến. Thư ký cuộc họp sẽ sắp xếp, tổng hợp các câu hỏi của Cổ đông và chuyển cho Chủ tọa.

Điều 9. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại Đại hội trực tuyến

1. Cách thức biểu quyết tại Đại hội do HĐQT quyết định theo pháp luật, Điều lệ Công ty,

Quy chế Quản trị nội bộ và các quy định tại Quy chế này, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ Công ty và được thông báo cho toàn thể Cổ đông được biết và thực hiện trước mỗi phiên họp ĐHĐCĐ và/hoặc được hiển thị, công bố, chỉ dẫn trên Hệ thống Đại hội trực tuyến.

2. Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết, bầu cử, bỏ phiếu trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, chọn Mục Bỏ Phiếu và thực hiện cho ý kiến biểu quyết, bầu cử. Việc thực hiện biểu quyết, bầu cử, bỏ phiếu trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công và/hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.

Điều 10. Gửi ý kiến, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử khác

Trường hợp Công ty có thông báo, quy định, hướng dẫn về việc gửi ý kiến, biểu quyết và bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử khác (email, fax, điện thoại...), Cổ đông thực hiện gửi ý kiến, biểu quyết và bỏ phiếu theo thông báo, quy định và hướng dẫn của Công ty.

Điều 11. Xác định kết quả biểu quyết

1. Các nội dung, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu không hợp lệ:
 - Được gửi không theo phương thức và/hoặc không tới địa chỉ nhận do Công ty hướng dẫn, quy định, thông báo;
 - Được gửi sau khi đã kết thúc thời gian lấy ý kiến, biểu quyết, bỏ phiếu;
 - Được gửi từ các địa chỉ liên hệ không được ghi nhận tại Danh sách Cổ đông do VSDC quản lý, cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp hoặc không được đăng ký với Công ty trước đó.
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ, Quy chế, quy định nội bộ khác có liên quan của Công ty.
2. Nguyên tắc xác định kết quả biểu quyết
 - a) Trường hợp Cổ đông biểu quyết theo nhiều hình thức khác nhau, và/hoặc có nhiều ý kiến khác nhau, thì kết quả biểu quyết hợp lệ mà Công ty và/hoặc hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tiếp nhận từ Cổ đông sau cùng trong thời gian thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu sẽ được ghi nhận.
 - b) Cổ đông đã biểu quyết nhưng sau đó có nhu cầu thay đổi ý kiến biểu quyết thực hiện theo Hướng dẫn của Hệ thống Đại hội trực tuyến nếu hệ thống cho phép, hoặc thông báo cho Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu biểu quyết lại, và chỉ được biểu quyết lại nếu vẫn còn thời hạn biểu quyết.

Thời gian kết thúc biểu quyết đối với từng nội dung sẽ được xác định theo chương trình họp và phụ thuộc vào diễn biến Đại hội.

Chủ tọa có quyền yêu cầu kết thúc hoạt động biểu quyết, bỏ phiếu của tất cả/từng vấn đề trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến.

- Mỗi sự kiện biểu quyết đang diễn ra hoặc kết thúc đều được thông báo trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến để Cổ đông được biết và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu.
- c) Trường hợp Cổ đông chưa hoàn việc biểu quyết, bỏ phiếu trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến do bị ngắt kết nối và/hoặc do bất kỳ sự cố kỹ thuật nào, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã bỏ phiếu. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung với các vấn đề chưa biểu quyết.
 3. Nội dung cần biểu quyết tại cuộc họp: theo nội dung chương trình họp đã được ĐHĐCĐ thông qua, theo quy định của Pháp luật, quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
 4. Xác định kết quả biểu quyết:
 - a) Căn cứ kết quả biểu quyết của Cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết và thông báo cho Chủ tọa, để Chủ tọa quyết định việc tiếp tục các nội dung khác theo chương trình họp.
 - b) Cổ đông đã bỏ phiếu trước khi Đại hội bắt đầu được mặc định đồng ý với các nội dung biểu quyết này, trừ trường hợp Cổ đông có ý kiến khác và/hoặc đã gửi ý kiến đến Công ty trước thời điểm xác định kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 5. Xác định kết quả biểu quyết đối với nội dung phát sinh mới:
 - a) Trường hợp Cổ đông kiến nghị vấn đề để bổ sung vào chương trình họp và được Chủ tọa đồng ý đưa vào chương trình họp, thì vấn đề kiến nghị đó sẽ được thông báo và thông qua tại Đại hội, cập nhật trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến và công bố thông tin theo quy định để Cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung.
 - b) Trường hợp Cổ đông đã bỏ phiếu bỏ phiếu điện tử không biểu quyết đối với vấn đề mới được bổ sung, Cổ đông đó được xác định là không tham gia biểu quyết đối với nội dung được bổ sung thêm.
 6. Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Kết quả biểu quyết được xác định theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quy định Pháp luật.
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
3. Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quy định Pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/Người được ủy quyền khi tham gia Đại hội đồng Cổ đông

1. Tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của Cổ đông tại Đại hội.
2. Cổ đông đăng nhập thành công trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến để dự Đại hội sau khi

cuộc họp khai mạc có quyền tham gia, thảo luận, biểu quyết sau khi thực hiện đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, trừ các vấn đề không tham gia trước đó mà Đại hội đã tiến hành biểu quyết xong. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp, hoặc trình bày lại các vấn đề đã được trình bày trước đó.

3. Tuân thủ các quy định của Đại hội trực tuyến, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa.
4. Trường hợp tham dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông tự trang bị các thiết bị, công nghệ nghe, nhìn phù hợp theo hướng dẫn của Công ty để có thể kết nối và nghe đầy đủ thông tin của cuộc họp.
5. Cam kết cung cấp cho Công ty các thông tin phục vụ cuộc họp một cách đầy đủ, chính xác và là thông tin của chính Cổ đông hoặc Người được ủy quyền.
6. Bảo mật các thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, mã OTP được Công ty cung cấp; và tự chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng tài khoản, kết quả biểu quyết được thực hiện từ thông tin tài khoản đã được cấp.
7. Chấp nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Cổ đông đã đăng ký, cung cấp cho Công ty hoặc trên danh sách cổ đông do VSDC cung cấp là của chính Cổ đông, và mặc nhiên được hiểu là đã được gửi đến cho hoặc gửi từ Cổ đông.
8. Cổ đông hiểu rằng, việc thực hiện họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác luôn có những rủi ro tiềm tàng do lỗi hệ thống, kỹ thuật, đường truyền, virus, do lỗi của bất kỳ bên thứ ba cung cấp dịch vụ hoặc các trường hợp bất khả kháng.
9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa

1. Điều khiển cuộc họp theo nội dung chương trình nghị sự tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ, các quy chế và quy định nội bộ của Công ty.
2. Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình họp của ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình ĐHĐCĐ.
3. Có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.
4. Chủ trì và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra ĐHĐCĐ.
5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 15. Trách nhiệm của Thư ký cuộc họp

1. Thư ký cuộc họp do Chủ tọa đề cử. Thư ký cuộc họp thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung diễn biến ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được Cổ đông thông qua vào Biên bản họp.

2. Hỗ trợ Cổ đông thực hiện việc thảo luận, phát biểu tại cuộc họp.
3. Ghi chép, lập Biên bản họp, có thể ghi âm/quay phim làm tư liệu lưu trữ nếu cần thiết; soạn thảo các Nghị quyết, Biên bản họp về các vấn đề đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
2. Xác định chính xác, trung thực kết quả biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
3. Xem xét và báo cáo Chủ tọa những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu; lập Biên bản kiểm phiếu để công bố trước ĐHĐCĐ.
5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tịch HĐQT phân công, có trách nhiệm hỗ trợ việc tổ chức Đại hội trực tuyến, kiểm tra việc đăng ký, tham dự của Cổ đông hợp lệ, chính xác.
2. Hỗ trợ Ban Kiểm phiếu trong công tác kiểm phiếu theo yêu cầu của Ban Kiểm phiếu.
3. Lập Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách các Cổ đông tham dự họp.
4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Dữ liệu, thông tin của Cổ đông sẽ được đảm bảo an toàn, bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích của Đại hội trực tuyến, hỗ trợ, quản lý Cổ đông của Công ty.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội và HĐQT ban hành chính thức. Cổ đông, HĐQT và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế này kể từ lần ban hành thứ nhất sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về việc thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ĐỖ QUANG VINH



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

PHIẾU BIỂU QUYẾT MÃ CỔ ĐÔNG

CD_XXXX

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

NGUYỄN VĂN A

200.000 CP

Trong đó:

Số cổ phần đại diện/sở hữu: 200.000

Số cổ phần ủy quyền: 0

*Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức
ngày 10/04/2025*



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT



02-0208445

Tên cổ đông/Đại diện cổ đông: NGUYỄN VĂN A
Mã số tham dự: CD_XXXX
Tổng số cổ phần Đại diện: 200.000 cổ phần
Tổng số phiếu biểu quyết: 200.000 phiếu

Kính đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng.

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (theo nội dung Tờ trình số 01-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Thông qua trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024 (theo nội dung Tờ trình số 02-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 (theo nội dung Tờ trình số 03-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHS (theo nội dung Tờ trình số 04-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 (theo nội dung Tờ trình số 05-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với các Bên liên quan (theo nội dung Tờ trình số 06-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

9. Thông qua Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT năm tài chính 2025 (theo nội dung Tờ trình số 07-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

10. Thông qua sửa đổi Điều lệ, các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua (theo nội dung Tờ trình số 08-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

11. Thông qua triển khai chào bán/phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm (theo nội dung Tờ trình số 09-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

12. Thông qua Phương án triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán thông qua đối tác bù trừ trung tâm và chào bán sản phẩm tài chính (theo nội dung Tờ trình số 10-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

13. Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính Công ty (theo nội dung Tờ trình số 11-2025/TTr-ĐHĐCĐ)

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Cổ đông/Đại diện cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025

PHIẾU BẦU

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022 - 2027



10-02084-00

1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử:

- Tên cổ đông/Đại diện cổ đông: NGUYỄN VĂN A
- Mã số tham dự: CD_XXXX
- Tổng số cổ phần Đại diện (*): 200.000 cổ phần
- Tổng số phiếu bầu = (*) x 1 200.000 phiếu bầu

2. Phân bầu cử:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên có tên trong danh sách. Phần phiếu bầu còn lại (nếu có) có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không quá tổng số phiếu bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Số lượng phiếu bầu của mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó./.

Cổ đông/Đại diện cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Thường niên lần thứ XVIII)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ("SHS"/"Công ty") hiện hành;
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông SHS phiên họp thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XVIII) số 01-2025/BBH-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị ("HDQT") Công ty năm 2024 và định hướng năm 2025, bao gồm kết quả hoạt động của HDQT và tình thành viên HDQT trong năm 2024 và định hướng hoạt động trong năm 2025, các nội dung khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155-2020/ND-CP.
- Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán Công ty năm 2024, các nội dung khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155-2020/ND-CP.
- Điều 3:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán độc lập (theo nội dung tại Tờ trình số 01-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 4:** Thông qua việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 02-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 5:** Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty (theo nội dung tại Tờ trình số 03-2025/TTr-ĐHĐCĐ).

- Điều 6:** Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động SHS (theo nội dung Tờ trình số 04-2025/TTr-DHĐCĐ).
- Điều 7:** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính 2025 (theo nội dung Tờ trình số 05-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 8:** Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với các Bên liên quan của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 06-2025/TTr-DHĐCĐ).
- Điều 9:** Thông qua Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT năm 2025 (theo nội dung Tờ trình số 07-2025/TTr-DHĐCĐ).
- Điều 10:** Thông qua việc sửa đổi Điều lệ, các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ SHS thông qua (theo nội dung Tờ trình số 08-2025/TTr-DHĐCĐ), bao gồm:
- Thông qua toàn văn các văn bản sau để thay thế cho các văn bản tương ứng hiện hành: (1). Điều lệ Công ty và Bảng trình bày một số nội dung trọng yếu được sửa đổi, bổ sung và kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ; (2). Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty; (3). Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; (4). Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- Điều 11:** Thông qua việc triển khai chào bán/phát hành chứng quyền và niêm yết chứng quyền có bảo đảm của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 09-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 12:** Thông qua Phương án triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua đối tác bù trừ trung tâm và chào bán sản phẩm tài chính tại SHS (theo nội dung Tờ trình số 10-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 13:** Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính Công ty (theo nội dung Tờ trình số 11-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 14:** Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Lưu Danh Đức và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 (theo nội dung Tờ trình số 12-2025/TTr-ĐHĐCĐ).
- Điều 15:** Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 và bổ nhiệm Ông/Bà..... – Căn cước/CCCD số giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 10/04/2025.
- Điều 16:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2025.
- Biên bản họp, các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là một phần không tách rời của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, toàn thể Cổ đông, các phòng ban, cá nhân có liên quan thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

1. Như Điều 16;
2. UBCKNN, VSDC;
Sở GD&ĐT VN, HN & TPHCM (để b/cáo);
3. Lưu VPHĐQT, VT.

ĐỖ QUANG VINH



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

(V/v: Đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2022 – 2027)

Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) hiện hành;
- Quy chế nội bộ về Quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hiện hành;
- Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị SHS hiện hành;
- Đơn xin từ chức Thành viên HĐQT của Ông Lưu Danh Đức ngày 17/12/2024,

Để đảm bảo đủ số lượng nhân sự Hội đồng quản trị (“HĐQT”) theo quy định pháp luật và Điều lệ SHS đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát, quản trị của HĐQT Công ty, HĐQT SHS xin thông báo tới Quý vị Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu bổ sung: 01 thành viên (Chỉ có hiệu lực trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) chấp thuận miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT với ông Lưu Danh Đức)
2. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ của HĐQT 2022 – 2027.

Để tạo điều kiện cho việc công bố thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT đúng thời hạn, HĐQT SHS kính đề nghị Quý vị Cổ đông tham gia đề cử, ứng cử bổ sung Thành viên HĐQT đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện (theo văn bản đính kèm) gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử về Công ty trước ngày 04/04/2025 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tòa nhà UNIMEX Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (024) 38181888 (máy lẻ 312); Email: investor@shs.com.vn;
Di động/Zalo: 09363.88887 Website: <http://www.shs.com.vn>

Công ty sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được ứng cử, đề cử theo pháp luật và quy định nội bộ SHS để đưa vào Danh sách bầu chính thức tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- CBTT;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ QUANG VINH

CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2022 -2027

*(ban hành kèm theo Thông báo số ~~386~~-2025/CV-SHS ngày 20 /3/2025
v/v đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị SHS nhiệm kỳ 2022-2027)*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, thi hành;
- Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) hiện hành;
- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hiện hành;
- Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) SHS hiện hành,

Các nguyên tắc đề cử, ứng cử nhân sự để bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 tại phiên họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau:

1. Số lượng thành viên HDQT dự kiến bầu bổ sung: 01 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Thành viên HDQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ HDQT 2022 – 2027.
3. **Tiêu chuẩn đối với người được đề cử, ứng cử vào HDQT**

Thành viên HDQT SHS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định hiện đang có hiệu lực tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác tại Điều lệ SHS, các Quy chế, quy định nội bộ công ty và pháp luật có liên quan.

3.1. Những người sau đây không được làm thành viên Hội đồng quản trị SHS

- a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;
- c) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- d) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam,

trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- e) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 Luật doanh nghiệp (Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- e) Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
- f) Các Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Thành viên HĐQT độc lập

- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT nêu trên;
- b) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- e) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- f) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- g) Các Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

3.4. Quyền đề cử, ứng cử

Số lượng ứng cử viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử, ứng cử được quy định cụ thể trong Điều 35 Điều lệ SHS. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không được đề cử, ứng cử đủ số lượng ứng cử viên hoặc ứng viên không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện đề cử bổ sung.

4. Hồ sơ ứng cử, đề cử:

Cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị SHS, gửi đến SHS các hồ sơ, tài liệu sau:

- (1) Thông báo đề cử, ứng cử ứng viên tham gia Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 (03 bản) theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn;
- (2) Lý lịch cá nhân của ứng viên (03 bản) theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn (theo Mẫu Bản cung cấp thông tin Phụ lục III của Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố thông tin theo Nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC);
- (3) Bản Thông tin cá nhân (theo Mẫu số 67 – Nghị định 155/2020/NĐ-CP và theo yêu cầu trong mẫu về cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận);
- (4) Ảnh chân dung 4x6 chụp trong thời hạn 06 tháng gần nhất (03 ảnh);
- (5) Bản sao chứng thực Căn cước công dân/Căn cước (01 bản);
- (6) Phiếu Lý lịch tư pháp;
- (7) Văn bản cam kết của ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn);
- (8) Bản sao (có chứng thực của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng gần nhất) các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng viên theo quy định (03 bản);
- (9) Báo cáo công khai các lợi ích có liên quan (theo mẫu đăng tải trên website www.shs.com.vn) theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 (03 bản);
- (10) Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (nếu có) (03 bản);
- (11) Trường hợp người được bầu không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, hồ sơ còn bao gồm Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Phiếu này phải được hợp thực hóa lãnh sự. Trường hợp người nước ngoài hiện đã cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên thì phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp./.

CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

GT
HÀ
KH
30
VỘ

MẪU

(dành cho cá nhân/tổ chức đề cử, giới thiệu ứng viên
tham gia Hội đồng quản trị SHS nhiệm kỳ 2022-2027)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

ỨNG VIÊN THAM GIA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2027

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hiện hành;
- Căn cứ Thông báo số 39-2025/CV-SHS ngày 20/3/2025 của Hội đồng Quản trị SHS việc đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027;

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu/tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông sở hữucổ phần phổ thông của SHS, bao gồm:

STT	HỌ TÊN CỔ ĐÔNG	Số CCCD/DKGD	SL CP SHS sở hữu	TỶ LỆ/ TỔNG SỐ CỔ PHẦN CỦA SHS	CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU TRONG TRƯỜNG HỢP CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC/PHÁP NHÂN/DOANH NGHIỆP)
1	Công ty ...				
2	Ngân hàng ...				
3	Ông/Bà				
....					
	TỔNG CỘNG				



Ghi chú: (một số thông tin về SHS)

Vốn điều lệ: 8.131.567.480.000 đồng

KL CP đang niêm yết: 813.156.748 cp (100%)

KL CP đang lưu hành: 813.156.748 cp (100%)

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, nhiệm kỳ 2022-2027, Chúng tôi nhất trí đề cử:

TT	Họ tên ứng cử viên	CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định
1				
2				
3				

1. Các ứng cử viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.
2. Tôi/chúng tôi luôn đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu số cổ phần SHS trong thời hạn yêu cầu theo luật định nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của việc đề cử các ứng viên trên, để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 của SHS.
3. Tôi/Chúng tôi xin gửi kèm theo thông báo này Danh sách và hồ sơ có liên quan của ứng viên lập theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của SHS.
4. Trong trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với Ông/bà:....., số điện thoại:; email:là đại diện cho nhóm cổ đông.

Trân trọng,

....., ngày.....tháng.....năm 2025

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CHO NHÓM CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN BẢN CAM KẾT
CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Tôi tên là: Giới tính:
Quốc tịch:
CC/CCCD/Hộ Chiếu: Ngày cấp:
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ chuyên môn:

Với vai trò là ứng cử viên vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị SHS, Tôi xin cam kết những nội dung dưới đây:

1. Các thông tin cá nhân được công bố là trung thực, chính xác.
2. Nếu trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị SHS, Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, đóng góp một cách hiệu quả nhất cho sự phát triển của SHS.

....., ngày tháng năm 2025

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)